**Võ Văn Trực**

Cọng Rêu Dưới Đáy Ao

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động  
  
*Nguồn:* [*http://vnthuquan.net/*](http://vnthuquan.net/)  
Tạo ebook: Nguyễn Kim Vỹ.

**MỤC LỤC**

[Chương I](" \l "bm2)

[Chương II](" \l "bm3)

[Chương III](" \l "bm4)

[Chương IV](" \l "bm5)

[Chương V](" \l "bm6)

[Chương VI](" \l "bm7)

[Chương VII](" \l "bm8)

[Chương VIII](" \l "bm9)

[Chương IX](" \l "bm10)

[Chương X](" \l "bm11)

[Chương XI](" \l "bm12)

[Chương XII](" \l "bm13)

[Chương XIII](" \l "bm14)

[Chương XIV](" \l "bm15)

[Chương XV](" \l "bm16)

[Chương XVI](" \l "bm17)

[Chương XVII](" \l "bm18)

[Chương XVIII](" \l "bm19)

**Võ Văn Trực**

Cọng Rêu Dưới Đáy Ao

**Chương I**

Bóng ngựa phi

Cha mẹ đặt tên anh là Toàn. Sau Cách mạng Tháng tám, chính quyền thôn thấy trong làng có một người nữa tên là Toàn, nên đổi tên anh thành Hiền. Anh thích lắm: được chính quyền cách mạng đặt tên! Gặp người bạn nào anh cũng nói “uỷ ban cách mạng đặt tên tao là Hiền. Từ nay mày đừng gọi tên tao là Toàn mà gọi là Hiền’’. Nhưng một số người cứ quen gọi anh là Toàn. Anh tỏ ý không bằng lòng. Có người đứng từ xa gọi “Toàn ơi! Toàn ơi!’’, anh không trả lời. Chợt hiểu ra, gọi “Hiền ơi!”, anh mới quay lại: “có Hiền đây! Có Hiền đây!”   
  
  
Năm ấy anh mười tám tuổi. Cả làng đói lăn chiêng. Ai cũng lo đi kiếm miếng ăn hàng ngày. Thế mà bỗng nhiên anh đi biền biệt suốt nửa tháng trời, đêm không ngủ ở nhà. Thỉnh thoảng anh mới về nhà lấy cái quần cái áo, rồi lại đi ngay. Tôi hỏi anh đi đâu, anh không trả lời. Cha mẹ tôi nói với tôi: “Anh đi công việc của anh, con hỏi làm gì. Con đừng nói cho ai biết là anh đi suốt ngày suốt đêm”. Tôi linh cảm thấy có một điều gì hệ trọng.   
  
Một buổi sáng, tôi đang ngủ, mẹ gọi dậy: “Xí ơi! Dậy nhanh đi con! Ra nhà thờ đại tôn nghe bác Chắt Kế hiểu thị!” Tôi chẳng biết “hiểu thị” là gì, nhưng tôi cũng cảm nhận được đây là việc quan trọng. Tôi vùng dậy, chạy ra, thấy người đã đứng đầy cả sân nhà thờ. Chừng hai chục thanh niên sắp hàng ngay dưới gốc cây phượng, một tay cầm dao một tay cầm cờ đỏ sao vàng. Tôi chăm chú nhìn anh Hiền cũng đứng trong đó. Người tôi run lên sung sướng. Một cảm giác thiêng liêng kỳ lạ ập đến choán hết cả tâm trí tôi. Trời, anh Hiền! Anh cũng đi theo bác Chắt Kế làm cách mạng, đuổi Pháp đuổi Nhật, giành độc lập cho đất nước!   
  
Sau khi diễn thuyết, bác Chắt Kế trao cho anh Hiền và anh Tòng lá cờ to. Anh Tòng trèo rất nhanh, cắm lá cờ lên ngọn cây phượng. Anh Hiền cầm dao đứng gác dưới gốc cây.   
  
Dân làng reo lên. Đôi mắt tôi dõi theo anh. Và tôi khóc. Tôi cố mím chặt môi, nhưng nước mắt cứ trào ra… Tiếp sau đó, bác Chắt Kế dẫn đoàn thanh niên đi cắm cờ khắp các làng trong huyện. Tiếng trống nổi lên từ làng này đến làng khác. Cờ đỏ mọc lên từ làng này đến làng khác. Cả người tôi như bồng bềnh trong tiếng trống, tiếng reo hò, trong màu cờ đỏ lựng. Còn gì sung sướng hơn khi được biết anh trai mình theo bác Chắt Kế làm cách mạng.   
  
Gần một năm sau, anh gia nhập quân địa phương huyện. Cả huyện Diễn Châu lúc ấy chỉ có một trung đội. Vì được học ít nhiều chữ quốc ngữ và chữ Tây, nên anh được cấp trên chỉ định làm trung đội trưởng. Cả Huyện đội có hai con ngựa: huyện đội trưởng Cao Xuân Khuê sử dụng một con, anh Hiền sử dụng một con. Trong những cuộc biểu tình trên huyện, nhân dân đứng hai bên đường quốc lộ, ông Cao Xuân Khuê cưỡi ngựa và mang gươm bên hông, đi đi lại lại trên đường, trông rất oai vệ. Đầu ông đội mũ nồi, một tay giơ lên, một tay cầm dây cương. Thỉnh thoảng ông lại giật cương, con ngựa ngẩng đầu và dựng tung bờm. Nhân dân kính cẩn đứng dẹp vào sát vệ đường. Anh Hiền không được cưỡi ngựa đi dọc đoàn biểu tình, mà chỉ được cưỡi ngựa đi lại trước hàng quân. Người làng tôi chỉ trỏ và xì xào: “Ông Khuê làng cấp chỉ huy to nhất huyện. Chú Hiền đứng hàng thứ hai. Làng ta có chú Hiền cũng là vinh dự lắm rồi’’.   
  
Thỉnh thoảng Huyện đội tổ chức tập trận giả. Vũ khí chiến đấu là một cây tre dài chừng ba mét, một đầu đập xơ ra và tẩm bùn. “Kẻ địch” bị đâm thì trên tay áo có dấu bùn, xem như đã chết, không được tiếp tục tham chiến nữa. ác liệt nhất là lúc xáp lá cà, hai bên cầm cành tre đâm nhau, bùn bắn tung toé, có người bị bùn bắn vào mắt, đành phải ôm mặt chạy về.   
  
Những cuộc tập trận giả như thế thường được tổ chức trong toàn huyện. Anh Hiền phi ngựa từ làng này qua làng khác như con thoi để kiểm tra trận địa.   
  
Cuộc tập trận giả năm ấy tổ chức vào đúng mùng ba tết Nguyên đán. Dân quân trong toàn huyện mang vũ khí và bánh tét ra trận. Anh Hiền đang phi ngựa trên đường số bảy, gần đến lên Hai Vai, thì có một ông cụ từ Đan Trung chạy ra, đứng ngáng ngang đường. Anh dừng ngựa. Cụ già vừa chắp tay vái vừa nói như thét vào mặt: “Thưa với ông đội! Trăm nghìn lạy ông đội! Quân hai bên đang đánh nhau trên đồi hung dữ lắm. Hai bên đánh xáp lá cà. Có người gãy tay. Không bên nào chịu bên nào. Trăm nghìn lạy ông đội lên bảo hai bên lui quân. Nếu trận đánh kéo dài, bị thương nhiều không có người cày cấy”. Nghe xong anh Hiền liền cho ngựa phi về phía Đan Trung, xông thẳng vào trận địa. Ngựa phi lên đỉnh đồi. Anh ngồi lẫm liệt trên mình ngựa, hai tay cầm hai lá cờ đuôi nheo, dõng dạc ra lệnh: “Mệnh lệnh quân sự! Hai bên rút quân về hai phía chân đồi, không được đánh nhau nữa! Tất cả đều phải theo lệnh tôi!” Thế là trận đánh ngừng lại. Anh buông dây cương, cho ngựa đi thong dong từ bên này sang bên kia đồi.   
  
Mấy chú dân quân làng Hậu Luật cậy thế anh Hiền là người làng mình, chạy tới:   
  
“Chú Hiền ơi! Chúng tôi đã rút rồi, mà bên địch không cho rút.”   
  
Anh Hiền nghiêm nét mặt:   
  
“Việc quân sự, không chú cháu gì ở đây cả! Tất cả phải theo lệnh của tôi, về vị trí ngay tức khắc!”   
  
Mấy chú dân quân đành rút lui, bàn tán: “Hàng ngày trông chú hiền thế, mà lúc chỉ huy cũng hắc ra phết”.   
  
Không có ô tô đã đành, nhưng đến cái xe đạp cũng không có, đi đâu anh cũng dùng ngựa. Cưỡi ngựa trông lại oai vệ hơn đi xe. Mỗi lần anh về làng, bà con đang làm đồng cũng nhìn theo. Lũ trẻ con hễ thấy bóng ngựa trên đường số bảy là rủ nhau chạy ùa ra: “Ngựa chú Hiền đã về! Ngựa chú Hiền đã về!” Rồi chúng chạy theo ngựa về đến tận nhà tôi. Chúng xúm xít quanh con ngựa, tìm các thứ cho nó ăn: đứa thì vốc một nắm cám, đứa thì xúc một bát thóc lép…   
  
Có lần lợi dụng lúc anh Hiền đang trò chuyện với bà con hàng xóm, lũ trẻ thách nhau cưỡi lên bành ngựa. Lúc đã cưỡi được rồi thì thách nhau phi ngựa. Không đứa nào dám phi cả. Bị nhiều đứa kích dữ quá, thằng Bá bặm môi, nhảy lên lưng ngựa, điều khiển cho ngựa phi ra đường quốc lộ. Lũ trẻ đứa thì reo hò khoái chí, đứa đứng im sợ tái xanh mặt, đứa lại hét toáng lên: “Đừng có liều mạng! Xuống ngay, Bá ơi!” Con ngựa thông minh dường như biết người ngồi trên lưng mình là một chú nhóc ngu ngơ nghịch ngợm, hắn bèn chơi khăm bằng cách nhảy cẫng lên. Thằng Bá sợ tái mặt, nhưng lại cố làm ra vẻ “tao rất dũng cảm”. Bá bặm môi, tay nắm chặt dây cương, hai chân lớ ngớ tìm cái bàn đạp. Con ngựa càng biết thằng nhóc con lần đầu tiên ngồi trên lưng mình càng chơi khăm hơn. Hắn co chân, dựng bờm, nhảy cẫng thật cao. Bá lúng túng sợ hãi nhưng vẫn cố hét toáng lên: “Tao không sợ! Tao không sợ!” Bá ngồi xiêu bên này xiêu bên kia, lao người ra phía trước, ngửa người ra phía sau. Trong chốc lát, bành ngựa rơi hẳn ra một bên… Lũ trẻ chỉ còn một vài thằng reo hò, còn tất cả bắt đầu hốt hoảng. Tôi cuống quýt đi tìm anh Hiền. Anh không kịp lồng chân vào giày, chạy ra. Con ngựa thấy ông chủ thân yêu của mình, bèn đứng im, ngoan ngoãn đi theo ông chủ về đến tận ngõ.   
  
Thằng Bá chạy biến mất. Con ngựa lại hiền từ lim dim đôi mắt nhìn lũ trẻ như muốn nói một lời thân ái: “Phận sự của tôi là đưa ông Hiền đi lo việc quân việc nước, chứ không phải để cho các chú nghịch. Từ nay các chú đừng có đụng vào tôi”.   
  
Chuyện thằng Bá dám liều lĩnh phi ngựa chỉ chốc lát đã loan khắp làng. Các bậc cha mẹ dặn con cái không được nghịch liều như thằng Bá.   
  
Từ hôm ấy mỗi lần anh Hiền phi ngựa về làng, lũ trẻ chỉ dám đứng quanh để xem, chứ không đứa nào dám mó tay vào. Nhưng lúc rong trâu ra đồng, chúng thi nhau trèo lên lưng trâu rồi đánh cho trâu chạy như ngựa. Trâu đứa nào chạy trước là thắng cuộc, và con trâu đó được phong là “tuấn mã”. Không hiểu một bài đồng dao hình thành từ lúc nào mà mỗi lần thúc trâu chạy thì lũ trẻ lại đồng thanh hát:   
  
Nhông nhông ngựa ông đã về Mang rổ mang mê Mà đi xúc cám Bưng ra đầu trạm Cho ngựa ông ăn Ngựa ông béo năn Ngựa ông béo nỉ Đi đánh giặc quỷ Đi đánh giặc tây Ngựa ông béo quay Ngựa ông béo quắt Ngựa ông sáng mắt Ngựa ông sáng tai Ngựa lớn một Ngựa lớn hai Ông Hiền tốt Ông Hiền tài Ông đi đánh giặc Tặc tặc tặc Nhông nhông ngựa ông đã về …  
\* \* \* \* \*  
  
   Trong hai năm, Võ Văn Trực, vốn được biết đến như một nhà thơ, liên tiếp ra hai cuốn tiểu thuyết tạo ra những xôn xao lớn trong giới văn chương Việt Nam. Sau Vết sẹo và cái đầu hói (2006), Cọng rêu dưới đáy ao mà chúng tôi giới thiệu kỳ này tiếp tục “được” hưởng một số phận về xuất bản đầy cam go ngay từ khi mới xuất hiện: bị chính NXB quyết định thu hồi sau khi phát hành được gần 1 tháng.   
  
   
talawas chủ nhật

**Võ Văn Trực**

Cọng Rêu Dưới Đáy Ao

**Chương II**

Bạn bè cùng lứa tuổi

Bạn bè trong làng cùng lứa tuổi với anh hồi ấy có mấy người chơi thân với nhau: anh Lộc, anh Huân, anh Hối. Lúc nhỏ các anh được cắp sách đến trường học chữ quốc ngữ, chữ Pháp và một ít chữ Hán. Cho nên khi bác Chắt Kế đại diện cho phong trào Việt Minh về tổ chức cướp chính quyền có gọi các anh vào “Hội kín” để chuẩn bị cho ngày tổng khởi nghĩa trong toàn huyện. Bác giao cho mỗi anh một việc quan trọng. Anh Hiền đứng gác cho anh Tòng trèo lên cây phượng trước nhà thờ đại tôn cắm ngọn cờ đỏ sao vàng. Anh Lộc cầm cây mác đứng bên cạnh bác. Anh Huân dẫn đầu đội thanh niên vũ trang. Anh Hối cầm một tập giấy, thỉnh thoảng lại giở ra xem rồi gấp lại… Dân làng nhìn các anh với con mắt đầy kính phục, và gọi các anh là “người của bác Chắt Kế”. Hễ đi qua ngõ nhà ai, các anh cũng được mời vào ăn củ khoai luộc hoặc bát cơm nếp. Những gia đình được các anh cùng ngồi ăn cảm thấy thích thú và có phần vinh dự. Mấy thằng bạn nhỏ cùng xóm thường chơi với tôi, thỉnh thoảng lại gặp nhau khoe:   
“Tối qua bác Chắt Kế với anh Lộc ăn cơm ở nhà tao”.   
“Trưa nay chú Hiền với anh Huân ăn khoai ở nhà tao”.   
“Hôm nhà tao cúng giỗ, mẹ tao mời bác Chắt Kế với cả bốn anh Hiền, anh Lộc, anh Huân, anh Hối đến uống rượu. Uống xong còn ngủ ở nhà tao”.   
Tình yêu thương, kính nể của bà con làng xóm bao bọc các anh như kén bọc tằm. Những ngày tháng sau khi cướp chính quyền chẳng mấy khi các anh ở nhà, càng rất ít khi ăn cơm ở nhà mình. Chỉ riêng anh Huân là chưa lấy vợ. Còn ba anh Lộc, Hối, Hiền đã cưới vợ từ khi mười bảy mười tám tuổi. Nhưng đêm nào các anh cũng ngủ chung với nhau. Lúc thì ngủ ở nhà này, lúc thì ngủ ở nhà khác. Có đêm còn ngủ tập trung với dân quân, tự vệ. Mấy bà vợ ngủ một mình ở nhà, chẳng trách móc gì chồng. Trong các buổi họp chòm xóm, mấy bà chụm đầu nhau trò chuyện: “Các ông ấy là người của xã hội. Xã hội nuôi cho ăn thì phải lo công việc của xã hội”.   
Trước kia, anh Hiền thường ở nhà dạy cho tôi học. Lúc rỗi rãi, hai anh em cùng ngồi dán diều hoặc gọt sáo diều. Mấy tháng nay anh đi biền biệt. Tôi cũng đi biền biệt. Chiếc giường tre hai anh em thường nằm ngủ bây giờ bỏ không. Anh thì đi ngủ tập trung với dân quân. Một hôm, tôi rủ thằng Bá, thằng Dần vào nhà tôi ngủ. Quá nửa đêm, bốn anh đi đâu về, lục sục luộc khoai ăn với cà muối, vừa ăn vừa thì thào nói chuyện. Tôi tỉnh giấc. Loáng thoáng nghe các anh nhắc đến tên tôi, tôi càng chăm chú lắng nghe:   
“Thằng Dần choắt người, cho đi làm liên lạc. Choắt người càng dễ chui lủi”.   
“Thằng Bá gan cóc tía, cho đi làm tình báo. Không may bị giặc bắt, đánh đập mấy nó cũng không khai”.   
“Còn thằng Xí?”   
“Thằng Xí lầm lì ít nói, kín mồm kín miệng,cũng là thằng gan cóc tía, cho vào đội quân báo”.   
“Thằng Xí có học, giỏi chữ nghĩa, cho nó làm thư ký của Bộ chỉ huy”.   
Được các anh nhắc đến tên Xí, cân nhắc Xí làm công này việc nọ, tôi mừng run cả người. Thế là tôi nằm thức cho đến sáng, chờ đợi các anh giao cho làm một công tác cách mạng gì đó…   
\*   
Chỉ mấy ngày sau khi cắm ngọn cờ đỏ sao vàng trên cây phượng nhà thờ đại tôn, chính quyền ra lệnh “triệt để chống mê tín dị đoan, xây dựng đời sống mới”.   
Công việc đầu tiên chống mê tín dị đoan là bắt ông thầy bói ở chợ Mới cùm trước cổng làng. Nghe nói thầy bói này quê ở Trung Hậu, mù cả hai mắt từ khi lọt lòng mẹ, không vợ con. Từ nhỏ cho đến nay đã ngoài năm mươi tuổi chuyên kiếm ăn bằng nghề bói toán. Ông đến ngồi ở chợ Mới gần mười năm rồi. Ngày thì xem bói. Đêm thì ngủ trong lều chợ. Phiên chợ nào các bà cũng xúm xít vòng trong vòng ngoài, nhờ thầy xem số… Chính quyền ra lệnh cho hai dân quân ra chợ bắt ông kéo về cổng làng, cùm hai chân bằng cùm gỗ. Hai ngày sau, ông đói lả người, bà Thân thương tình đem cơm nguội cho ông ăn. Ông cảm ơn bằng cách xem cho bà một quẻ. Chú dân quân phát hiện được, báo cho chính quyền. Chính quyền ra lệnh bắt cùm cả bà Thân về cái tội “chống chính sách xây dựng đời sống mới” của chính phủ. Thế là ở cái cùm đầu làng cùm chân một ông thầy bói và một bà già. Trông rất buồn cười. Nhiều người đi qua, thấy một ông già một bà già bị cùm gần nhau, bịt miệng phì cười. Bọn trẻ chúng tôi mỗi buổi chiều rong trâu về lại hát nghêu ngao:   
  
Ông già cùm với bà già   
Mắt lườm tình tứ thật là xứng đôi   
Cơm hẩm ăn với thịt ôi   
Nuốt vô khỏi cổ bụng sôi ầm ầm.   
  
Công việc thứ hai “chống mê tín dị đoan” là phá đền ông Lãnh. Ngôi đền nằm trên cồn đất rộng chừng ba sào đất, cây cối um tùm, thân u và linh thiêng. Nghe các cụ truyền lại rằng:   
Một nho sĩ nghèo gánh lều chõng đi thi, đến đây bị ốm nặng. Dân làng nấu cháo cho ăn và chăm lo thuốc men nhưng ông không qua khỏi. Trước khi tắt thở, ông nói: “Bà con đã thương ta, tận tình chăm sóc ta, nhưng số ta đến đây là tận. Ta mang ơn bà con nhiều lắm. Sau khi qua đời, ta sẽ trả ơn”. Dân làng tổ chức chôn cất chu đáo và đốt lều chõng bên nấm mộ. Tối hôm ấy cụ tiên chỉ nằm mộng từ ngôi mộ một vị ăn bận mũ áo đại thần bay lên trời. Sáng ra, thấy mộ và tro đã biến mất. Mọi người góp tiền của lập một ngôi miếu thờ. Qua nhiều đời, miếu được tu bổ ngày một lớn thành ngôi đền. Tên của nho sĩ đó là Lãnh cho nên ngôi đền được gọi là “đền Ông Lãnh”.   
Sau khi đền xây xong, một bà trong làng bị mất trộm con lợn. Nhà bà nghèo rớt mùng tơi, không chồng con, chi chút góp tiền nuôi con lợn để làm vốn sống qua tuổi già. Lợn đã vỗ béo, sắp đến ngày bán thì bị kẻ trộm bắt mất. Bà mua hương ra đền Ông Lãnh khấn. Đêm, Thần về báo cho bà biết hiện nay con lợn đang ở đâu. Bà nói cho tuần đinh và nhờ tuần đinh bắt được lợn về.   
Từ đó, tiếng đồn về đền Ông Lãnh rất thiêng lan ra khắp làng và cả các làng xung quanh. Ai mất trâu, bò, lợn, gà… đến khấn, Thần đều báo mộng cho biết để bắt về. Nạn mất vặt trong làng thưa dần. Bà con được sống yên ổn, ngủ ngon giấc.   
Khi nghe lệnh phá đền, các cụ già tìm nhau thì thầm trao đổi chuyện trò tỏ ý bất bình nhưng không ai dám nói to, càng không có ai dám gặp chính quyền để bày tỏ ý kiến của mình. Cho đến buổi sáng dân quân tập trung để phá đền, các cụ chỉ đứng nhìn với gương mặt buồn thỉu buồn thiu. Lắm cụ cúi đầu lau thầm nước mắt… Lúc bác Chắt Kế giơ tay ra lệnh phá đền thì hàng chục nam nữ thanh niên đứng ngẩn người. Bác dõng dạc to tiếng ra lệnh cho anh Lộc, anh Hồi, anh Huân, anh Hiền: bốn người đứng bốn góc đền cầm búa đập nhát đầu tiên. Anh Hiền giơ búa lên đập vờ vào chân tường. Bác Chắt Kế chợt nhìn thấy, tức giận : “Chú Hiền! Đồng chí Hiền! Đồng chí còn thương tiếc cái thành luỹ mê tín dị đoan này à! Nghe lệnh tôi, tất cả thanh niên, tất cả dân quân xông vào phá đền!” Không ai dám chần chừ, mấy chục con gái con trai lực lưỡng giơ búa giơ cuốc đập phá. Tường đổ. Ngói đổ. Án thư đổ. Đồ tế khí cũng đổ ngả nghiêng. Chỉ trong một ngày, ngôi đền uy nghi bỗng trở thành đống gạch vụn.   
Sau khi phá đền Ông Lãnh, một chiến dịch rầm rộ tấn công vào mọi di tích văn hoá cổ xưa mà người ta gán cho nó là “mê tín dị đoan”. Đền Bạch Y thờ một vị thần áo trắng đã cứu vua Lê Lợi thoát khỏi tay giặc. Đền Hàng Khoán thờ vị thần núi Hai Vai. Nhà Thánh hàng tổng. Nhà Thánh hàng xã. Chùa Hà. Mộ Hùng lễ bá Võ Phúc Tuy, một vị tướng của Lê Lợi. Mộ đức tổ triệu cơ họ Võ… Tất cả đều bị phá trụi, đều bị san bằng để trồng khoai, trồng mía, xây đống rơm đống rạ. Anh Huân, anh Hồi, anh Lộc, anh Hiền là những người thừa hành chỉ thị của chính quyền, huy động thanh niên và dân quân xông vào cuộc triệt phá này. Suốt hàng tháng trời, áo các anh đẫm mồ hôi.   
Hôm phá cổng tam quan đền Bạch Y thần, anh Lộc bị một mảnh gạch văng vào trán chảy loã máu. Mẹ tôi tìm lá thuốc rịt vào và bắt nằm bất động trên giường. Anh Hiền nói đùa: “Anh Lộc bị thần phạt! Phải mua hương vàng ra cúng Thần thì sẽ khỏi ngay!” Không ngờ câu nói đó lọt vào tai bác Chắt Kế. Bác bắt họp Đoàn Thanh niên cứu quốc để kiểm thảo, anh Hiền phải cúi đầu thành khẩn nhận lỗi.   
\*   
Anh Hối là em trai ông Giảng đã từng làm sếp ga thời Pháp. Anh được theo học trường Tây của tổng Thái Xá, rồi trường Tây của huyện Diễn Châu. Ngay sau ngày cướp chính quyền, anh được cử làm thư ký Uỷ ban kháng chiến hành chính xã. Đi đâu anh cũng mang chiếc cặp da đựng đầy ắp các thứ giấy tờ. Chiếc cặp này ông sếp Giảng đã dùng hơn năm năm làm việc ở ga Diễn Châu, tuy đã sờn mép nhưng vẫn còn đẹp chán. Bây giờ anh Hối dùng, nhiều cụ già gặp anh xách cặp đi trên đường làng là cúi đầu chào lễ phép “chào thầy ký ạ”. Anh dừng lại, ôn tồn nói: “Cụ đừng gọi tôi là thầy ký như thời thằng Pháp thằng Nhật. Tôi là cán bộ của nhân dân thì nhân dân cứ gọi tôi là anh Hối, chú Hối”.   
Người ta đồn rằng chữ anh Hối đẹp nhất xã Đồng Tâm. Anh viết rất nhanh và khi viết không cần nhìn vào giấy. Bà con lên trình bày với Uỷ ban việc gì, anh Hối có thể tiếp ba người một lúc. Anh vừa nghe vừa ghi vào ba tờ giấy khác nhau.   
Lúc thay mặt Uỷ ban viết báo cáo triệu tập hội nghị, anh thường ký tên là “Võ Văn Hối”. Khi dấy lên phong trào Nam tiến, anh mơ trở thành một tráng sĩ, nên thay tên là “Võ Sĩ Hối”. Rồi anh tình nguyện gia nhập đoàn quân Nam tiến, vào chiến đấu ở chiến trường Thừa Thiên.   
Anh Lộc là con trai bác Hoe Chu. Năm 1927, bác Chắt Kế tổ chức chi bộ Thanh niên cách mạng đồng chí hội. Bác Hoe Chu có chân trong hội kín này. Hồi phong trào Mặt trận Bình dân, thanh niên trong làng nô nức tập võ. Bác Hoe Chu mời một võ sĩ dạy riêng cho anh Lộc. Anh trở thành võ sĩ và đã tham gia đấu trên một số vũ đài trong tỉnh… Cách mạng tháng Tám thành công, anh được xem như một thần tượng của thanh niên làng. Tiếng tăm của anh cũng truyền sang các làng khác. Suốt ngày đêm anh dạy võ cho dân quân. Nhiều làng trong huyện cũng mời anh dạy võ. Những cuộc mít tinh, biểu tình có đông đảo bà con tham dự, ban tổ chức thưòng mời anh lên sân khấu biểu diễn một số bài côn. Anh đánh trần, ưỡn ngực, chân tay cuồn cuộn bắp. Mặt anh bình thường đã to quá cỡ, lúc này càng to và dữ như mặt hổ. Anh vung tay và đi những đường côn vun vút như gió rít. Hàng trăm người đứng im phăng phắc, theo dõi và chiêm ngưõng.   
Võ sĩ Lộc đã tham gia Vệ quốc đoàn rồi! Cái tin đó truyền đi rất nhanh. Bà con đến nhà chào hỏi.Thường ngày, người ta gọi anh là anh Lộc, bác Lộc, chú Lộc, lúc này từ ngưòi già cho đến trẻ con đều gọi là Võ sĩ Lộc.   
“Võ sĩ Lộc chuẩn bị lên đường Nam tiến rồi!”   
“Võ sĩ Lộc sắp đi thật à?”   
“Võ sĩ Lộc gia nhập Vệ quốc đoàn thì ai dạy võ cho dân quân?”   
Gái trai làng túm năm tụm ba bàn tán về việc anh Lộc sắp “thoát ly”. Họ vừa tiếc là làng vắng một võ sĩ, nhưng cũng vừa sung sướng nghĩ rằng: nếu anh Lộc đi lính thì sẽ làm chỉ huy to, bà con làng xóm sẽ rạng mày rạng mặt.   
Anh Huân và anh Hiền ngồi bàn với nhau đặt chữ lót cho tên mình:   
“Thằng Hối, thằng Lộc đã “võ sĩ” rồi. Hai thằng ta lại “võ sĩ” nữa thì nhiều võ sĩ quá”.   
“Thời chinh chiến càng nhiều võ sĩ càng tốt”.   
“Nhưng nhiều võ sĩ quá, người ta sẽ gọi nhầm thằng này sang thằng kia”.   
“Thôi, hay nhất là “Võ Quang”. Quang là sáng. Dân làng đi theo con đường sáng của cách mạng, ta cũng đi theo con đường sáng của cánh mạng”.   
Sau một hồi bàn bạc, hai anh lấy tên mình là Võ Quang Huân, Võ Quang Hiền. Anh Huân được điều lên làm việc ở huyện đội, anh Hiền được điều vào quân địa phương của huyện.   
Biết bốn anh thân nhau, mẹ tôi bày biện một bữa cơm để hoan tống anh Hối, anh Lộc vào chiến trường miền Nam và anh Huân, anh Hiền lên huyện. Theo tập tục của bà con làng xóm khi có giỗ chạp hoặc khách quý, gia đình mổ một con gà là sang trọng lắm rồi. Bữa cơm hoan tống này, dĩ nhiên mẹ cũng mổ gà. Thằng Bá và tôi cứ xóng róng bên cạnh các anh cả buổi chiều.   
Anh Lộc nói “hai chú em có gì đãi anh không”? Tôi chưa biết trả lời sao thì Bá gật đầu “có chứ” . Thế là nó rủ tôi vác thuổng xách giỏ ra đồng để bắt lươn, tôi làm chân phụ việc cho Bá, chỉ chừng vài tiếng đồng hồ Bá đã bắt được sáu con lươn to.   
Bữa cơm tối hôm đó thật là thịnh soạn. Mẹ tôi chia đôi con gà: một nửa luộc, một nửa kho mặn. Còn lươn thì mẹ kho mặn với củ chuối, rắc ớt đỏ lên từng bát lươn. Mẹ để dành một chai nước mắm ngon Vạn Phần, những lúc cần thiết như thế này mẹ mới đem ra dùng. Lươn kho với củ chuối thái từng miếng nhỏ, trộn vào một ít mật mía, ăn mới đằm miệng làm sao.   
Sáng mai các anh đã lên đường nhập ngũ, nhưng tối nay không anh nào về nhà, mà ngủ lại nhà tôi. ổ rơm đã lót sẵn ở góc bếp. Cả bốn anh, thằng Bá và tôi nằm khoanh tròn ngủ một giấc ngon lành.

**Võ Văn Trực**

Cọng Rêu Dưới Đáy Ao

**Chương III**

Cuốn sổ ảnh

Mỗi lần về nhà, anh cột ngựa ở góc vườn đầu ngõ. Lũ trẻ trong xóm gọi nhau chạy sang: “Ngựa chú Hiền đã về! Ngựa chú Hiền đã về!” Lũ trẻ mê mải xem ngựa. Còn anh thì thủng thẳng đi vào nhà, đầu đội mũ chào mào may bằng vải nâu, mặc bộ quần áo tây cũng bằng vải nâu. Áo có cầu vai và hai túi trước ngực có nắp. Vai mang túi dết. Chân thường đi giày, thỉnh thoảng đi ủng. Lúc đi ủng trông anh có vẻ oai hơn. Hai ống quần nhét vào ủng, dáng bệ vệ.   
Tôi sung sướng chạy ra ngõ đón. Anh nhìn vào mắt tôi, cười, chẳng nói gì. Anh rất ít nói. Tôi cầm tay anh, hai anh em đi vào nhà. Tôi vội vàng múc nước chè xanh mời anh uống. Mấy đứa nhỏ hàng xóm chạy sang chào “chú Hiền”, tôi cảm thấy hãnh diện.   
  
Trong túi dết của anh lúc nào cũng có cuốn “Sửa đổi lối làm việc” của X Y Z, cuốn “ Kháng chiến nhất định thắng lợi” của Trường Chinh và ba cuốn tạp chí “Tìm hiểu” - Cơ quan ngôn luận của chi hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác Liên khu IV. Hồi đó tôi rất mê đọc, đem sách ra ngồi đầu hồi nhà đọc ngấu nghiến.Tôi nhớ mãi tên những tác giả viết bài trong tạp chí “Tìm hiểu”: Hải Triều, Hải Thanh, Vĩnh Mai… Tôi tò mò hỏi: “Anh đã bao giờ được gặp những ông này chưa?” Tôi chiêm ngưỡng những tên tuổi ấy và khao khát có dịp được nhìn mặt thì thích biết bao.   
  
Có một lần nhà vắng người, anh rút trong người ra một cuốn sổ to bằng bàn tay, dày chừng một trăm trang, rồi bảo tôi ngồi ngay ngắn trên ghế đẩu, đưa cuốn sổ cho tôi xem. Anh không cho tôi sờ tay vào, mà tự tay anh giở từng trang. Tôi hồi hộp dán mắt vào: Chà, thích quá, toàn ảnh, trang nào cũng dán vài tấm ảnh. Những tấm ảnh thiêng liêng: Các Mác, Ăng- ghen, Lê-nin, Mao Trạch Đông, Sta-lin, Ăng-ve Hốt-gia, Lâm Bưu, Chu Ân Lai, Lưu Thiếu Kỳ, Gốt-van, Ti-tô, Vô-rô-si-lốp, Đi-mi-tơ-rốp, Võ Nguyên Giáp, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Tôn Đức Thắng, Hoàng Quốc Việt… Nhiều ảnh Bác Hồ: Bác Hồ đọc Tuyên ngôn Độc lập, Bác Hồ bế em bé, Bác Hồ ngồi đặt tay lên trán…   
  
Mỗi lần anh về, cuốn sổ lại dán thêm vài tấm ảnh. Lãnh tụ mười hai nước xã hội chủ nghĩa đều được anh sưu tầm đầy đủ. Dĩ nhiên là tôi chỉ được chiêm ngưỡng các bậc vĩ nhân ấy qua ảnh. Duy có một tấm ảnh trong cuốn sổ ấy mà tôi đã từng gặp người thật nhiều lần: đó là ảnh bác Chắt Kế. Gương mặt bác khôi ngô: trán rộng và vuông, tóc hoa râm chải ngược, mắt đeo kính trắng. Tên thật của bác là Võ Nguyên Hiến, người làng tôi, tham gia hoạt động cách mạng từ thời Thanh niên cách mạng đồng chí hội, được bầu vào Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương trong Đại hội Đảng lần thứ nhất ở Ma Cao… Nhìn ảnh bác được dán chung trong sổ cùng với các vị lãnh tụ cộng sản, người tôi cứ rân rân tự hào.   
  
Anh chỉ tôi xem sổ ảnh lúc anh ngồi bên cạnh tôi và tự tay anh giỏ từng trang. Anh không cho tôi cầm sổ và không cho tôi sờ tay lên ảnh. Lúc nào đi thăm bà con trong làng, anh bỏ sổ ảnh vào túi dết và treo lên cột.   
  
Có lần anh vắng nhà, tôi rủ thằng Bá vào chơi. Chúng tôi đóng kín cửa, cùng xem ảnh qua khe hở của cánh cửa đầu hồi. Lúc anh về đến ngõ, tôi luống cuống bỏ cuốn sổ vào túi dết và mở toang cửa rồi chạy đi chơi. Anh không hề biết gì. Nhưng một lát sau, anh gọi chúng tôi về. Bá và tôi lo sợ: chắc là anh biết chúng tôi lấy trộm ảnh ra xem! Anh nghiêm nét mặt, bảo hai đứa chúng tôi ngồi xếp bằng trên nền nhà, đặt chiếc bị cói trước mặt và bảo chúng tôi thò tay vào:   
  
“Có cái gì trong đó, lấy ra!”   
  
Thằng Bá cầm được cuốn sổ ảnh, mặt tái mét. Còn tôi được hai quả ổi, thích quá, vừa chạy ra khỏi cửa vừa reo. Thấy tôi chạy, thằng Bá nhấp nhổm muốn đứng dậy, nhưng hắn sợ, không dám đứng lên. Anh gọi tôi vào, bắt ngồi nguyên vị trí cũ:   
  
“Nhiệm vụ của hai đồng chí là phải ăn hết hai quả ổi, chứ không được tự tiện lấy sổ ảnh ra xem. Khi bỏ vào túi tôi để sổ ở phía trong sao hai đồng chí lại để sổ ra phía ngoài, nếu tôi bắt được lần thứ hai tôi sẽ phạt hai đồng chí hai ngày lao động giữa nắng nhớ chưa?” Nghe giọng nói nửa đùa nửa thật của anh chúng tôi hoàn toàn thoát khỏi nỗi lo sợ. Tôi đưa cho Bá một quả ổi và chạy rất nhanh ra sân.   
  
Một lần khác anh lên núi Hai Vai để xem địa hình bố trí tập trận giả, đoán là anh sẽ đi hết buổi, tôi bảo Bá đứng canh ngoài ngõ, còn tôi giở sổ ảnh vẽ theo ảnh Sta-lin lên một tờ giấy to bằng bút chì màu, tôi hí hoáy vẽ, say mê vẽ từ sáng cho đến trưa thì xong bức ảnh, gọi Bá vào xem. Hai đứa đứng ngắm, rồi sửa, rồi ngắm. Tôi chú ý vẽ bộ râu của Sta-lin thật đẹp, thật oai hùng, sau khi sửa chữa hoàn chỉnh tôi nắn nót đề dưới tấm ảnh dòng chữ “Đại nguyên soái Sta-lin muôn năm”… Bất chợt anh Hiền về, thấy bức ảnh Sta-lin treo trên cột nhà anh hỏi:   
“Đứa nào vẽ?”   
Tôi trả lời ngay:   
“Em vẽ”.   
“Em nhìn ảnh nào mà vẽ?”   
“Em tưởng tượng…”   
  
Anh chẳng nói gì, lăng lặng rút cuốn sổ trong túi dết, mở ảnh Sta-lin trong sổ đối chiếu với tấm ảnh tôi vẽ. Anh có vẻ hài lòng gật đầu:   
“Giống đấy nhưng phải tô lông mày nhíu lên thì mới thể hiện được đức tính cương nghị phi thường của Đại nguyên soái…”   
  
Tôi thấy nhẹ tênh cả người, không những anh không quát mắng mà còn khen, lại góp ý cho tôi vẽ đẹp hơn. Từ hôm ấy mỗi lần về nhà anh lại đưa cuốn sổ ảnh cho tôi: “Em vẽ đi. Nhưng không được sờ lên ảnh”. Tôi hì hục vẽ xong vị lãnh tụ này lại vẽ vị lãnh tụ khác, có ảnh thì vẽ bằng bút chì màu, có ảnh thì vẽ bằng mực nho.   
Từ cuốn sổ của anh Hiền tôi đã vẽ ra hàng chục tấm ảnh treo khắp nhà. Bà con trong làng, không những trẻ con mà còn cả người lớn thường đến nhà tôi xem ảnh chỉ trỏ ảnh này, ảnh kia tranh nhau bình luận:   
“Bộ râu Đại nguyên soái Sta-lin đẹp quá!”   
“Trán Mao chủ tịch trông rất thông minh, như trán một ông thánh.”   
  
Nhiều người nhờ tôi vẽ để đem về treo tại nhà mình, Uỷ ban xã cũng bảo tôi vẽ ảnh Bác Hồ, Bác Mao và Sta-lin để dùng trong những cuộc hội họp. Bác Niêm phụ trách phòng thông tin thôn cũng bảo tôi vẽ mười hai ảnh lãnh tụ của mười hai nước xã hội chủ nghĩa để treo trong phòng.Tôi mê mải vẽ ngày vẽ đêm, nhiều buổi trưa mùa hè nắng chói chang trèo lên chòi gác phòng không nằm vẽ chồm hỗm, mồ hôi nhễ nhại.

**Võ Văn Trực**

Cọng Rêu Dưới Đáy Ao

**Chương IV**

Phong trào tòng quân

Cuộc kháng chiến chống pháp đã chuyển từ giai đoạn “phòng ngự” sang giai đoạn “cầm cự” và đang tích cực đẩy mạnh sang “giai đoạn “tổng phản công”. Tin thắng trận từ các chiến trường dồn dập đưa về làm nức lòng dân ở vùng hậu phương lớn Thanh, Nghệ Tĩnh. Tôi có chân trong đội tuyên truyền của xã, có dạo thức trắng từ đêm này qua đêm khác. Lúc thì đi dán ca dao cổ động in li-tô trên các bức tường, lúc thì cầm loa phát thanh tin chiến thắng, lúc lại soi đuốc viết khẩu hiệu lêu nong lên cót dựng khắp các ngả đường... Tôi say mê đi làm công tác tuyên truyền hơn đi học.   
Phong trào “dồn sức người sức của ra tiền tuyến” ở làng tôi lên rất mạnh, mặc dầu mất mùa, đói kém, tinh thần của mọi người vẫn lên cao như diều gặp gió. Các cụ già tập trung ở đình làng đan sọt cho dân công, các bà mẹ tất tưởi rủ nhau đi làm nhiệm vụ “hội mẹ chiến sĩ”. Những đêm làng tổ chức hoan tống dân công thật là vui, người ta đua nhau biếu quà cho dân công lên đường: loong gạo, loong muối, niêu tôm kho, bánh thuốc lào... còn tôi thì sáng tác ca vè để đọc trong các buổi hoan tống.   
Thanh niên hăng hái hưởng ứng phong trào tòng quân. Anh Hiền phi ngựa đến tận từng nhà để tuyển quân, nhiều người lén lút gặp anh để xin được trúng tuyển.   
Hồi đó tôi học ở trường trung học Nguyễn Xuân Ôn, đây là ngôi trường lớn ở Huyện phía Bắc Nghệ An do giáo sư Cao Xuân Huy sáng lập và làm hiệu trưởng. Trường là trung tâm văn hoá của huyện. Thầy giáo là những trí thức nổi tiếng trong tỉnh và một số tri thức từ Quảng Nam, Thừa Thiên, Quảng Bình ra. Cán bộ của huyện thường về trường nói chuyện chính trị và thời sự, thỉnh thoảng anh Hiền cũng cưỡi ngựa tới trường nhưng anh không diễn thuyết bao giờ, anh ít nói và không có tài hùng biện. Anh chỉ kiểm tra công tác quân sự của trường, thỉnh thoảng dẫn cán bộ về dạy võ cho học sinh. Lúc rỗi rãi, anh đứng nói chuyện bằng tiếng Pháp với các thầy. Hầu hết giáo viên của trường đều là tú tài, rất giỏi tiếng Pháp. Có lẽ anh cảm thấy trình độ Pháp văn của mình còn non, không dám nói chuyện lâu với các thầy, chỉ nói vui một số câu rồi tìm cớ lảng đi nơi khác. Nhưng nhiều học sinh thì cứ nghĩ bụng: ông cán bộ quân sự này vốn học thức cao, ít ra cũng “tú tài Bắc”. Họ nhìn anh bằng con mắt kính nể.   
Phong trào tòng quân làm dấy lên một không khí sôi nổi khắp nơi và tràn vào trường Nguyễn Xuân Ôn. Cứ đến giờ nghỉ là nam nữ học sinh túm tụm từng nhóm bàn tán về việc tòng quân. Họ truyền nhau những tin tức mới lạ. Cử nhân Phan Đương cũng đã tòng ngũ. Ông là cử nhân duy nhất của hai huyện Yên Thành và Diễn Châu, bà con thường gọi một cách tôn kính là “ông cử Đương”. Bây giờ ông cũng xếp bút nghiên theo nghiệp binh đao. Các võ sĩ nổi tiếng như Hoàng Võ, Mạnh Hổ cũng dứt bỏ võ đài và cảnh gia đình giàu sang để xông pha trận mạc. Nghe đâu võ sĩ vô địch Trung Kỳ Châu Giang cũng đã ra chiến trường…   
Trong số những nhân vật ấy, họ bàn tán nhiều về tướng Đặng Văn Việt. Chẳng hiểu ông làm cấp chỉ huy gì trong quân đội, nhưng trí thức và cử nhân trong huyện cứ gọi ông là “tướng”. Ông là con trai cụ Đặng Văn Hướng ở xã Nho Lâm, cháu nội hoàng giáp Đặng Văn Thuỵ đã từng làm quan giữ chức tế tửu dưới triều Nguyễn. Thời chính phủ Trần Trọng Kim, cụ Hướng làm tỉnh trưởng Nghệ An. Sau cách mạng tháng Tám, cụ được Bác Hồ mời giữ chức bộ trưởng không dự bộ nào. Tướng Đặng Văn Việt thông minh và sớm giác ngộ cách mạng. Đầu kháng chiến chống Pháp, ông chỉ huy nhiều trận đánh lớn. Giặc Pháp phải gườm ông và gọi ông là “con hùm xám đường số 4”. Cuộc đời ông bắt đầu được thêu dệt đôi nét huyền thoại. Bọn lính thực dân thường bị ám ảnh về cái tài xuất quỷ nhập thần của ông và càng sợ hãi khi cái biệt danh “con hùm xám đường số 4” lan truyền trong hàng ngũ chúng. Một lần, toán lính lê dương đang hành quân trong rừng bỗng một tên hét toáng lên “con hùm xám”, cả lũ hốt hoảng bỏ chạy tán loạn, súng ống vứt lung tung. Du kích ta chạy ra nhặt súng đạn. Một lần khác, bọn chỉ huy đang ngồi trong đồn, chụm đầu trước tấm bản đồ quân sự để bàn kế hoạch tiêu diệt đơn vị vệ quốc đoàn đóng bên kia suối, một tên lính khác nổ súng, hàng chục tên khác cùng nổ súng. Bọn chỉ huy chẳng hiểu đầu đuôi gì, cũng cầm súng bắn vung vãi. Sau lúc nổ súng loạn xạ, chúng định thần lại, tên lính nổ phát súng đầu tiên khai rằng: “Tôi thấy con hùm xám chạy qua trước mặt!’’ Viên chỉ huy tức giận, cầm súng bắn thằng này chết ngay tức khắc…   
Họ truyền cho nhau những tin chiến sự. Tin chiến sự trộn lẫn phong vị huyền thoại của thời buổi chinh chiến, tạo ra trong tâm hồn giàu mơ mộng của học sinh nỗi bồn chồn cảnh xông pha trận mạc. Cuốn “Chinh phụ ngâm” của Đoàn Thị Điểm tuyệt đối cấm lưu hành và cấm dạy trong nhà trường, nhưng học sinh lén lút truyền tay nhau đọc. Hình ảnh người chinh phu thấp thoáng trong tâm trí họ.   
Anh Hiền vẫn cùng một số cán bộ quân sự về trường động viên phong trào tòng quân. Anh cưỡi con ngựa quen thuộc, nhưng y phục đã thay đổi: đội mũ lưới, mặc áo trấn thủ, đi giày đen, bên hông đeo khẩu súng lục. Quân trang ấy ít nhiều gợi chút lãng mạn tráng sĩ trong một số học sinh, nhất là học sinh con nhà giàu có đã từng đọc sách văn học Pháp. Cái chất lãng mạn ấy thực sự đã góp phần kích thích lòng yêu nước, xả thân vì nền độc lập của Tổ quốc đối với thanh niên. Chúng tôi chép vào sổ tay và thuộc lòng bài thơ “Ngày về” của Chính Hữu, bài “Tây Tiến” của Quang Dũng. Trong một cuộc mít tinh động viên học sinh tòng quân, anh hiệu đoàn trường cao hứng đọc “Sông Mã gầm lên khúc độc hành”. Hàng trăm học sinh ngồi im phăng phắc, dỏng tai nghe. Anh Hiền không có tài nghệ múa gươm và múa côn. Cho nên mỗi lần đến trường anh dẫn theo vài chiến sĩ để biểu diễn một số bài võ Tàu và võ dân tộc. Không những các bạn nam mà cả các bạn nữ sinh cũng rất mê xem múa võ bằng côn và đại đao.   
Một buổi sáng mùa xuân, nhà trường tổ chức lễ ghi tên tòng quân. Không khí thật là trang nghiêm. Có ảnh Bác Hồ trên bàn thờ Tổ quốc với câu khẩu hiệu “Tổ quốc trên hết”. Anh Hiền và một số cán bộ Huyện đội về dự. Có cả mấy nhà sư tu ở chùa Sò.   
Buổi lễ được thông báo trước một tuần nên các cô giáo thầy giáo đến sớm hơn ngày thường. Nam nữ học sinh hầu như không vắng người nào. Bà con ở gần trường kéo tới khá đông.   
Sau nghi lễ thông thường, đến mục ghi tên vào tòng quân. Đây là tiết mục thiêng liêng nhất, hồi hộp nhất. Mọi người im lặng, chờ đợi… Anh hiệu đoàn trường mời thầy hiệu trưởng Cao Xuân Huy lên ghi tên đầu tiên. Hàng trăm cặp mắt chăm chú theo dõi. Thầy mặc áo lương dài, quần trắng, từ từ đứng dậy, rời khỏi ghế, bước thứ nhất, rồi bước thứ hai, chậm chạp từng bước đến chiếc bàn trải khăn trắng và trên bàn đã đặt sẵn một cuốn sổ với cây bút. Anh hiệu đoàn trường trịnh trọng mở cuốn sổ và trao bút cho thầy. Thầy cúi xuống, cầm bút ký tên lên trang giấy… Tiếng vỗ tay hoan hô kéo dài. Thầy lững thững từng bước trở về ghế ngồi. Hàng ngày, thầy luôn đi bộ chậm rãi, gương mặt trầm tư. Dẫu đường xa thầy vẫn đi bộ chậm rãi. Ngày nào thầy cũng đi bộ từ nhà đến trường, từ trường về xa dài gần ba kilômet. Khi có việc thầy vẫn đi bộ từ Diễn Châu ra Cầu Giát dài hai chục kilômet, đi bộ từ Diễn Châu lên Đô Lương dài gần bốn chục kilômet. Học sinh đã quen nhìn thầy đi bộ chậm rãi. Nhưng lúc này, thầy chỉ đi bộ năm mét để ký tên vào cuốn sổ tòng quân, mọi người vẫn rưng rưng xúc động...   
Tiếp theo thầy Cao Xuân Huy là nhà sư. Anh hiệu đoàn trường đỡ nhà sư đứng dậy. Nhà sư dáng người mảnh khảnh, mặc áo cà sa, tay chống gậy bước rất chậm. Lúc đến trước bàn có quyển sổ, nhà sư cẩn thận đặt chiếc gậy bên bàn, chắp hai tay vái rồi mới cầm bút ký. Tiếng hoan hô vang dậy. Nhà sư đứng trước mặt các thầy và trước đông đảo học sinh cúi đầu, chắp hai tay trước ngực… Anh Hiền vội vàng bước tới, cầm chiếc gậy đưa cho nhà sư. Nhà sư bất ngờ nhìn thấy anh, một tay cầm gậy trúc, một tay giơ trước ngực. Bên cạnh nhà sư mảnh khảnh là anh Hiền dáng người to cao, bận quân phục, hông đeo khẩu súng lục.   
Lần lượt các thầy cô, rồi học sinh lớp đệ tam đệ tứ lên ký tên.   
Kết thúc buổi lễ, hiệu đoàn trưởng trao cho anh Hiền cuốn sổ tòng quân. Anh cảm ơn, rồi lên ngựa phi ra giưa đường số Một trở về huyện.   
\*   
Buổi sáng, học sinh vẫn đến trường đông đúc. Các lớp vẫn học đều đặn các giờ văn học, sử học, vật lý, Pháp văn, Anh văn… Thầy Cao Xuân Huy vẫn đi từng bước chậm rãi từ nhà đến trường, từ phòng hiệu trưởng đến lớp, giảng bài cho các thầy giáo học chương trình dự bị đại học. Nhưng trong hàng ngũ giáo viên đã bắt đầu có sự phân hoá về ý thức thời cuộc và nổ ra một số cuộc tranh luận. Đôi lúc các thầy dùng tiếng Pháp cãi nhau quyết liệt. Học sinh xôn xao bàn tán…   
Đùng một cái, có giấy của cấp trên gửi về trường gọi một số thầy giáo và học sinh nhập ngũ. Việc tòng quân không còn ý niệm lãng mạn xa xôi mà đã trở thành sự thật. Sự thực là một số thầy giáo, học sinh nhận giấy báo chuẩn bị xếp bút nghiên theo việc đao cung. Ngày chia tay đang đến dần lòng họ bộn rộn chờ đợi một sự thay đổi lớn trong cuộc đời. Có nữ sinh ngồi trong lớp cứ cúi mặt lau nước mắt khóc người yêu sắp đi vào một cuộc chinh chiến trường kỳ.   
Trong số người lên đường lần này có thầy Đặng Văn Nhị, anh trai của tướng Đặng Văn Việt, thế là thầy sắp rời mái trường bình yên ở vùng quê tự do, sắp rời học sinh thân yêu, sắp rời tổ ấm gia đình. Hôm nhà trường tổ chức lễ hoan tống anh Hiền có về dự, anh không phát biểu ý kiến chính thức trong buổi lễ mà chỉ cùng với học sinh đứng xung quanh thầy anh nói: “chúc thầy noi gương người em trai là tướng Đặng Văn Việt lập nhiều chiến công làm rạng rỡ gia đình và quê hương”. Nghe nhắc đến tên Đặng Văn Việt thầy Nhị sung sướng ứa nước mắt và cả đám học sinh cũng xôn xao, trên gương mặt họ ánh lên niềm tự hào.   
Sau buổi lễ hoan tống, không khí trong nhà trường khác hẳn. Thầy Cao Xuân Huy vẫn chậm rãi từng bước từ nhà đến phòng hiệu trưởng rồi từng bước từ phòng hiệu trưởng vào lớp giảng bài cho học sinh dự bị đại học. Nhưng các lớp đệ tân, đệ tứ đã vắng một số người. Thầy Cao Xuân Hạo tổ chức cho một số nữ sinh tập hát đi biểu diễn ở hội nghị văn nghệ liên khu IV và ở nhiều đơn vị quân đội. Dáng ngưòi thầy nhỏ nhắn, luôn luôn mang chiếc đàn ghi-ta, trở nên hấp dẫn đối với nữ sinh về hình ảnh một chiến sĩ nghệ sĩ trong thời kỳ chiến tranh. Những bài hát do thầy sáng tác mang nội dung kháng chiến, nhưng nhạc thì man mác đượm buồn cho nên rất phổ biến trong các trường học và cả quân đội. Ngoài những buổi biểu diễn trước đông dảo công chúng từng nhóm nữ sinh vẫn thường hát cho nhau nghe: “Có cô thôn nữ giặt áo bên sông miệng cười hiền, hoa dịu lòng trường chinh… bao anh lính măng tơ cùng bà mẹ già cười đón gió lành… đời quân nhân vui như trời xuân…”   
Trong tâm trạng chờ đợi đến lượt mình được gọi nhập ngũ, không ít học sinh chểnh mạng việc học hành. Tôi và một số bạn bè học lớp đệ nhất chưa đến tuổi tòng quân cho nên không được ký tên vào cuốn sổ tòng quân. Chúng tôi háo hức mong được mặc áo lính, tự rủ nhau đến những nơi có bộ đội đóng quân xin được khám sức khoẻ để làm liên lạc, mẹ cho vải để may áo, tôi tự đến gặp thợ và bảo: khi may áo nhớ cái cầu vai - chỉ cần áo có cầu vai là ra dáng một người lính. Suốt ngày này qua ngày khác tôi và mấy đứa bạn cùng làng như Trần Tế, Cao Cự Bội, Lương Trọng Yêm, Võ Đình Đấu rủ nhau đi tìm đơn vị bộ đội để khám sức khoẻ. Dĩ nhiên là chúng tôi phải bỏ học, trốn học. Nhiều hôm đi biền biệt suốt ngày đến tối mịt mới về, không dám về nhà ăn cơm mà trong túi lại không có tiền đành ăn chịu phở bà Tuyết ở cầu Đạu, ăn chịu nhiều quá bà Tuyết phải lên tận làng gặp bố mẹ chúng tôi để đòi gạo. Chuyện vỡ lở cha mẹ tôi biết được, buồn rầu, bực tức, mắng chửi tôi. Anh Hiền nghe được, hỏi, tôi trả lời: “em rất muốn đi bộ đội. Tìm khắp trong huyện nơi có bộ đội đóng để xin làm liên lạc đơn vị anh…” Nghe xong anh đứng bần thần nhìn tôi, chỉ nói một câu ngắn ngủi: “tuổi em tuổi học…”   
Sang ngày sau, ngày sau nữa, rồi ngày sau nữa chúng tôi vẫn trốn học để xin đi bộ đội. Chiều hôm ấy anh Hiền đi công tác qua làng dừng ngựa trước ngõ rồi rẽ vào nhà. Trong câu chuyện giữa mẹ tôi với anh Hiền tôi nghe loáng thoáng câu anh nói: “thằng Xí thích đi bộ đội cứ cho nó đi, thời buổi chiến tranh mà” tôi sướng rơn cả người…   
Hai hôm sau anh tôi lại từ huyện trở về, cho tôi một con dao găm, một cái cung và mấy chục mũi tên. Anh dẫn tôi ra vườn và dạy tôi phóng dao găm vào cây chuối và cầm cung nhằm bắn trái bưởi việc luyện tập của tôi khá thành công. Anh khen “Thằng này có năng khiếu quân sự”… Hồi đó anh Đồng là em trai của anh Hiền và là anh của tôi làm trưởng ban quân báo huyện đội xin cho tôi làm nhân viên tình báo, tôi hoàn toàn thôi học trường Nguyễn Xuân Ôn.   
Bắt đầu bước vào nghiệp binh đao, trận thử thách đầu tiên vượt quá sức tưởng tượng của tôi, làm công việc này điều kiện tối thiểu là phải gan dạ không sợ giặc đã đành, càng không được sợ ma. Giặc thì chưa giáp mặt còn ma thì ngay đêm ấy…   
Đêm ấy… Huyện đội tổ chức tập trận giả cho dân quân ba xã phía nam sông Bùng. Anh Hiền dẫn tôi đến nghĩa địa làng Xuân Viên, bảo tôi ngồi bên một ngôi mộ, khi nào có người đến liên lạc dẫn đi đâu mới được đi. Tôi phải ngồi xuống và anh lẳng lặng đi về phía lèn Hai Vai.   
Trời mưa phùn lâm thâm, rét, bóng tối dày đặc tưởng cắt ra được từng miếng. Thưa thớt trong nghĩa địa có những khóm tre, gió bấc rít từng cơn, tre kẽo kẹt. Trời ơi cái tiếng tre kẽo kẹt sao mà nghe rùng rợn đến thế, lúc thì như tiếng ma đưa võng, lúc thì như tiếng trẻ khóc, lúc thì phát ra âm thanh sắc nhọn như tiếng dao đâm, gươm khua… Tôi cố thu nhỏ người lại nghiến chặt hai hàm răng, hai tay nắm hai hòn đất. Trước mặt tôi hiện ra những bóng đen chập chờn, nhảy nhót bay vút lên trời rồi toả rộng ra trùm lên tôi. Tôi rụt cổ xuống nhắm nghiền mắt định hét lên một tiếng thật to nhưng chợt nhớ mình là nhân viên quân báo hét to sẽ lộ bí mật. Tôi ngồi im thin thít như hòn đất nhắm tịt hai mắt, nhưng mắt càng nhắm trước mặt tôi càng hiện muôn hình thù quỷ quái: hình cụt đầu, hình cụt tay, hình thì cụt chân. Tôi liều mạng vùng chạy được vài ba bước lại ngồi thụp xuống. Kinh hãi quá khiến người tôi toát mồ hôi. Có cách nào, có cách nào thoát khỏi nơi đây? Bốn bề mênh mông nghĩa địa, mồ mả nhấp nhô…   
Từ trong vẳng ra tiếng gà gáy, chân trời phía đông dần dần sáng lên. Tôi mừng quá. Sáng rồi. Sao chưa có ai tới báo tin gì cho tôi cả? Đầu kia nghĩa địa có mấy người bước tới, người hay ma? Người hay ma? Người hay ma? Nghe mẹ tôi nói: ban đêm ma rời khỏi mồ để đi kiếm ăn, khi gà gáy sáng thì ma lại trở về mồ của mình. Vậy thì đích thị đây là ma nhưng vì trời hưng hửng sáng nên tôi bớt sợ. Tôi rụt cổ, trố mắt nhìn. Người thật chứ không phải là ma. Mấy người tiến đến gần tôi. A, có anh Hiền, anh Hiền đã ra với tôi, tôi reo oà và giàn giụa nước mắt. Anh ôm chặt lấy tôi: “Em có thấy ma không?” tôi trả lời ra vẻ mạnh bạo: “Chẳng có ma gì cả. Em chỉ nhớ anh. Một đêm ngồi ở đây bằng mười năm xa anh”. Anh giơ tay xoa đầu tôi: “Thằng này có gan làm quân báo”.   
Trận thử thách thứ hai còn dữ dội hơn. Ban chỉ huy quân sự huyện đội đột nhiên về đóng ở nhà tôi trong một đêm. Các anh ăn cơm vội vàng rồi họp bàn việc gì rất bí mật. Họp xong anh Hiền gọi tôi vào nhà trong nói nhỏ “Em cầm cái gậy này xuống cắm ở bến đò Oan để làm vật hiệu, cắm gậy xong em cầm nắm thóc này rải dọc bờ sông Bùng quãng bến đò Oan. Nghe ba tiếng “Bến đò Oan” tôi run bắn cả người. Bến đò này đã có nhiều người trẫm mình vì oan ức, con dâu bất hoà với mẹ chồng, anh em cãi vã nhau, láng giềng chửi mắng nhau… uất quá không chịu được đành kết liễu cuộc đời ở đây. Tôi mấp máy môi hỏi “Để làm gì hở anh?” Anh nghiêm nét mặt: “Anh đã dặn em nhiều lần rồi, việc quân cơ cấp trên bảo làm gì thì em cứ làm không được hỏi lại… Gậy đây, nắm thóc đây em đi ngay kẻo chậm giờ”. Trong tình thế cưỡi lưng hổ tôi làm theo lệnh anh như một cái máy, nắm thóc bỏ vào túi.   
Một cầm chặt cái gậy, một tay cầm chặt hòn đá. Trời tối như bưng. Trong đầu tôi cứ mường tượng thấy trăm hình ma, bóng quỷ mà bà con làng xóm thường kể cho nhau nghe. Bao nhiêu oan hồn thường hiện lên những lúc vắng vẻ để hiếp đàn bà con gái, xô cụ già ngã xuống sông, bắt trẻ con lôi về địa ngục… Chúng hiện ra đủ hình thù kỳ dị: lúc thì thè lưỡi ra cuốn trẻ em vào miệng, lúc thì há mồm như chiếc gầu dài đỏ rực lửa, lúc thì giơ cánh tay dài ngoẵng từ dưới nước lên ôm choàng cổ con gái dậy thì… Vào lúc chính ngọ và ban đêm không ai dám bén mảng tới bến đò. Thế mà bây giờ tôi dám vác xác tới đó, không những chỉ đến bến đò Oan mà còn phải đi dọc bờ sông có nhiều người tự vẫn. Hay là... hay là rủ thằng Bá cùng đi? Thằng Bá gan cóc tía may ra hắn dám liều. Nhưng Bá lại vắng nhà, đành phải đi một mình thôi, việc quân cơ không được chậm trễ.   
Bến đò vắng tanh vắng ngắt chỉ có bóng đêm cùng đom đóm chập chờn. Tiếng cá lóc bóc làm cho không gian càng thêm mênh mông hoang vắng, rùng rợn, tôi lạnh toát cả người. Lạnh từ chân đến óc. Cầm cái gậy thật chặt tôi nói thầm “Ma quỷ đến đây tao đập vỡ mặt”, tôi làm ra vẻ bình tĩnh cắm gậy xuống bùn và ấn sâu xuống rồi bước rất nhanh xuống bờ sông, vừa đi vừa rải nắm thóc… Làm xong hai việc quan trọng là cắm cái gậy và rải thóc tôi phăm phăm tìm đường về… Cống Cửa Thung kia rồi! Ánh đèn lập loè trong mái lều dân chài. Tự nhiên tôi thở mạnh, tim đập dồn dập, chân vừa chạy vừa run, tôi chui vào lều. Thì ra không phải dân chài mà là anh Hiền đang ngồi với ban chỉ huy quân đội địa phương, người tôi nhẹ tênh sung sướng như vừa được sống lại. Tôi ôm chặt lấy anh trào nước mắt, anh mỉm cười: “Em đã hoàn thành nhiệm vụ” - “Vâng em hoàn thành xuất sắc”. Anh xoa tay rất mạnh lên đầu tôi như xoa đầu một đứa trẻ mới lên năm lên sáu.   
Anh và ban chỉ huy dẫn tôi đi ngược lại bờ sông, anh soi đen pin xuống bãi để thấy rõ những hạt thóc tôi rải, đến bến đò Oan tôi hăm hở chỉ cái gậy tôi cắm lúc nãy. Anh đến tận nơi nhổ cái gậy lên: “Thế là em đã qua thời kỳ thử thách từ nay em được chính thức là đội viên quân báo”. Lúc này tôi mới hiểu rằng các anh giao cho tôi cắm cái gậy và rải nắm thóc chỉ là để thử gan tôi xem có sợ ma hay không.

**Võ Văn Trực**

Cọng Rêu Dưới Đáy Ao

**Chương V**

Ra Việt Bắc

Trên túi dết của anh Hiền có viết hai câu thơ bằng mực nho:   
Đã mang tiếng ở trong trời đất Phải có danh gì với núi sông  
Anh treo túi lên cột và bao giờ cũng để phía có câu thơ ra ngoài. Mấy đứa bạn của tôi đến chơi học thuộc hai câu thơ đó rồi đọc oang lên. Đi ngoài đường chúng cũng ngân nga: “Đã mang tiếng ở trong trời đất…” Tôi dùng phấn nắn nót viết thơ lên xà nhà, thằng Bá viết vào sổ tay. Chữ của thằng Bá đẹp nên nhiều đứa nhờ viết vào bìa cuốn sổ của mình.   
Lần này, từ huyện đội về anh treo túi lên cột rồi bước ngay sang nhà hàng xóm. Anh đi chơi hết nhà này sang nhà kia đến tận trưa, mẹ bảo tôi tìm anh về ăn cơm. Anh ngồi ăn chẳng nói câu nào. Ăn xong lại đi chơi nhà bà con. Trong bữa cơm chiều, bưng bát cơm anh ngập ngừng: “Con sắp ra Việt Bắc rồi”. Im lặng một lát mẹ lại hỏi: “Bao giờ con đi?” Anh trả lời: “Chừng một tuần nữa”. Mẹ nuốt miếng cơm nhìn anh: “Nhiệm vụ cách mạng thì con phải đi. Nhớ viết thư luôn cho mẹ.”   
Tôi đem khoe với bọn thằng Bá, thằng Dần, thằng Bội, thằng Yêm… là “Anh Hiền tao sắp ra Việt Bắc”. Chỉ một lát sau chúng nó kéo đến chơi tận khuya mới về. Trong giấc ngủ tôi chập chờn mơ thấy Việt Bắc với núi non trùng điệp và huyền bí, với Bác Hồ mặc quân phục cưỡi ngựa đi chỉ huy chiến dịch, với rầm rập những đoàn bộ đội và dân công ra tiền tuyến, với những địa danh Phai Khắt, Na Ngầm, Nà Phạc… mà tôi được đọc trong các thiên bút ký chiến tranh in đậm vào tâm hồn tôi như những dấu chân thần thoại… Anh Hiền được ra Việt Bắc là được ra với Bác Hồ, với chiến khu cách mạng thần thánh, anh được đặt bàn chân lên những dấu chân thần thoại như bà mẹ Thánh Gióng dẫm lên dấu chân ông Khổng lồ…   
Sáng hôm sau anh dẫn tôi xuống thị trấn Diễn Châu để chụp ảnh kỷ niệm. Cả thị trấn và cả huyện chỉ có một hiệu ảnh của ông Tuấn. Ông đậu thành chung, đi dạy học một thời gian rồi mở hiệu ảnh ở Vinh. Sau khi Vinh tiêu thổ kháng chiến, ông tản cư ra Diễn Châu và lại mở hiệu ảnh. Vào thời điểm này hiệu ảnh của ông rất đông khách. Nam nữ thanh niên nông thôn kéo nhau ra chụp ảnh trước khi chia tay để đi dân công hoặc để tòng quân. Thầy giáo và học sinh trường Nguyễn Xuân Ôn là lượng khách đông nhất của ông. Ngày mai đã chia tay rồi. Hoặc ngày kia. Hoặc tháng sau hoặc năm sau… Cứ chụp ảnh sẵn nhỡ ra cấp trên có giấy về điều động đột ngột lại không kịp chụp. Thầy chụp với học trò, cả lớp chụp chung, từng đôi chụp với nhau. Tuổi học trò đầy mơ mộng, khao khát những chuyến đi xa nhưng cũng ngại ngùng nỗi chia ly. Nhiều cô khóc sướt mướt ngay tại hiệu ảnh.   
Anh Hiền quen ông Tuấn chủ hiệu, nói đùa với ông mấy câu tiếng Pháp. Ông mời anh em tôi vào chụp trước, không phải chờ đợi. Hôm ấy quả thật tôi buồn lắm. Anh cũng buồn. Đây là lần cuối cùng anh em chụp ảnh kỷ niệm để rồi anh đi xa, đi xa không biết đến bao giờ mới được gặp lại…   
Thế là anh Hiền đã ra Việt Bắc. Gia đình tôi có ba anh em trai. Anh Đồng làm trưởng ban quân báo huyện đội lúc mười tám tuổi, giữa tuổi mười chín thì anh mất lúc giặc đổ bộ lên Quỳnh Lưu. Còn lại anh Hiền và tôi bây giờ anh Hiền lại đi xa biền biệt. Tôi nhớ anh vô cùng. Kỷ niệm những ngày gần gũi luôn luôn hiện về với tôi trong giấc ngủ, trong sinh hoạt hàng ngày.   
Mỗi lần ra sau nhà nhìn thấy đống rơm tôi lại nhớ cồn cào lúc nhỏ anh đánh trâu đi bắt chuồn chuồn giữa trưa nắng chang chang. Mẹ gọi mãi anh không chịu về. Mẹ ra tận đầu làng kéo anh về đánh một trận rất đau. Cứ mình trần như thế anh bỏ trốn biệt mấy ngày. Thương quá mà chẳng biết anh ăn ở đâu, ngủ ở đâu. Vào lúc xế chiều tôi đang thơ thẩn sau nhà thì nghe có tiếng vỗ tay khe khẽ bên kia đống rơm và kèm theo tiếng gọi rất nhỏ: “Xí ơi!” tôi ngoái nhìn thì thấy anh nấp sau đống rơm: “Em đem ra cho anh một cái áo”. Tôi vào nhà lục tìm áo đem ra, anh ôm áo rồi lại chạy biến mất…   
Kỷ niệm đầy ắp gian nhà. Nhà cửa càng trở nên vắng vẻ. Những lúc rỗi rãi cha tôi thường nằm trên giường ngâm Kiều, Cung oán ngâm khúc, Chinh phụ ngâm. Mẹ và chị Hiền ngoài buổi làm đồng còn lo công tác hội mẹ chiến sĩ chấp hành phụ nữ xã. Dạo này cha mẹ tôi nhận nuôi một anh thương binh tên là Nguyễn Xuân Đài, quê ở Hải Dương. Anh bị cụt một chân, vừa ngồi chằm nón anh vừa hát cho tôi nghe những bài hát lúc còn ở chiến trường. Nhà có thêm người, thêm tiếng hát vui hơn trước.   
Tôi viết thư, anh Hiền biết tin nhà có nuôi một anh thương binh, biết anh Đài ít hơn một tuổi. Anh Hiền viết thư về xưng “anh” và gọi anh Đài là “em”. Tôi cảm thấy vui như anh Đài là con để của mẹ tôi, là anh trai của tôi.   
Ngày nào tôi cũng mong nhận được thư anh, vừa nhận được thư hôm trước hôm sau tôi lại chờ thư khác, mỗi lần có thư tôi lại đọc cho cả nhà cùng nghe. Buổi trưa đọc, buổi tối lại đọc. Bà con làng xóm cũng sang nghe. Mọi người vui như đang dự một đám hội. Vui nhất là khi anh gửi về một tấm ảnh cha tôi, mẹ tôi, chị tôi… đều khoe với bà con họ hàng làng xóm. Suốt trong tuần lễ ngày nào cũng có dăm bảy người tụ họp ở nhà tôi để xem ảnh. Người thì khen “Bác Hiền hơi gầy nhưng trông quắc thước hơn trước”. Người thì khen “chú Hiền trông oai hơn hồi ở nhà”…   
Có lẽ tôi là người sung sướng nhất khi cầm tấm ảnh. Tôi cảm thấy nó quý giá vô cùng: ảnh chụp ở Việt Bắc - chiến khu thần thánh của cuộc kháng chiến. Tôi bọc kỹ ba bốn lớp giấy, cất cẩn thận vào tráp. Trừ lúc đi vắng, hễ về nhà là tôi đem ảnh ra xem. Đứng ở mọi góc độ để xem: từ trên xuống, từ dưới lên, từ phải sang, từ trái sang, tầm nhìn xa nửa mét, một mét… Tôi tưởng tượng cảnh chiến khu Việt Bắc âm u rừng rậm núi cao, thác tung trắng xoá, đèo lộng gió, đuốc sáng rực những đêm bộ đội và dân công mở chiến dịch. Trên cái khung cảnh hùng tráng ấy là tấm ảnh của anh. Anh đội mũ lưới, mặc áo trấn thủ, mặt hơi ngẩng lên, miệng cười. Chưa bao giờ tôi thấy anh cười khi chụp ảnh, kể cả lúc vui vẻ được học sinh trường Nguyễn Xuân Ôn cùng chụp chung. Đây là tấm ảnh đầu tiên anh cười. Tấm ảnh chụp từ chiến khu Việt Bắc gửi về cho quê hương, cho gia đình, cho tôi.Tôi nhìn theo ảnh để vẽ lên một tờ giấy to, tỉ mẩn tô đi sửa lại, rồi treo lên xà nhà. Còn tấm ảnh thì tôi cất kín, sợ giở ra xem nhiều ảnh sẽ phai màu. Niềm vui từ tấm ảnh cứ lan toả trong tôi từ ngày này qua ngày khác, tháng này qua tháng khác, năm này qua năm khác…

**Võ Văn Trực**

Cọng Rêu Dưới Đáy Ao

**Chương VI**

Mất lập trường giai cấp

Hoà bình lập lại. Tôi học ở trường cấp ba Nghi Lộc, cách nhà gần ba mươi kilômet. Chiều thứ Bảy cuốc bộ về. Chiều Chủ nhật mang gạo, khoai và thức ăn cuốc bộ đến trường.   
Năm ấy mất mùa. Đói! Đói khủng khiếp! Cứ cuối buổi học là chúng tôi đói mờ mắt, rất khó tiếp thu bài giảng của thầy. Mười hai giờ trưa tan học chúng tôi còn phải rủ nhau ra đồng hái rau khoai. Hôm nào cũng hái đầy rổ. Bà con nông dân nhìn thấy, chúng tôi ngại quá phải lấy nón úp kín miệng rổ. Ba đứa ở trọ một nhà dân: Ngô Trực Nhã, Trương Viết Vinh và tôi. Chị chủ nhà cho mượn chiếc nồi to, bữa nào chúng tôi cũng bỏ đầy ắp rau khoai, một nắm gạo và một nhúm muối, vừa đun vừa quấy cho nát nhừ, rồi múc ăn. Buổi chiều có lúc sắp tắt nắng chúng tôi vào rừng thông hái củi. Đêm nào cũng thức đến gà gáy canh ba để học bài, làm bài. Đứa nào cũng say mê học. Vinh và Nhã giỏi toán. Tôi giỏi văn. Chúng tôi hướng dẫn nhau, truy bài nhau, đứa này đặt câu hỏi để đứa kia trả lời. Dư âm của cuộc kháng chiến còn vang dội trong tâm hồn lứa tuổi học trò. Đánh giặc xong, đất nước sẽ rất cần trí thức trong công cuộc xây dựng, cho nên phải ráng sức mà học.   
Một buổi chiều, Vinh, Nhã và tôi đang hái củi trong rừng thì thằng con bà chủ nhà tìm vào tận nơi báo tin: anh Hiền đang chờ ở nhà! Anh Hiền à? Anh Hiền nào? Chẳng lẽ anh Hiền lại về đột ngột thế? Ba đứa chúng tôi vác ba bó củi co chân co cẳng chạy một mạch.Vừa tới đầu ngõ thì thấy anh đang đứng chờ. Sung sướng quá, tôi nhìn anh và hai gò má anh ướt đẫm. Bao nhiêu năm rồi, anh em mới gặp lại nhau. Không những tôi mừng mà thằng Vinh thằng Nhã và cả gia đình nhà chủ cũng mừng. Mọi người đứng quanh anh hỏi hết chuyện này sang chuyện khác. Anh biếu chị chủ nhà một cái áo chần bông màu gụ, anh chủ nhà một đôi giày vải, ba đứa chúng tôi ba cái “bút nguyên tử”. Chợt thấy trên đầu anh có đính huy hiệu Điện Biên Phủ, tôi hỏi:   
“Ơ, anh cũng tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ à?”   
“Ừ”.   
“Sao anh không viết thư về cho cha mẹ và em biết?”   
“Viết thư về sợ mọi người lo”.   
Hiểu tâm lý chúng tôi, anh gỡ chiếc huy hiệu trao cho tôi. Ba đứa chúng tôi và mọi người trong gia đình chị chủ nhà chụm đầu ngắm nghía một cách say mê.   
Từ khi biết anh là chiến sĩ Điện Biên Phủ, ai cũng nhìn anh với con mắt kính nể. Mấy người hàng xóm cũng chạy sang hỏi thăm. Anh lục trong ba lô ra một cái ca-men trắng in hình cờ đỏ “Quyết chiến quyết thắng”, hình anh vệ quốc đoàn đang xông trận và dòng chữ màu đỏ “Chiến sĩ Điện Biên Phủ”. Mọi người truyền tay nhau xem, nâng niu như cầm một bảo vật.   
Anh dẫn tôi ra đường chơi, hai anh em ngồi trên cồn cỏ giữa cánh đồng. Anh nói anh đã làm xong nhiệm vụ đánh thực dân, bây giờ Đảng điều anh tham gia nhiệm vụ đánh phong kiến. Ngày mai anh phải vào Hà Tĩnh cải cách ruộng đất đợt năm. Giọng anh đầy hào hứng “Trận đánh này còn quyết liệt hơn đánh Pháp. Ta chỉ đánh thằng Pháp trong chín năm, nếu cộng thêm tám mươi năm nô lệ thì ta cũng chỉ đánh nó gần một trăm năm. Còn bọn phong kiến địa chủ bóc lột dân ta hàng ngàn năm rồi, đánh nó còn khó hơn đánh Pháp, chúng nó có nhiều mưu ma chước quỷ để chống lại ta. Cải cách ruộng đất là một cuộc cánh mạng long trời lở đất, cày xới đến tận tầng sâu của ý thức con người…” Nghe anh nói mà người tôi thỉnh thoảng lại rung lên một cảm giác kỳ lạ thấp thỏm chờ đợi, hy vọng…   
Anh vào Hà Tĩnh còn tôi vẫn cam chịu gian khổ học hành. Mỗi Chủ nhật về nhà một lần, mỗi lần về tôi lại biết thêm một số tin tức làng xóm phát động cải cách ruộng đất. Đột ngột một chiều thứ bẩy tôi từ Nghi Lộc về nhà đã thấy anh Hiền. Tôi đang ngơ ngác nhìn anh thì anh nói: “Anh được về hẳn rồi, anh em không phải xa nhau nữa”.   
Dần dà về sau tôi mới biết rõ tại sao anh về hẳn. Tham gia cải cách ruộng đất ở Đức Thọ anh thấy quy sai một gia đình lên địa chủ, một lần họp đội anh nêu ý kiến phản đối, đội không nghe. Anh tỏ thái độ bướng bỉnh, hàng ngày vẫn vào gia đình ấy chơi. Ông đội trưởng trình lên đoàn và đoàn quyết định giao trả anh về Bộ Quốc phòng. Anh lập tức xếp quần áo, mang ba lô chào bà con nông dân quay trở về Hà Nội, không thèm trình bày một câu nào với Đội, với đoàn cải cánh ruộng đất. Bộ Quốc Phòng bèn cho anh đi học đại học Nông nghiệp. Trong quan niệm của cán bộ ta hồi đó chỉ có hoạt động chính trị hoặc quân sự mới có thể tiến thân được. Bị gạt sang làm chuyên môn tức là không được cấp trên tin cậy nữa, cộng thêm bản chất di truyền của ông đồ Nghệ, anh mạnh dạn xin phục viên.   
Biết anh về nhà hẳn tôi buồn và thương anh. Bà con trong làng bàn tán với nhau: “Công lao chín năm kháng chiến của ông Hiền đổ xuống sông”. Tôi chẳng biết nói gì thêm với anh. Mỗi Chủ nhật về nhà nhìn thấy anh tha thẩn ra sân lại vào nhà, tôi thương anh. Chẳng lẽ anh theo bác Chắt Kế chuẩn bị khởi nghĩa khi còn bóng tối, hăm hở tòng quân đánh Pháp, say mê lý tưởng, bây giờ tiêu tan hết? Thấy tôi bần thần, anh lựa lời an ủi : “Em thấy đấy, từ những năm đầu kháng chiến, tiếng tăm Tướng Đặng Văn Việt lừng lẫy khắp cả huyện, cả tỉnh, cả nước. Chỉ vì gia đình là địa chủ quan lại mà phải ra khỏi quân đội. Mấy người bạn của anh như anh Lộc, anh Thân, anh Hối cũng lần lượt bỏ về nhà. Vì sao? Anh chưa thể nói với em được. Có lẽ sau này em sẽ hiểu…”   
Qua lời của anh tôi nhận ra một sự thực như thế. Lâu nay anh ta vẫn đồn Tướng Đặng Văn Việt “về vườn”, mà tại sao anh Lộc cũng về nhà làm thợ may, anh Thân về nhà làm ruộng. Nghe nói trong cải cách ruộng đất anh Thân làm đội trưởng, bỗng nhiên bị quy là Quốc dân Đảng, ngồi tù một thời gian rồi mang khăn gói lếch thếch về với vợ con. Anh Hối trong kháng chiến làm đại đội trưởng xông xáo trên chiến trường Thừa Thiên nay cũng về sống thui thủi ở Hà Nội. Tại sao nhỉ? Tại sao các anh đã một thời xông pha vào cuộc đấu tranh giành độc lập cho đất nước mà nay bị đẩy ra ngoài rìa của cuộc đấu tranh ấy?...   
Tôi tò mò xem cuốn sổ tay của anh chi chít ghi những dòng chữ trong mấy tháng đi cải cách ở Hà Tĩnh. Trang nào cũng khó đọc, ngoặc ra ngoặc vào, ghi ra cả ngoài lề, có chỗ dòng này ghi chồng lên dòng kia, có chỗ ghi rồi lại xoá mực nét bút đè lên rách cả giấy… Tôi cố cầm từng tờ soi ra ánh sáng đọc loáng thoáng được một số câu: “Ông Thìn làm giáo học mà cũng địa chủ, bà Mến biết cái cóc gì mà cũng thường vụ Quốc dân Đảng, địa chủ cả nút thế này thì lấy ai làm nông dân… Chúng nó kích bà con nông dân tố nhau lộn nhào lộn nhút…” Cuối cuốn sổ anh ghi mấy dòng rất dễ đọc: “Nợ máu xương với đời, mình đã trả xong. Thôi thì về nhà vui thú điền viên. Không làm được cây đại thụ chống chọi cùng phong ba thì xin làm cọng rêu dưới đáy ao để được yên thân”. Có lẽ thấy mấy ông công an xã thường hay ra vào cho nên anh đốt cuốn sổ, còn chiếc ca “chiến sĩ Điện Biên Phủ” và chiếc huy hiệu Điện Biên Phủ anh bọc giấy cẩn thận cất vào tủ chè. Một tấm ảnh chụp với đồng đội bên dòng suối Việt Bắc anh lồng vào khung kính treo lên tường.

**Võ Văn Trực**

Cọng Rêu Dưới Đáy Ao

**Chương VII**

Vui thú điền viên

     Suốt trong vòng nửa tháng anh đi chơi bên ngoại, thăm bạn bè xa gần bên này và bên kia sông Bùng, thăm mấy cụ già trong làng nhất là các cụ đồ nho. Anh đến chơi nhà các dì, các cậu. Đến nhà ai anh cũng có quà hoặc một cái kẹo lạc hoặc vài chiếc kẹo bạc hà, hoặc dăm ba hào bạc… Phong cách tiếp xúc trò chuyện của anh hoàn toàn không có vẻ gì là một người đã từng chỉ huy quân đội, hình như anh mang nặng tâm lý một viên chức thời xưa về hưu. Có lẽ đúng hơn, anh nghĩ rằng mình là một sĩ quan về làng nghỉ ngơi sau một thời gian dài chinh chiến, trong đó có tâm lý một nhà nho xa lánh nơi bon chen ồn ào.   
Sau khi đã đi thăm hỏi những nơi cần thiết, hàng ngày anh ở nhà dọn dẹp đồ đạc, kê lại cái tủ chè, đóng lại cái giường, sắm thêm ít đồ tế khí đặt lên bàn thờ… Hồi sau cách mạng tháng Tám anh là một trong những người gương mẫu trong việc “thờ cúng tập thể” tại nhà thờ đại tôn thì nay anh lại là một trong những người đầu tiên lập lại bàn thờ riêng tại gia đình mình. Rồi anh cũng thắp hương cúng giỗ cúng tết. Ngày giỗ ông nội anh bàn với cha mẹ sắm cỗ mời chú bác sang dự, cũng uống rượu và kể lại chuyện từ thời xửa thời xưa mang khăn gói đến đất này lập nghiệp. Những bữa giỗ như vậy anh thích kéo dài tiệc rượu từ trưa cho đến nửa chiều, bà con ai về nhà nấy, anh ngủ một giấc rồi dậy đọc sách. Từ khi phục viên anh mua khá nhiều sách, toàn sách của các học giả thời trước như “Vân Đài loại ngữ” của Lê Quý Đôn, “Ức Trai thi tập” của Nguyễn Trãi, “Lịch triều hiến chương loại chí” của Phan Huy Chú…   
Đặc biệt anh dành nhiều thời gian để tu sửa mảnh vườn trước nhà. Trước kia hơn một sào vườn này quanh năm trồng rau cải, khoai lang… Bây giờ anh chỉ giành hai luống trồng rau. Tất cả đất còn lại anh trồng chanh, cam, quýt. Bốn góc trồng bốn cây hoè. Sáng nào anh cũng dậy sớm ra làm vườn chừng một tiếng đồng hồ rồi vào uống trà ngâm nga đôi ba câu Kiều.   
Dọc lối ngõ từ vườn vào đến sân, thuở sinh thời ông tôi trồng một hàng cau, lúc lên sáu lên bảy, chiều nào cũng vậy, khi vừa tắt nắng, chúng tôi thường trải chiếu ngồi giữa sân xem vợ chồng lũ quạ bay lượn và lót tổ trên ngọn cau. Sau ngày cướp chính quyền, người ta coi việc ăn trầu là lạc hậu, chỉ còn một số bà già nhai trầu bỏm bẻm, con gái thì bỏ hẳn, các bà trung niên đua nhau cạo răng trắng. Chính tay anh Hiền đã cầm dao chặt hàng cau, nay anh lại lên tận chợ Bộng, chợ Vẹo tìm mua cau con về trồng.   
Ngay trước sân, anh lấy đá ở lèn Hai Vai và tự tay xây hòn non bộ. Anh cất công chui vào hang tìm những hòn đá hình thù kỳ dị, chồng lên nhau, gắn lại bàng xi măng tạo nên một toà thiên nhiên nhỏ bé có suối chảy, có hang động, có cây cối rêu phong. Hầu như không bao giờ anh hài lòng với “công trình” của mình. Ngày nào anh cũng giành một ít thì giờ để hoàn chỉnh thêm. Lúc thì anh làm thêm cái cầu qua suối, lúc thì anh tạo hình một ông tiên buông cần câu… Anh chăm chút và bảo vệ cẩn thận như mười năm trước anh quý trọng giữ gìn cuốn sổ ảnh với những tấm hình mà anh tôn thờ.   
Nhưng anh không chỉ lo tôn sửa gian nhà, mảnh vườn. Anh còn chịu khó ra đồng làm việc cùng bà con nông dân. Ngày mùa anh cũng đi gặt.Vụ cày anh cũng đi cày.Vào thì bón phân cho khoai lúa anh cũng đi gánh phân... Bà con khen anh là chín năm cầm súng đánh giặc không quên công việc nhà nông.   
Thật ra làm những việc nặng nhọc ấy là quá sức anh. Chẳng qua anh muốn tỏ ra mình đã hoàn thành nhiệm vụ chín năm chinh chiến thì phải thực sự trở về với công việc đồng áng. Không phải như những người lính khác, trước khi nhập ngũ thì thực sự là nông dân; còn anh, trước khi cầm súng anh chỉ quen cầm bút. Lắm lúc nhìn anh lóng ngóng lội bùn tôi chạnh lòng thương. Có những buổi sáng mùa đông tôi dắt trâu đi trước, anh vác cày đi sau. Vừa đi anh vừa cuộn thuốc lá hút. Ra đến ruộng anh cũng cởi quần dài buộc quanh cổ giống như các bác lực điền, mắc ách lên vai trâu, rút hộp thuốc lá sợi xoè bật lửa ngậm trên môi, rồi mới cầm cày giục trâu bước. Chừng được mươi đường cày anh lại dừng trâu, hút điếu khác. Cứ thủng thẳng như vậy cho đến hết buổi. Anh tháo ách, rửa chân tay, ngậm một điếu thuốc, vác cày trở về. Anh cố tạo ra niềm vui trong công việc nặng nhọc.   
Anh bắt đầu nghiện thuốc lá từ khi mới gia nhập quân địa phương. Ngồi trò chuyện với bạn bè, cùng hút thuốc lá anh thấy khoái lắm. Phục viên về nhà, bạn tâm đắc ở xa, hễ có bác nông dân láng giềng sang chơi là thế nào anh cũng pha trà, cuộn hai điếu thuốc lá, đưa cho bác một điếu. Anh vừa hút vừa thích thú nhìn điếu thuốc cháy trên môi người đối diện… Những lúc rỗi rãi như vậy, tôi không để ý lắm đến việc anh hút thuốc. Nhưng lúc vác cày vác bừa mà anh ngậm điếu thuốc tôi lại chạnh lòng nhớ anh lúc ngồi trên lưng ngựa, ngậm thuốc lá, buông cương, ngựa thủng thẳng từng bước.

**Võ Văn Trực**

Cọng Rêu Dưới Đáy Ao

**Chương VIII**

Với người vợ hiền

   Anh lấy vợ từ năm mười bảy tuổi. Cha mẹ dạm hỏi và anh vâng lời nghe theo. Chị quê ở làng Vĩnh Bình, cách Hậu Luật chừng ba kilômét. Nhưng trước khi cưới, lũ em út chúng tôi không hề được biết mặt chị, chỉ nghe các cậu các mợ nói chị là một cô gái đẹp người đẹp nết. Một lần tôi theo mẹ về quê ngoại ăn giỗ, lúc qua cánh đồng làng Vĩnh Bình mẹ chỉ cho tôi thấy chị đang làm ruộng từ xa. Anh cũng chưa một lần gặp mặt chị, càng chưa hề trò chuyện với chị.   
Lễ cưới chưa tổ chức được bao lâu thì Cách mạng tháng Tám bùng nổ. Anh mải mê đi lo việc làng việc xóm, rồi thoát ly gia đình lên công tác ở huyện. Do tiếp xúc nhiều với các cô gái có học hành, nhất là nữ sinh trường Nguyễn Xuân Ôn, anh chểnh mảng với chị, thậm chí không bao giờ anh hỏi chị một câu. Nhỡ ra gặp chị dọc đường làng, anh cố lảng tránh.   
Hôm anh rời quê ra Việt Bắc mẹ tôi có dọn một bữa cơm rượu, mời các bác các chú sang dự. Chị thức dậy khi gà chưa gáy canh năm, lo nhóm lửa đồ xôi, làm thịt gà, lụi cụi một mình, chẳng gọi mẹ gọi các em gái dậy cùng lo. Cỗ bàn thật chu tất. Bà con ngồi uống rượu vui vẻ, chúc “bác Hiền”, “chú Hiền” lên chiến khu lập được nhiều công trạng. Chị cặm cụi trong bếp hầu hạ mọi người. Niềm vui lớn nhất của chị lúc này là lo chặt miếng thịt gà cho đẹp, pha bát nước chấm cho ngon, chọn những quả cà trắng xếp vào đĩa. Chị tỉ mẩn lo từng mâm cỗ vừa là để đựơc tiếng là người vợ hiền dâu thảo của gia đình, vừa để vừa lòng chồng trước lúc xa gia đình, xông pha nơi trận mạc. Nhưng anh thì chẳng để ý gì đến chị. Đến lúc mang ba-lô ra đi, anh chào cha mẹ, bà con họ mạc và mọi người trong gia đình, nhưng không hề chào hỏi chị lấy một câu.   
Chiều. Rồi xế chiều. Rồi vào đêm. Chị ngồi một mình dưới bếp lau nước mắt. Sắp gà gáy canh ba tôi tỉnh dậy thấy chị vẫn ngồi. Tôi im lặng bước đến và ngồi bên cạnh chị:   
“Sao chị chưa ngủ?”   
“Chị không buồn ngủ”.   
“Sáng mai phải dậy sớm đi cấy, chị không ngủ thì mai ra đồng lội bùn sao được”.   
“Chị không buồn ngủ mà. Em lên ngủ đi, kẻo dậy muộn đi học chậm giờ. Sắp sáng rồi, chị thổi cơm để em kịp ăn mà đến trường…”   
Suốt thời gian ở Việt Bắc, tất cả những bức thư anh gửi về đều không hỏi thăm chị một câu. Bức thư nào tôi cũng bóc ra, đọc cho cả nhà cùng nghe. Tôi đọc chậm chạp lời chúc sức khoẻ cha mẹ, em Đích, em Xí, em Đáng, em Thoả, chị Chắt Khải, bà con thân thuộc… Đọc đến hết thư tôi hơi bị hẫng… không có tên chị Hiền. Tôi vừa thương chị vừa tự giận mình. Tôi không hiểu. Tôi nẩy ra một ý khôn ngoan, lần sau có thư anh tôi đọc thêm vào một câu: “Em Hướng nhớ giữ gìn sức khoẻ, nhớ chăm sóc cha mẹ…” - tên chị là Hướng. Gương mặt chị sáng lên một niềm vui kín đáo… Tối đến, mọi người đã yên giấc ngủ, chị lục trong túi tôi đem bức thư của anh xuống bếp thắp đèn đọc lại. Bỗng chị gục đầu, nấc lên. Tôi đang ngồi học nghe rõ tiếng nấc của chị, chạy xuống: “Chị ơi! Chị đi ngủ, khuya rồi…” Chị không đáp lại cứ ôm mặt nấc lên từng hồi. Nước mắt là cách duy nhất để chị tự giãi bày. Buồn đau đến mấy chị cũng không tâm sự với ai. Khác với nhiều người phụ nữ, chị chẳng bao giờ ngồi lê la với bà này bà nọ kể chuyện gia đình mình nên không mấy ai biết được sự rạn nứt tình cảm giữa chị và anh.   
  
Những năm xa chồng chị sống nhẫn nhục, lặng lẽ và làm việc không mệt mỏi. Chị được bầu vào Ban chấp hành Hội liên hiệp phụ nữ xã. Có thời kỳ chị làm ủy viên Hội đồng nhân dân xã. Hôm nào bận đi họp, tối về chị trằn sức ra làm bù. Có đêm chị thức rất khuya, xay thóc, giã gạo, rồi ra ao vớt bèo. Mẹ tôi thấy con dâu làm việc nhiều quá, ra tận ao đỡ rổ bèo cho con:   
“Bèo lợn thì để mai mẹ lo. Trời rét thế này dầm nước con ốm mất”.   
“Mẹ cứ về ngủ đi. Con chỉ làm một lát là xong ngay”.   
  
Cha mẹ tôi sinh được sáu người con. Hai chị lấy chồng ở làng khác. Anh Đồng mất năm 1949. Chị Hiền là con dâu trưởng. Sau chị có tôi và hai em gái. Ba anh em tôi còn nhỏ. Cha mẹ già yếu. Chị cáng đáng tất cả mọi việc nhà, từ bếp núc cho đến đồng áng. Dáng người chị hơi thấp nên lúc cắt hái, gánh rơm gánh rạ trông chị càng có vẻ nhanh nhẹn, xăm xắn. Tết nhất, giỗ chạp các bà cô dắt cháu về, cùng xúm tay giúp chị, nhưng chị gạt ra: “Lâu ngày về ông bà, cô lên tiếp khách, nói chuỵên với các chú các bác. Một mình tôi lo là đủ rồi”. Bà con làng xóm ai cũng khen: “Bà Đoan có người con dâu tốt nết tốt đức thật là phúc”.   
  
Tôi tham gia công tác quân báo một thời gian khá dài, quanh đi quẩn lại cũng chỉ có từng ấy việc: dự các cuộc tập trận giả, dò xét thái độ những người không chịu đóng thuế nông nghiệp, không chịu đi dân công… Tôi đâm ra chán nản, xin được đi học tiếp. Cha mẹ tôi rất mừng. Không ngờ là chị Hiền cũng rất mừng: “Em đi học là phải. Kháng chiến thành công, đất nước cần những người có học như em”.   
  
Trường học cấp hai xa nhà hơn mười cây số. Hàng ngày vừa tắt nắng, tôi và mấy đứa bạn xách cặp đi học, khoảng mười giờ đêm lại xách đèn về. Ăn vài bát cơm nguội, ngồi vào bàn làm bài. Sáng mai, dắt trâu ra đồng. Chiều tối lại xách đèn đi học. Có hôm, trời mưa, không thắp được đèn, chúng tôi phải chống gậy đi mò trong đêm tối từ trường học vượt qua mấy cánh đồng mới về tới nhà… Thấy tôi lam lũ quá chị chăm sóc tôi từng li từng tí. Đêm nào cũng vậy, biết tôi sắp về, chị đun nóng lại nồi cơm và nồi canh. Có hôm chị luộc sẵn mấy củ khoai hoặc củ sắn từ lúc chiều để tôi mang theo. Mấy tháng sau chị bảo tôi: “Em tìm nhà nào ở gần trường mà ở trọ, mỗi tuần về một lần. Chứ ngày nào cũng đi như thế này thì ốm mất”. Tôi chần chừ… Thời buổi đói kém, gia đình không đủ thóc gạo để ăn, tôi ở trọ thì phải mang gạo mang thức ăn. Ăn chung ở nhà, cây rau củ khoai cũng qua bữa. Thấy tôi có vẻ phân vân, cha mẹ hiểu ý, liền khuyên bảo tôi: “Chị mày nói thế là phải, tháng sau con tìm nhà mà ở trọ”. Thế là tôi ở trọ ngay một gia đình gần trường, mỗi tuần về một lần. Chị càng thêm vất vả, vừa việc nhà vừa việc học của tôi. Cứ chiều chủ nhật, chuẩn bị cắp sách đến trường là chị đã lo sẵn cho tôi một bao ruột tượng gạo, một gói tôm kho mặn với mật mía và muối. Biết tôi phải ăn dè thức ăn trong sáu ngày, để tôm không bị thiu, chị kho kỹ cho con tôm mặn cứng có pha vị ngọt của mật. Con tôm nào cũng dính lổn nhổn muối. Mỗi bát cơm chỉ cần hai con tôm là đủ: gạt muối ra trộn lẫn với cơm, còn tôm thì cắn nhỏ từng miếng, ăn rất đằm miệng… Có những chiều chủ nhật lạnh lẽo, chị trao bao gạo và gói tôm kho, tôi ứa nước mắt bước ra khỏi ngõ với một tâm trạng nặng trĩu.   
\*   
Anh Hiền đột ngột rẽ về nhà trên đường từ ngoài Bắc vào Hà Tĩnh phát động cải cách ruộng đất đợt năm. Tối hôm đó có cuộc họp toàn thôn, anh ra dự và phát biểu ý kiến. Mọi người im lặng khi anh đứng dậy. Ai cũng nghĩ rằng anh sẽ nói rất dài và nói nhiều điều thú vị về tình hình trong nước, tình hình thế giới, kể nhiều chuyện về Bác Hồ ở Việt Bắc… Không ngờ anh chỉ nói chừng năm phút, nội dung thật là đơn giản: “Xin lỗi các đồng chí đảng viên, xin lỗi bà con họ hàng làng xóm về việc lâu nay tôi chê vợ. Tôi đã nhận ra sai lầm của tôi. Người cùng một giai cấp, ta phải đoàn kết chặt chẽ, nông dân không thương nông dân thì đợi địa chủ nó thương nông dân à?...” Khắp cả ba gian nhà thờ tiếng hoan hô nổi lên:   
“Trời có mắt mà! Mự Hiền ở hiền gặp lành, chồng chê rồi chồng lại yêu”.   
“Ông trời có mắt đem chồng trả lại cho mự Hiền”.   
Trong góc nhà, mấy chị xô nhau chọc ghẹo chị Hiền:   
“Từ nay thì hết buồn nhá!”   
“Đảng lại đem chồng về trả cho mự rồi đó!”   
“Mự ăn ở phúc đức thì ông chồng phải tự nguyện quay về!”   
  
Tự nhiên tôi thấy ai đó đã phát hiện ra một điều đơn giản: “Đảng đã đem chồng về trả cho mự”. Qua cải cách ruộng đất, nhiều người đã tự thức tỉnh “ý thức giai cấp” là không chê vợ nông dân, không chê vợ nghèo khổ chân lấm tay bùn. Thậm chí, có thanh niên trí thức ngỏ lời yêu con gái cố nông. Tình yêu của anh Quảng với o Quỳ nẩy nở trong bối cảnh như vậy. Anh là một học sinh từ thời Pháp thuộc, quê ở Quảng Ninh, gia nhập Vệ quốc đoàn, được đề bạt làm đại đội trưởng. Trong thời gian đóng quân tại làng anh đựơc khá nhiều cô thôn nữ xinh đẹp, nhất là nữ sinh lân la tỏ tình. Đùng một cái anh đến nhà cố Đôi chơi. Anh ngồi trên chiếc chiếu rách, gọi o Quỳ tới và ngỏ lời yêu o. O Quỳ chẳng hiều đầu đuôi xuôi ngựơc ra sao, run bắn người, chẳng nói được câu nào. Anh cố gượng gạo để chuyển cách xưng hô: “tôi” thành “anh”, chuyển “O” thành “em”. Tay anh cầm tay o Quỳ: “Em… em… em… trả lời anh đi! Còn lo gì nữa! Em… em… lo con bò trắng răng à!...” Sau cuộc gặp ấy anh Quảng nói với mọi người: “Tôi lấy o Quỳ là để giải phóng giai cấp!”   
  
Cũng với tâm lý bột phát ấy, anh Hiền không những lặng lẽ trở về với vợ mà còn công khai xin lỗi các đồng chí đảng viên và bà con họ hàng làng xóm về việc lâu nay chê vợ.   
  
Chỉ ngủ ở nhà một đêm, hôm sau anh tiếp tục hành trình trở vào Hà Tĩnh. Chị thức dậy khi tờ mờ sáng, nấu một nồi cơm nếp, một nồi cơm tẻ, luộc một con gà bày lên mâm, rồi bê ra nhà ngoài.Trên mâm chị đặt sẵn gói cơm nếp với cái đùi gà, có ý là để anh mang đi đường. Rồi chị tất tưởi sang nhà hàng xóm mua một cút rượu… Cả nhà vui vẻ ăn bữa cơm mừng sự đoàn tụ của vợ chồng anh Hiền.   
\*   
Từ giã đoàn cải cách ruộng đất, từ giã quân ngũ, anh trở về quê, càng gắn bó với chị hơn. Có lẽ không phải vì “tình cảm giai cấp” mà do sự thôi thúc của ý niệm “vui thú điền viên”.   
  
Anh mua cho chị nào dép, nào khăn bịt đầu, nào áo ấm, áo sơ mi, mấy chiếc mùi soa và cả gương lược. Áo mới quá, khăn mới quá. Thời gian đầu chị không dám dùng ban ngày mà chỉ diện vào buổi tối. Đi họp ngoài làng ngoài xã nếu mặc áo mới thì chị trùm đầu bằng khăn cũ. Nếu trùm đầu bằng chiếc khăn mới thì chị mặc áo cũ. Nửa kín nửa hở chị khoe với mọi người “Khăn áo này là do chồng tôi mua”. Tâm hồn chị trẻ trung như hồi mới cưới.   
  
Phòng ngủ được anh trang trí như phòng tân hôn: chiếu mới, màn mới, chăn bông mới. Trên mặt gối còn trải tấm khăn thơm thoang thoảng mùi nước hoa, mỗi sáng ngủ dậy cửa màn được vén ngay ngắn sang hai bên chăn được xếp vuông vắn đặt phía đầu giường, hai chiếc gối được vuốt phẳng phiu… Tôi có cảm giác rằng với giường chiếu ấy anh đã có một sự quyết tâm ghê gớm để trở về với người vợ quê mùa, với hương thôn bản quán. Trong cái quyết tâm trở về ấy có bao hàm cái quyết tâm dứt bỏ hoàn toàn cuộc đua chen trên con đường danh lợi.   
  
Công việc bếp núc anh cũng trực tiếp nhúng tay vào hướng dẫn cho chị làm một số món mang chất thị thành. Các thứ gia vị cần thiết anh đã mua sẵn từ Hà Nội: lọ hồ tiêu, tương ớt, nước cà cuống, ớt bột… Sau bữa ăn mỗi người được ăn một bát chè đậu đen hoặc chè nếp. Trong bát chè có hương vị lạ ai cũng khen ngon. Anh nói: “Có gì lạ đâu cho tí dầu chuối vào là dậy mùi ngay”. Bí quyết thật là đơn giản, chị cũng học theo cách làm ấy, nhưng buồn cười, hôm đầu tiên chị nấu chè mọi ngưòi bưng ăn đều nhăn mặt vì sặc mùi dầu chuối, thì ra chị đổ vào nồi chè gần nửa lọ dầu, anh khó chịu lắc đầu nhưng không cáu gắt mà bình tĩnh hướng dẫn cách dùng: chỉ cần nhỏ vào bát hai giọt dầu chuối. “Tài thật, con người càng ngày càng khôn ngoan”, cha tôi tấm tắc khen…   
  
Đứa con đầu lòng của anh chị sinh từ hồi đầu kháng chiến chống Pháp đến nay dã chín tuổi vẫn chưa có đứa thứ hai. Do chán vợ nên anh chẳng chăm sóc con. Cuộc trở về lần này suốt ngày đêm anh quấn quýt với con. Anh sắm cho con đủ các kiểu giày dép quần áo, bút mực sách vở. Đặc biệt anh chú ý tu sửa mái tóc của con, mỗi ngày một kiểu tóc khác nhau hôm nay thì kiểu tóc buộc vồng lên “kiểu tóc ống khói”, ngày mai lại chải vuốt ra đằng sau có thắt một cái nơ đỏ. Ngoài giờ cắp sách đến trường, anh dạy cho con học toán, học văn, học tiếng Pháp. Anh bắt con học thuộc lòng những bài thơ anh chép vào một cuốn vở. Sáng nào con bé cũng nghêu ngao đọc thật to. Không những cả nhà mà cả hàng xóm đều nghe:   
Tạo hóa gây chi cuộc hí trường Đến nay thấm thoát mấy tinh sương Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo Nền cũ lâu đài bóng tịch dương…  
  
Anh như một cây tre đã bị uốn cong sang phía bên kia, bây giờ muốn cho thẳng phải uốn cong sang bên này, có cái gì đó trong anh chưa nhuần nhuyễn, còn gượng gạo, thậm chí còn lố bịch, nhưng tất cả những việc anh làm đều biểu hiện sự quyết tâm “trở về”. Nhờ thế anh chị có thêm một đứa con gái thứ hai. Như vậy đứa con đầu cách đứa thứ hai chín tuổi, khi chị sinh cháu đầu lòng anh đi công tác xa nhà, vả lại cái tổ ấm miễn cưỡng hồi ấy không làm cho anh xúc động bao nhiêu lúc cháu bé cất tiếng khóc chào đời. Còn bây giờ anh săn đón, hồi hợp chờ đợi… Anh lục lọi kiến thức trong sách vở để đặt tên cho con, cân đi nhắc lại cuối cùng anh khai sinh cho cháu với tên “Thu”. Chị là “Thảo”, em là “Thu” - “lối xưa xe ngựa hồn thu thảo”, vừa hợp với con gái vừa hợp với tâm trạng hoài cổ của anh.

**Võ Văn Trực**

Cọng Rêu Dưới Đáy Ao

**Chương IX**

Tham gia công tác thông tin

Tổ thông tin tuyên truyền công tác của làng tôi hoạt động sôi nổi hàng chục năm nay. Trong tổ, mấy đứa chúng tôi có mặt từ hồi đầu thành lập đến bây giờ vẫn tiếp tục tham gia. Thằng Bá, thằng Dần, thằng Hoàn… ngoài những lúc đi làm đồng và đi học chúng tôi say mê làm tất cả mọi việc để đưa tin chiến thắng và tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng: viết khẩu hiệu, đọc tin, sáng tác ca vè, biểu diễn những hoạt cảnh chèo kịch nói…   
Hiện giờ thằng Bá làm tổ trưởng, Bá bàn với tôi:   
“Chú Hiền viết chữ đẹp, mời chú vào tổ thông tin để viết khẩu hiệu”.   
“Mày thử trực tiếp nói với chú ấy xem sao”.   
  
Bá vừa đề xuất ý kiến, anh Hiền hưởng ứng ngay. Không ngờ anh lại tích cực làm mọi việc do Bá phân công. Hai việc chính của anh là: viết khẩu hiệu trên tấm cót to đặt ở cổng làng và thường xuyên viết tin tức lên bảng tin ở các cổng xóm. Những tấm lá cót dài bốn mét rộng một mét rưỡi luôn được anh thay đổi màu sắc và viết mỗi lần một kiểu chữ khác nhau để người xem đỡ nhàm. Lúc thì anh để mộc rồi viết chữ thường như thầy giáo viết bảng. Lúc thì anh quét vôi trắng lên, viết chữ son đỏ như rồng bay, phượng múa… Trên bảng tin, anh vẽ hình để minh hoạ: cụ già cắp sách đến lớp học bình dân, đôi trai gái tát nước bằng gàu dai, đoàn người gánh thóc đi nộp thuế nông nghiệp… Mỗi lần viết tin anh chuẩn bị rất chu đáo: một bát đựng than, một bát đựng son, một bát đựng hoàng thổ; ba đoạn tre non đập dập đầu để làm bút nhúng vào ba bát “mực”. Đứng trước bảng tin anh tô từng nét chữ, nắn nót từng nét vẽ. Bà con qua lại đều dừng chân xem anh tỉ mỉ uốn lượn bàn tay và thì thầm với nhau: “Từ khi có chú Hiền tham gia tổ thông tin, khẩu hiệu với bảng tin đẹp hẳn lên”.   
  
Hồi còn tại ngũ, anh đã từng trình bày nhiều tờ báo liếp, báo tay của đơn vị. Sau một thời gian gia nhập tổ thông tin, anh đề nghị ra một tờ báo tường treo ở nhà thờ đại tôn để bà con đọc cho vui. Anh tập hợp bài, sửa bài và trình bày. Khổ báo rộng 1m x 1,2m, rực rỡ màu sắc. Trưa mùa hè, người làng ra nhà thờ nghỉ ngơi, hóng gió nồm, xúm xít trước tờ báo, vừa đọc vừa bình luận rôm rả. Anh viết một bài trên báo trong đó có câu: “Không làm được cây đại thụ chống chọi cùng phong ba thì hãy làm một cọng rêu dưới đáy ao để được yên thân”. Theo anh nghĩ, cọng rêu đó không phải là biểu tượng một tâm trạng yếm thế, mà là một sự rút lui về quê quán để lo việc cửa nhà, đồng ruộng và cùng bà con lo việc xóm làng.   
\*   
Uỷ ban hành chính xã triệu tập một cuộc họp quan trọng để nghe đồng chí chủ tịch huyện nói chuyện về xây dựng đất nước sau thời kỳ chiến tranh. Thông thường các cuộc họp do xã hoặc huyện triệu tập Bá thường cử anh Hiền thay mặt tổ thông tin đi dự vì “chú Hiền có trình độ tiếp thu, ghi chép đầy đủ để về phổ biến cho nhân dân nghe “.   
Từ hai hôm trước, người ta đã đồn đại là trong cuộc họp này chủ tịch huyện đích thân làm chủ toạ và diễn thuyết, hẳn có nhiều điều hệ trọng. Cho nên từ sáng sớm cán bộ các chòm các thôn đã gọi nhau í ới, vui như trẩy hội. Cả hội trường chật ních người, phải ngồi tràn cả ra thềm. Sau lời giới thiệu của chủ tịch xã, ông chủ tịch huyện đứng lên:   
“Thưa toàn thể các đồng chí đảng viên và các đồng chí cán bộ. Ngồi dự hội nghị ở đây là những thành phần cốt cán của xã ta, cho nên tôi nói hết, tôi không giấu giếm một chút gì. Những điều tôi nói toàn là những vấn đề lạc quan cách mạng. Các đồng chí nghe rất sướng tai. Để mở đầu sự lạc quan này, tôi đề nghị các đồng chí vỗ tay hoan hô…”   
Cả hội trường nổ ra tiếng vỗ tay và tiếng “Hoan hô… Hoan hô… Hoan hô…” vang dội. Đồng chí chủ tịch giơ cánh tay phải. Hội trường im lặng.   
“Chúng ta, toàn dân tộc ta, toàn giai cấp ta, toàn Đảng ta đã lạc quan đánh giặc thắng lợi, bắt địch phải kí với ta hiệp định Genève. Như thế là kẻ địch đã phải công nhận chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hoà là một chính phủ đàng hoàng đứng ngang hàng với tất cả các chính phủ trên thế giới. Lạc quan đánh giặc xong, chính phủ ta, Đảng ta, toàn dân tộc ta, toàn giai cấp ta lại lạc quan xây dựng đất nước không kém gì các cường quốc trên thế giới…”   
  
Mọi người nghển cổ như bị hút vào đồng chí chủ tịch. Thấy gương mặt cử toạ đầy hưng phấn, đồng chí chủ tịch ngừng lại vài phút, rồi tiếp tục:   
“Chắc các đồng chí nóng ruột chờ đợi những điều lạc quan tôi phổ biến… Yên chí… Việc gì đến sẽ đến, không phải sốt ruột gì cả… Tôi đề nghị các đồng chí vỗ tay hoan hô để đón nhận những điều lạc quan Cách mạng”.   
Cả hội trường lại vỗ tay hoan hô như sấm dậy.   
  
Đồng chí chủ tịch nuốt nước bọt cái ực, giơ cao cánh tay. Hội trường im lặng. Đồng chí nói dài lắm, nhưng có ba điều rất lạc quan, ai cũng nhớ nhập tâm.   
  
“… Bệnh viện Diễn Châu hiện nay sẽ phá sạch sành sạch, phá sạch không còn một dấu vết gì của nghèo nàn lac hậu. Ta sẽ xây dựng một bệnh viện khác gồm nhiều toà nhà mười tầng, mười lăm tầng, trang bị đầy đủ các loại máy khám chữa bệnh cực kỳ hiện đại. Người nào đau ốm bất kỳ ở làng nào, xóm nào, xó xỉnh nào chỉ cần a lô một tiếng là có đường dây đưa ngay tức khắc tới bệnh viện, chứ không làm cái cáng người bệnh từ nhà tới. Cáng võng, đòn võng, dây dợ lằng nhằng vứt sạch, không còn một chút tì vết của nghèo nàn lạc hậu. Tôi chỉ nói một việc thôi, một việc đủ làm các đồng chí kinh ngạc giật nảy người. Các đồng chí có biết việc gì không? Riêng một cái giường của bệnh nhân trị giá tới 9000 đồng. Các đồng chí ngạc nhiên à? Không ngạc nhiên gì cả. Một cái giường bệnh nhân trị giá 9000 đồng. Bệnh nhân nằm trên đó, ăn trên đó, ỉa trên đó… Tất cả đều do máy móc điều khiển…”   
“… Thị trấn Diễn Châu hiện nay sẽ phá sạch sành sanh, phá sạch không còn một dấu vết gì của nghèo nàn lạc hậu. Ta sẽ xây dựng một thành phố Diễn Châu to bằng thành phố Mạc Tư Khoa. Liên Xô sẽ giúp ta xây dựng. Thành phố mở rộng phía Tây lên tận lèn Hai Vai, phía Nam đến tận đền Công, phía Bắc đến tận cầu Bùng, phía Đông đến tận mép biển. Đường kẻ ô vuông như bàn cờ. Ô tô chạy như cua bò. Người ra khỏi cửa là lên ô tô, không phải đi bộ một bước. Muốn đi xem xi-nê có ô tô đưa đi. Muốn đi xem tuồng xem chèo có ô tô đưa đi. Muốn đi tắm biển có ô tô đưa đi. Muốn đi dạo mát có ô tô đưa đi…”   
“… Nhà của ta ở hiện nay sẽ phá sạch sành sanh, phá sạch không còn một dấu vết gì của nghèo nàn lạc hậu. Tất cả mọi nhà đều xây thành nhà cao tầng. Từ nhà đi ra đồng có ô tô đưa đi. Làm ruộng mệt mỏi thì ngừng tay xem xi-nê… Tôi nói một việc này các đồng chí sẽ vô cùng ngạc nhiên. Các đồng chí có biết việc gì không? Mỗi gia đình trung nông sẽ giàu hơn tài sản thằng Bảo Đại… Tài sản thằng Bảo Đại sẽ thua kém tài sản một trung nông…”   
Đồng chí chủ tịch diễn thuyết một cách say sưa, bỗng dừng lại đột ngột:   
“Các đồng chí nghe có sướng tai không?”   
Mọi người đồng thanh:   
“Sướng tai lắm. Đồng chí cứ nói tiếp đi!”   
Chủ tịch huyện nói say sưa quá và giơ hai tay choán cả vị trí chủ tịch xã hiện đang điều khiển cuộc họp. Chủ tịch huyện hăng hái làm luôn cả nhiệm vụ chủ toạ:   
“Ai có ý kiến gì không?... Không ai có ý kiến gì à?... A, đồng chí Hiền! Chắc đồng chí có nhiều ý kiến hay, nói cho mọi người cùng nghe. Đồng chí Hiền hãy lên tiếng…”   
Bị áp đặt một cách gay gắt, anh Hiền đứng dậy:   
“Tôi chỉ sợ là đồng chí chủ tịch đem đến cho cử toạ một sự lạc quan tếu chứ không phải lạc quan cách mạng.”   
Cả hội trường cười ồ lên. Chủ tịch huyện giơ cao cánh tay, nói như búa bổ:   
“Lạc quan tếu là thế nào? Xem chừng tinh thần lạc quan cách mạng của đồng chí đã sa sút rồi đấy. Hồi đầu ta chỉ có gậy tầm vông, bom ba càng mà đánh thắng thằng đế quốc mạnh nhất toàn cầu. Bây giờ ta lại không dùng cày chìa vôi mà xây dựng chủ nghĩa xã hội được à! Đồng chí thấy thế nào, đồng chí Hiền? Lạc quan tếu hay lạc quan cách mạng, đồng chí cho ý kiến.”   
Anh Hiền hơi mỉm cười:   
“Không…”   
Chủ tịch huyện lại dõng dạc lên tiếng:   
“Không à! Không là thế nào! Hơn lúc nào hết chúng ta phải rèn luyện ý chí, nắm chắc cày chìa vôi mà xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đồng chí Hiền có nhớ mười năm trước đồng chí oai phong ngồi trên mình ngựa cũng chỉ có một thanh kiếm, thế mà đồng chí cũng dám chọi nhau với thằng địch có đủ máy bay, xe tăng đại bác. Bây giờ đồng chí không dám cầm cày chìa vôi để xây dựng chủ nghĩa xã hội à! Đồng chí hãy xem lại cái tinh thần lạc quan cách mạng của đồng chí còn giữ được nữa không? Thế nào, đồng chí Hiền, đồng chí có ý kiến gì không?”   
Anh Hiền lại nhếch mép:   
“Không…”   
\*   
Nhập nhoạng tối. Tiếng loa gióng giả từ đầu làng đến cuối xóm: “Alô! Alô! Ăn cơm xong mời toàn thể đồng bào tập trung tại nhà thờ đại tôn để nghe đồng chí bí thư Đảng uỷ xã phổ biến nhiều vấn đề quan trọng. Alô! Alô!” Tất cả các tổ viên tổ thông tin phân công nhau đến các cổng xóm để “alô”. Đứa nào cũng tìm vị trí cao để alô cho nhiều người nghe. Đứa thì trèo lên cây ổi. Đứa trèo lên cây phượng. Đứa thì trèo lên bức tường… Tiếng “alô” từ đầu kia đến, từ đầu này lại, đan nhau, oang oang chói tai. Đồng chí bí thư Đảng ủy về nói chuyện chứ đâu phải chuyện thường. Các gia đình vội vã sắp bát đũa ăn tối để kịp giờ đi họp.   
Đèn đỏ một chốc, nhà thờ đã đông chật người. Trời rét. Ngồi chen chúc nhau. Các bà già nhai trầu. Các cô gái mỗi người rang một ít thóc bỏ vào túi để cắn chắt. Các ông cao tuổi và thanh niên truyền nhau điếu thuốc lào, tiếng điếu kêu sòng sọc. Sau mỗi buổi họp, nền nhà thờ vương văi nước trầu, bã trầu, vỏ thóc, tàn đóm, ông từ vừa quét dọn vừa càu nhàu: “Càng họp nhiều càng khổ dân đen”.   
Trong khi chờ đợi, tiếng trò chuyện ồn ào hoà lẫn với tiếng cắn thóc rang lách tách, tiếng trai gái đùa cợt hoà lẫn tiếng rít điếu thuốc lào. Khói thuốc bay mù cả ba gian nhà. Mấy cụ già hớp phải khói ho sặc sụa… Đồng chí bí thư đã lên rồi kìa! Đồng chí đến muộn vì chiều nay phải dự ba cuộc họp bàn an ninh thôn xóm về việc bà Bửu mất con gà mái đẻ và về việc một tuần đinh ngủ với bà bắt cáy giữa đồng. Vừa bước chân vào hội trường chưa kịp chào hỏi bà con, đồng chí diễn thuyết ngay vì sau cuộc diễn thuyết này đồng chí còn phải dự một cuộc họp bàn về chống âm mưu của kẻ địch trong hoà bình.   
“… Tình nghĩa quốc tế của các nước xã hội chủ nghĩa anh em vô cùng cao cả, muốn xoá bỏ cái nghèo nàn lạc hậu đến tận gốc ta phải dựa vào các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Các nước xã hội chủ nghĩa anh em cũng xắn hai ống tay áo giúp ta xoá bỏ cái ngoèn nàn lạc hậu…”   
Mấy cô, mấy cậu bịt miệng cười phì phì vì đồng chí bí thư nói ngọng “nghèo nàn” thành “ngoèn nàn”. Một cán bộ đứng dậy “Xì…xì …” để ngăn những tiếng cười bất nhã.   
“… Đảng, chính phủ nhân dân Cu Ba xung phong xây cho ta một con đường ngầm to chứ không phải nhỏ như cái cống nước. Con đường ngầm ô tô chạy được, hoả xa chạy được, xe tăng chạy được. Trên đường ngầm nhân dân ta cứ đi lại, cày bừa cấy hái như thường. Như thế là một mũi tên bắn trúng hai đích, đích thứ nhất là bảo đảm bí mật quân sự, đích thứ hai là xoá được cái nghèo nàn, xoá được lạc hậu. Tại sao làm đường hầm mà xoá được cái ngoèn nàn lạc hậu…”   
Đồng chí biết mình phát âm ngọng nên cố tránh tiếng nghèo nhưng lại thích dùng cụm từ “xoá nghèo nàn lạc hậu” cho nên lại cứ phải nói “ngoèn nàn lạc hậu” tiếng cười phì phì lại nổi lên.   
“… Làm đường ngầm tiết kiệm được diện tích canh tác. Ta có đường đi đàng hoàng mà không mất diện tích canh tác. Nhưng ta thấy Đảng, chính phủ nhân dân Cu Ba mới giành được chính quyền đất nước còn nghèo nên ta không nhận. Ta cảm ơn tấm lòng quốc tế vô sản của Đảng, chính phủ nhân dân Cu Ba...”   
“Thằng Pháp cũng giở giọng ủng hộ ta mười lăm tỷ đô la nhưng ta không thèm nhận. Ta không thèm chìa tay nhận của quân đế quốc. Thằng Pháp vừa bị Đảng, chính phủ, quân đội nhân dân ta đánh cho thua liểng xiểng, chúng âm mưu quay lại ve vuốt ta hòng đặt ách cai trị lên vai lên cổ ta một lần nữa. Ta phải cảnh giác thằng đế quốc. Tự hai bàn tay trắng ta phải xoá cái nghèo… xóa lạc hậu… xoá cái nghèo nàn lạc hậu”.   
“… Còn cái lèn Hai Vai sờ sờ ra đó ngứa mắt, ngứa mắt. Đảng, chính phủ ta sẽ xây một nhà máy xi măng, vài mươi năm sau đá nung xi măng sẽ hết sạch sành sanh. Lúc đó mọi người đã xây xong nhà ngói, đá cũng vừa hết hòn lèn không còn nữa ta có thêm mấy trăm mẫu đất để sản xuất góp phần đắc lực vào công cuộc xoá nghèo nàn lạc hậu…”   
“Đồng ruộng ta phẳng lì thẳng cánh cò bay. Cày bừa cuốc xẻng chồng lại một đống mà đốt, ta dùng toàn máy cày, máy bừa, máy cấy, ta dùng toàn máy móc hiện đại. Các ông không phải cầm cái cày đi theo con trâu, các bà không phải cúi gập lưng cắm mặt xuống bùn. Khắp cả cánh đồng máy chạy như cua bò …”   
Vừa hưng phấn vừa vội vàng, đồng chí bí thư nói một mạch, rồi “báo cáo với đồng bào’’ đi dự cuộc họp khác. Dư âm của bài diễn thuyết đầy lạc quan còn níu bà con lại bàn tán:   
“Úp mặt mãi xuống đất đã có lúc ngẩng mặt lên trời”.   
“Tôi mong nhà nước xây dựng nhà máy xi măng càng sớm càng hay để tôi xây lại nhà, thoát khỏi cái nhà tranh cứ hơi mưa là dột ướt hết cả giường chiếu”.   
“Bà Hoe nhà tôi mà đi nghe ông bí thư nói hôm nay thì sướng lắm, thương bà ấy quanh năm mặc áo rách lội bùn”.   
“Ôi trời ơi mẹ đĩ nhà tôi mà được ngồi lên máy cày máy bừa thì oai phong lẫm liệt như bà Trưng cưỡi voi ra trận”.   
“A! Chú Hiền đến rồi im tiếng thế? Chú Hiền đánh giặc xong về quê lúc này là đúng lúc. Hồi trước chú cưỡi ngựa bây giờ chú lại cươĩ máy cày, lúc nào chú cũng sướng”.   
“Chú Hiền đâu rồi. Im tiếng thế. Chú làm thông tin thì chú phải nói cho bà con biết mọi việc để bà con còn phấn khởi”.   
Anh Hiền đang cuộn điếu thuốc lá ngồi dựa cột:   
“Có tôi đây. Thưa thật với bà con là tôi làm thông tin tôi không dám nói như đồng chí bí thư Đảng ủy”.   
“Tại sao?”   
“Tại sao thế?”   
“Chú nói cho bọn tôi nghe. Chú đi nhiều, hiểu biết nhiều, chú phải nói cho bà con nghe chứ”.   
Anh Hiền ngừng tay cuộn thuốc lá, nói chậm rãi:   
“Đồng chí bí thư nói Pháp muốn ủng hộ ta mười lăm tỷ đô la tôi không tin. Nói một tỷ đô la tôi có thể tin được, tạm tin được… Đồng chí bí thư nói Cu Ba xung phong làm cho ta một con đường ngầm từ Hà Nội vào Vĩnh Linh cho ô tô xe tăng tàu hoả chạy tôi cũng không tin. Liên Xô giành chính quyền hơn bốn chục năm rồi mà cũng chỉ làm được đường ngầm cho tàu điện chạy loanh quanh trong Mạc Tư Khoa… Đồng chí bí thư nói vài chục năm nữa phá sạch lèn Hai Vai để lấy đất canh tác tôi cũng không tin. Phần nổi của lèn Hai Vai nếu phá hết thì phần chìm của nó phải đến hàng mấy chục đời may ra mới lấy hết đá…”   
“Có khi chú Hiền nói đúng”.   
“Chú cứ nói nữa đi.”   
“Chú nói tiếp đi, chú hiểu biết nhiều hơn. Bà con làng ta chỉ loanh quanh ra đồng rồi vô bếp.”   
Anh Hiền rít một hơi thuốc lá, dụi mẩu thuốc xuống đất:   
“Thôi… tôi xin nói thế là đủ rồi. Lần trước họp trên xã tôi chỉ nói trái ý ông chủ tịch huyện một câu bị ông ấy ốp cho một trận trước mặt mọi người… Tôi chỉ sợ là các ông cấp trên tếu quá đáng chứ không phải là lạc quan cách mạng.”   
Những sự va chạm giữa anh Hiền với cấp lãnh dạo cứ lặp đi lặp lại tuy chẳng có lần nào anh to tiếng. Thậm chí hễ thấy cấp trên hơi nóng mặt là anh im lặng rút lui nhưng cũng không khỏi làm cho cấp trên khó chịu.   
Chiều hôm ấy đi tát nước về Bá gặp anh Hiền “nhờ chú viết cho mấy khẩu hiệu thật đẹp ở bảng tin cổng xóm Nam, xóm Tây, xóm Bắc. Lần này không viết tin mà viết ba câu khẩu hiệu thật to”. Anh hí hửng viết bằng son đỏ nắn nót từng nét chữ đến nhập nhoạng tối thì xong. Ba tấm bảng quét vôi trắng toát nổi bật màu son đỏ ba câu khẩu hiệu: “Cương quyết tấn công vào nghèo nàn lạc hậu.”   
Sáng hôm sau bà con ra đồng làm việc đến dừng lại trước tấm bảng. Nhưng rất buồn cười, đứa nào nghịch ngợm sửa lại câu khẩu hiệu ở cổng xóm Bắc: “Cương quyết tấn công vào ngoèn nàn lạc hậu”. Bí thư chi bộ biết tin này lập tức bắt tổ thông tin quét vôi xoá trắng hoàn toàn. Và ngay tối hôm đó tổ thông tin họp có bí thư chi bộ dự, kiểm điểm gay gắt anh Hiền. Bá nói: “ Chiều qua tôi đã thấy chú Hiền viết nghèo nàn lạc hậu. Chắc là có đứa nào đó nó nghịch dùng bút son sửa lại”. Những tổ viên khác cũng có ý kiến tương tự như Bá, nhưng bí thư chi bộ cứ gò vào buộc anh Hiền phải nhận là “ý thức trách nhiệm kém”, “có ý xỏ xiên đồng chí bí thư huyện uỷ xã”, “có ý đồ gì đằng sau”. Anh Hiền không chịu nhận…   
Mấy ngày sau Bá được Đảng uỷ gọi lên và bảo “Từ nay không để đồng chí Hiền hoạt động trong tổ thông tin nữa”. Bá nói lại: “Đảng uỷ không cho chú Hiền làm thông tin nữa là quyền của Đảng uỷ, tôi chẳng thấy chú Hiền sai gì cả. Tôi phân công việc gì làm chú cũng làm đầy đủ, còn câu khẩu hiệu viết ngoèn nàn lạc hậu là do đứa nào đùa nghịch chứ không phải chú Hiền xỏ xiên hoặc có ý đồ gì đằng sau, cũng chẳng phải âm mưu địch xúi giục chú Hiền như có người quy kết”. Bá vắt áo lên vai phăm phăm ra về.   
Tưởng là “dứt bỏ đường công danh”, vui thú điền viên tham gia việc làng việc xóm cho vui, đến bây giờ anh mới nhận thức ra rằng việc làng việc xóm cũng là việc xã hội, mà làm “việc xã hội” là thế nào cũng bị va chạm, xô xát. Anh hoàn toàn giành thì giờ lo việc gia đình nhưng vẫn bị Đảng uỷ để ý, cho là “phần tử bất mãn”, là “cố ý chống đối”… Thì ra cái “cọng rêu dưới đáy ao” mà anh tưởng là “yên thân” như các nhà nho ngày trước, có ngờ đâu cái cọng rêu ấy trong thời buổi này cũng phải đối mặt với mọi biến động của xã hội.

**Võ Văn Trực**

Cọng Rêu Dưới Đáy Ao

**Chương X**

Bị khai trừ Đảng

     Bỗng nhiên một chuyện buồn xảy ra. Anh Hiền ăn nằm với cô gái trong làng có chửa. Cha tôi buồn lắm, mẹ tôi buồn lắm, cả nhà tôi buồn rũ rượi. Chị cả lấy chồng ở làng bên nghe tin cũng chạy về ngồi tựa cột nhà ôm mặt khóc, anh em họ hàng buồn bực trách móc anh đã bôi xấu lên gia phong của chi họ này - một chi họ có cụ Vũ Quang Cư cùng dự kỳ thi với cụ Phan Bội Châu năm Giáp Thìn. Cụ Phan Bội Châu đậu giải nguyên, cụ Võ Quang Cư được xếp thứ tư.   
Người buồn phiền nhất là chị Hiền. Hạnh phúc vợ chồng, hạnh phúc gia đình chưa được bao lâu thì đã gặp điều bất hạnh này. Chị thui thủi một mình không muốn gặp ai, ra đồng tát nước trồng khoai chị tránh mặt bà con. Tối về cơm nước xong, cho lợn ăn, chị ngồi xo ro trong bếp khóc thút thít, cả đêm chị ngồi đến gần sáng rồi nằm ngủ ngay trên ổ rạ góc bếp. Chị không hề hé miệng nói nặng với anh một câu nào, và suốt thời gian dài chị im lặng nín nhịn nuốt nước mắt vào lòng.   
Trong gia đình, gia tộc thì buồn thảm như vậy. Ngoài xã hội không khí căng thẳng, từ đầu làng đến cuối xóm người ta bàn tán đồn kháo và một đôi người nói những lời mỉa mai độc ác: “ông Hiền cưỡi ngựa chán bây giờ cưỡi người”, “ông Hiền phi ngựa giỏi mà phi người cũng giỏi”.   
Chi bộ họp liên miên suốt mấy đêm để kiểm điểm anh. Một số Đảng viên phê phán và quy kết anh một cách nặng nề: nào là mất phẩm chất quân nhân, nào là làm hại đến uy tín của Đảng, nào là tự đánh mất lập trường giai cấp vô sản để choàng lên giai cấp tư sản… Đảng uỷ họp quyết định khai trừ anh ra khỏi Đảng, suốt thời gian ấy trong tất cả các cuộc họp anh không hề nói một câu nào, có người xỉ vả anh như tát nước vào mặt anh vẫn ngồi im. Anh im lặng nhận kỷ luật, không hề tỏ thái độ phản ứng.   
Trong hàng ngũ huyện uỷ và Đảng uỷ có người lâu nay xem anh như cái gai mà chưa nhổ bật ra được thì đây là một dịp may hiếm có để nhổ cái gai “bướng bỉnh” và “coi thường cấp trên”, “để xem lão Hiền này lắm lý lẽ kiện cáo ra sao”. Có đồng chí nghĩ vậy và chuẩn bị sẵn mọi phương án để đối phó với việc anh Hiền kiện, nhưng rồi chờ mãi chẳng thấy anh Hiền kiện cáo gì cả. “Ông Hiền đi kháng chiến chín năm làm hết cấp chỉ huy này đến cấp chỉ huy khác, giải ngũ về làng xem như đổ nước xuống sông. Đổ nươc rồi còn một chút cặn là Đảng viên, bây giờ ông cũng dốc ngược bình đổ nốt.” Đi họp chi bộ, họp xóm họp làng, làm đồng, người ta đều bàn tán về anh như một đề tài thời sự nóng hổi.   
Con đường tham gia công tác xã hội của anh xuống từng nấc thang: sĩ quan quân đội, cải cách ruộng đất, cán bộ thông tin xóm, Đảng viên trơn… và cuối cùng là phó thường dân! Anh vẫn lao động bình thường. Cày bừa, gặt hái làm vườn, tu sửa cửa nhà, nhưng anh ít nói hơn trước. Chỉ khi nào có khách khứa vào chơi anh mới nói dăm ba câu. Nếu có hai người khách nói chuyện với nhau thì anh không nói gì cả.   
Về kỷ luật Đảng thì anh là người đầu tiên bị kỷ luật nặng nhất cho nên anh trở thành mục tiêu của mọi lời đàm tiếu. Anh cũng cảm thấy mình bị cô lập với án kỷ luật này. Nhưng rồi, bốn án kỷ luật tương tự khác xảy ra: ông Hoe Tại và o cu Tính và ả Định đều bị khai trừ Đảng.   
O cu Tính sinh được một đứa con thì chồng chết. Lúc đó o mới hai mươi tuổi. O cắn răng ở vậy nuôi con, biết phận mình là người đàn bà goá chồng, o không hề sàm sỡ với người đàn ông nào. Nếu có anh chàng nào tỏ ý lả lơi chòng ghẹo o im lặng lảng tránh. Mấy bà hàng xóm kể lắm chuyện đáng khâm phục và đáng thương về o. Có đêm cơn thèm khát nhục dục bốc lên rừng rực o đổ thóc xay đến bã mồ hôi rồi nằm vật ra, nhưng làm gì có thóc để đêm nào cũng đổ ra xay, o bèn nghĩ ra một việc gì đó cho cơ thể bã bời. Có đêm o gánh đá từ ngoài cổng vào vườn, rồi lại gánh từ vườn ra cổng… cứ gánh ra gánh vào hàng chục lần cho đến lúc cơ bắp mệt nhoài. Có đêm o lội xuống ao để vớt bèo và ngâm mình trong nước hàng tiếng đồng hồ… Một hôm o làm cỏ khoai ở ngoài cánh đồng cống, vắng người, ông hàng chài dưới bến sông Bùng bước lên lân la gợi tình rồi ôm chặt lấy mông o, cái cu của ông cứng như cái chày nóng hổi áp sát vào mông. O bỏ chạy thục mạng như bị ma đuổi vậy mà cái buổi chiều lạnh lẽo ấy o nhờ ông Hoe Tại láng giềng sang bắt con lợn xổng chuồng mà sinh ra chuyện rầy rà. Ông Hoe Tại đang làm vườn thì nghe o gọi: “Nhờ ông sang bắt con lợn xổng cho tôi! Vốn liếng cả nhà chỉ có con lợn mà để xổng mất thì tôi trắng tay”. Ông Hoe Tại chạy sang đứng giữa sân không thấy người, không thấy lợn. Nghe tiếng o từ trong nhà vọng ra “lợn nó chạy vào đây rồi”, ông liền chạy vào thì ôi cha cha, o cu Tính đã nằm ngửa trên giường tuốt váy lên phơi “đồ lề” ra giữa thanh thiên bạch nhật! O là người lao động khoẻ mạnh, da đen. Sự kìm nén nhục dục của o đã quá mức, không tài nào chịu được nữa đành liều! Cau phơi tái, gái đoạn sung. Đối với o, thời gian đoạn sung đã gấp hai lần. Lửa tình rừng rực, o kéo ông Hoe Tại nằm xuống cái giường ọp ẹp… Mấy tháng sau o buộc chặt khăn thắt lưng. Nhưng cái khăn lưng càng ngày càng phải nới lỏng nút… Và chi bộ họp, o cu Tính và ông Hoe Tại nhận án kỷ luật bị khai trừ vĩnh viễn.   
Ả Định mới hai mươi hai tuổi đã có ba đứa con, nhưng trông còn son lắm. Da trắng, má lúc nào cũng ửng hồng, ngực phây phây như cái thúng. Anh mất, ả nghĩ mình là người của Đoàn thể nên rất giữ gìn. Hơn nữa, gia đình ả có công với cách mạng từ lâu. Bác Hoe Chu, bố chồng, tham gia Thanh niên cách mạng đồng chí hội từ năm 1927. Chồng của ả vào Đảng từ khi còn bóng tối. Về làm dâu, ả được bố chồng và chồng giác ngộ, cũng trở thành đảng viên… Không may giữa đường đứt gánh tương tư. Giữ nếp nhà, ả mặc áo sổ gấu, đội nón không vành. Nhưng sức lực càng ngày càng căng ra, ả xả hơi vào những trò đùa nghịch ngợm tục tĩu khiến các cô gái thẹn đỏ mặt. Dân làng đang đắp bờ đào ao, ả lấy đất bùn đắp hình cái âm hộ, nhổ nước trầu vào, rồi ả vắt đất thành hình cái dương vật thọc lên thọc xuống. Ả vừa cầm nắm đất làm động tác giao hợp vừa cười ngả ngớn, rồi ôm ông này ông kia. Những người lớn tuổi cười vỡ bụng, còn bọn con gái thì bỏ chạy… Tuy thế, ả vẫn tránh tất cả các trường hợp đàn ông cợt nhả khi gặp riêng trên đường làng… Rồi đến một hôm, trong cuộc họp, anh Cu Kình liếc mắt nhìn ả, ả quay mặt đi. Cứ quay mặt mãi cũng không tránh được cái vòng vây tình ái của anh Cu Kình. Đôi má của ả càng ngày càng đỏ au như con gái dậy thì khiến anh mê như điếu đổ. Anh đón gặp ả trên đường làng, gặp ngoài đồng, gặp ban ngày, gặp ban đêm. Rồi hai người hò hẹn nhau. Lửa gần rơm lâu ngày cũng bén. Và ả có thai sau bảy năm giữ gìn.   
Đảng uỷ triệu tập ả lên trụ sở. Dẫu đã biết sự việc xảy ra như thế nào, đồng chí bí thư vẫn cật vấn cặn kẽ:   
“Đồng chí quan hệ bất chính với ai?”   
“Với anh Cu Kình”.   
“Tại sao đồng chí là đảng viên mà cũng quan hệ bất chính?”   
“Vì tôi… tôi… Anh Cu Kình tìm mọi cách gặp tôi…”   
“Đồng chí nói như thế là chưa thành khẩn. Anh Cu Kình tìm mọi cách gặp, đồng chí không cho gặp thì thôi. Khi gặp như thế, đồng chí có nhớ cha chồng là người của Đảng, chồng cũng là người của Đảng?”   
“Có nhớ…”   
“Có nhớ sao đồng chí lại làm chuyện tình ái bất chính?”   
“....”   
“Đồng chí quan hệ bất chính với anh Cu Kình trong trường hợp nào?”   
“Lúc nửa đêm, anh Cu Kình vào nhà tôi”.   
“Thế các con của đồng chí không biết à?”   
“Ba cháu đã ngủ say…”   
“Ngủ say thì cái giường cọt kẹt, chẳng lẽ các cháu lại không biết…”   
“Nằm dưới đất…”   
Đồng chí bí thư hỏi chi li quá làm cho ả nhớ lại cái đêm ân ái hôm ấy. Sau khi anh Cu Kình nằm úp sấp lên bụng, ả chắt lưỡi, rồi đành liều đem cái “phẩm chất đảng viên ấy” đổi lấy cái phút khoái cảm nhục dục mà ả kìm nén suốt bảy năm trời… Ả chớp mắt, hơi nghiêng người, vòm ngực khẽ rung rinh. Đồng chí bí thư nuốt nước bọt, hai chân duỗi ra cho thoải mái bỗng chân phải bắt chéo lên đùi chân trái và hai cái đùi kẹp chặt vào nhau.   
Khi nêu vấn đề khai trừ ả Định, có người gợi ý “chiếu cố quá trình tham gia cách mạng của gia đình”. Nhưng đồng chí bí thư diễn giải một cách kiên quyết: “Tội quan hệ tình ái bất chính là tội rất nặng. Hơn lúc nào hết, trong hoàn cảnh hoà bình, xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay, Đảng ta phải thật trong sạch. Đảng viên đi trước làng nước theo sau. Đảng viên chửa hoang để quần chúng theo sau chửa hoang cả lũ à… Người nào còn bao che cho cái tội quan hệ tình ái bất chính của anh Cu Kình và đồng chí Định tức là a dua theo cái xấu…”   
\*   
Tâm trạng của những người đàn bà goá ấy không khổ vì bị khai trừ Đảng mà cảm thấy vô cùng xấu hổ vì thái độ khinh ghét của dân làng.   
Càng ngày họ càng có nhiều “bạn đồng minh”. Cả một lớp đảng viên đầy nhiệt huyết trong kháng chiến chống Pháp dần dần vắng mặt trong các cuộc họp chi bộ. Họ chờ đợi những điều lạc quan mà chủ tịch huyện và bí thư đảng uỷ nói đã từ lâu mà chẳng thấy đến. Đời sống khốn khó cứ kéo dài triền miên năm này qua năm khác. Làng Hậu Luật là một làng có phong trào cách mạng từ thời Thanh niên cách mạng đồng chí hội, rồi khởi nghĩa tháng Tám cũng đựơc bác Chắt Kế tổ chức từ làng này đi cắm cờ sang khắp các làng nam Diễn Châu. Thế mà đến giờ vẫn đói. Chi bộ Đảng họp liên miên mà chẳng thấy lo thêm được chút nào.   
Một số cặp vợ chồng, vợ là đảng viên, chồng phấn đấu mãi vẫn không được kết nạp chỉ vì cái tội “bướng bỉnh”. Đến nay, mỗi lần chi bộ họp thì bà vợ “xin cáo vì đang chạy gạo cho con”.   
Vợ chồng bác Hoe, chồng là cán bộ xã chạy long tong suốt ngày suốt đêm. Ngày nào không phải họp hành gì thì vác cày ra đồng, chiều về lại sấp ngửa chạy công tác này công tác nọ. Bác say mê lo việc xã một cách chân thành, thường về nhà ăn cơm tối lúc mọi người đã đi ngủ. Bác gái bực mình, càu nhàu. Một hôm, như thường lệ, bác Hoe bước vào nhà rồi xuống bếp tự lấy bát đũa xới cơm ăn; nhưng khi mở vung ra thì chẳng thấy hột cơm nào mà thấy toàn giấy vụn. Bác ngạc nhiên, soi đèn. Hoá ra bác gái đã xé nát tất cả bằng khen giấy khen cho vào nồi! Bác đành thở dài, nuốt giận, xoa xoa hai bàn chân, lên giường nằm chèo khoeo… Lăn lóc việc làng việc xã đến vậy, thế mà bác Hoe cũng ngán ngẩm cái cảnh “ăn cơm nhà vác tù và hàng tổng”, rút lui mọi chức vụ.   
Chú Duận là em một gia đình cố nông. Cha chú tên là Cu Lùng. Hồi trước cách mạng, có nói một câu gì đó chạm đến cụ Hàn, bị lý trưởng nọc cổ giữa sân đình đánh chảy máu. Sau khi cướp chính quyền, chú thuộc diện bồi dưỡng cấp tốc để vào Đảng. Vợ chú cũng là đảng viên, con nhà cố nông. Cả làng nhìn vợ chồng chú với con mắt kính trọng: “Chẳng ai đựơc sung sướng như chú, vợ chồng đều là người của Đảng”. Năm năm sau, mười năm sau, mười lăm năm sau, vợ chú vẫn theo dấu chân của bà cụ lên Phủ Quỳ kiếm sống và tự rời hàng ngũ đảng lúc nào chẳng ai biết .Chú Duận đi bộ đội chống Pháp, rồi làm cán bộ trong Vinh. Lúc về hưu không chịu lấy giấy chuyển sinh hoạt về địa phương.   
Người ta sẵn sàng hy sinh quyền lợi cá nhân để phục vụ lợi ích của đảng khi Tổ quốc lâm nguy. Nhưng người ta không thể kéo lê thê việc hy sinh nguồn lợi cá nhân trong suốt những năm tháng Tổ quốc hoà bình. Điều lý giải thật là đơn giản. Thế mà mấy lần họp Đảng uỷ, họp chi bộ, đồng chí bí thư cứ phát ra những câu kết luận nặng nề: “ý chí phấn đấu của nhiều đảng viên đã giảm sút một cách nghiêm trọng. Lý tưởng Đảng đã bắt đầu mờ nhạt trong một số đồng chí”.   
\*   
Từ khi anh Hiền ra khỏi tổ thông tin và bị khai trừ Đảng, bà con làng xóm đến chơi nhiều hơn. Hình như họ cảm thấy mủi lòng thương hại. Lúc anh Hiền đi vắng, họ pha trà uống và bàn tán với nhau:   
“Chú Hiền mà không giải ngũ thì bây giờ làm cấp chỉ huy to”.   
“Có khi được phong tướng rồi”.   
“Tướng thì chưa biết, chứ đại tá là cái chắc”.   
“Giả dụ chú cứ ra khỏi quân đội, đi học đại học nông nghiệp thì bây giờ đã làm kỹ sư, oách ra phết”.   
Bá đến chơi nhiều nhất. Thường sau bữa cơm tối, Bá rủ vài đứa bạn đến ngồi tán chuyện gẫu cho tới tận khuya. Khi có dăm ba người nói chuyện với nhau thì anh Hiền ngồi im, chỉ đệm vào đôi câu cần thiết. Nghe người khác trò chuyện anh cũng cảm thấy khuây khoả. Anh có thể ngồi nghe như vậy đến vài ba tiếng đồng hồ.   
Có mấy lần Bá nhờ anh viết khẩu hiệu. Nhưng anh từ chối: “Nhỡ may đứa nào nghịch ngợm sửa chữ nghèo nàn thành ngoèn nàn thì họ lại truy tôi”. Bá thật thà nói lại: “Không, tôi nhờ chú viết câu khác, không viết câu “Cương quyết tấn công vào nghèo nàn lạc hậu”. Thấy Bá hồn nhiên quá, anh mỉm cười: “Cái đứa đã nghịch thì câu khác nó cũng chữa được. Với lại, dạo này câu khẩu hiệu nào mà chẳng có chữ “tấn công vào nghèo nàn lạc hậu”. Nào là kẻ thù số một của chúng ta bây giờ là nghèo nàn lạc hậu. Nào là đảng viên đi trước làng nước theo sau, thanh niên dẫn đầu, cán bộ gương mẫu, tiến quân tiêu diệt tận gốc nghèo nàn lạc hậu…” Bá cũng cười theo: “Chú nói có lý. Lúc nào cũng ra rả nói chống nghèo nàn lạc hậu mà gạo không đủ ăn…”

**Võ Văn Trực**

Cọng Rêu Dưới Đáy Ao

**Chương XI**

Mở lớp dạy học

Đang kỳ nghỉ hè, mấy đứa trẻ thường sang chơi xem anh Hiền trồng cây, tô sửa hòn non bộ và xem anh vẽ tranh. Dạo này anh có thêm một thú vui là vẽ những bức tranh về cảnh làng xóm. Nội dung tranh do anh nhớ lại những cảnh sầm uất đã bị chính bàn tay anh cùng bạn bè thanh niên tàn phá ngay sau ngày cướp chính quyền: cây đa xóm Bấc toả tán xanh um tùm lên mấy sào đất, cây đa xóm Trung có tuổi thọ năm trăm năm bủa rễ phụ chằng chịt trên một gò đất cao, đền thờ Bạch Y thần ẩn dưới gốc cây muỗm vươn ngọn lên trời xanh, nhà Thánh của Hội Tư văn với pho tượng Khổng Tử uy nghi trong hương khói… Anh vừa vẽ vừa giảng giải cho bọn trẻ biết lai lịch của từng cây cổ thụ, từng ngôi đền ngôi miếu. Thỉnh thoảng vui miệng anh lại nói một câu tiếng Pháp. Chúng nó đua nhau hỏi: “Bác Hiền vừa nói gì mà nghe hay thế?” Anh giảng cho các cháu nghe. Chúng lại bắt anh nói câu khác…   
Từ một sự tình cờ như thế,anh nẩy ra ý định mở lớp học ngay tai nhà mình.Học trò là lũ trẻ lên chín lên mười. Đang kỳ nghỉ hè thì dạy mỗi ngày vài tiếng vào buổi sáng. Khi vào niên học thì chuyển giờ dạy vào ban chiều sau lúc trống trường tan học.   
Trước đây trong làng đã có những lớp học chữ Nho do các thầy đồ dạy. Thầy Cu Xí dạy rất nghiêm khắc, lúc nào cũng cầm roi mây trong tay, hễ đứa nào nghịch thầy bắt nằm xuống đất, quất cho mấy roi. Thầy Tú Ba có phong thái rất nho nhã, không bao giờ thầy to tiếng quát mắng, học trò ngồi im phăng phắc. Ngay bên cạnh nhà tôi, bác Bộ Nga cũng thường xuyên mở lớp, ngoài giờ học lũ học trò đùa nghịch làm cả xóm vui lây… Anh Hiền muốn làm một “thầy đồ tân thơì”: cái nghề này thanh bạch nhất, dạy chữ và dạy đạo nghĩa cho trẻ em, chẳng phải mệt óc đua chen với ai.   
Anh chí thú chuẩn bị chu đáo cho việc mở lớp. Đem bộ phản anh thường nằm hàng ngày kê thành hai dãy bàn. Anh tìm gỗ và tự tay đóng hai cái ghế dài. Bàn ghế xếp ngay ngắn. Phía trước có tấm bảng đen và viết nắn nót một câu “Tiên học lễ hậu học văn”. Hộp phấn để dưới chân bảng. Trên bàn thầy giáo có một lọ mực tím và một lọ mực đỏ… Sắp đặt xong xuôi, anh đứng ngắm nghía, rồi chỉnh đốn lại: xích cái bảng sang bên phải một chút, kéo hai tấm phản xa nhau để đứa ngồi sau không cốp-pi đựơc bài của đứa ngồi trước. Anh còn tưởng tượng vẽ hình ông Khổng Tử treo trên câu “Tiên học lễ hậu học văn”. Trên ảnh Khổng Tử, anh treo ảnh Bác Hồ.   
Một số gia đình biết anh mở lớp dạy học, hào hứng mua sắm bút vở cho con. “Bác Hiền trước kia có một chút Tây học, lại có một ít Nho học do thầy Bộ Nga truyền thụ, am hiểu cả quốc ngữ, con theo bác học hành là phải”, các bậc cha mẹ bảo với con như vậy.   
Ngày khai giảng có bốn đứa đến lớp. Dần dần số lưọng học sinh tăng lên năm rồi lên sáu. Các môn học gồm có: toán, văn, tiếng Pháp. Giữa hai tiết học có giờ ra chơi. Đang chơi anh nói “ăng-tờ-rê” là học trò chạy vào bàn ngồi. Anh dùng thước gõ ba tiếng trên bàn, học trò ngồi nghiêm chỉnh để nghe thầy giảng bài. Chúng thú vị nhất là giờ học tiếng Pháp. Tiếng Pháp nghe nó là lạ ngồ ngộ, biết ti toe dăm ba tiếng có thể ra đường trêu chọc nhau thậm trí nói tục bằng tiếng Pháp mà không ai biết. Đang giờ học toán hoặc học văn, học trò nói thầy dạy tiếng Pháp, thầy giáo nghiêm khắc: “Không đựơc! Giờ nào môn ấy!”   
Hồi đầu kháng chiến chống Pháp, ở trường Nguyễn Xuân Ôn và các trường tư thục, các thầy có dạy tiếng Pháp. Sau đó vài năm, chỉ thị của cấp trên ban xuống: cấm dạy tiếng Pháp trong các trường quốc lập và tư thục. Thế là bẵng đi hằng chục năm, môn Pháp văn bị loại bỏ ra khỏi chương trình phổ thông. Các thầy giáo theo Tây học ngày trước cũng không nói chuyện với nhau bằng tiếng Pháp như ngày trước nữa… Cho đến lúc đó, tại trường học chính quy vẫn chưa dạy lại môn Pháp văn. Thế mà anh Hiền lại dạy cho mấy đứa nhỏ trong cái xóm hẻo lánh này học tiếng Pháp. Nghe lạ tai, bà con láng giềng lúc rỗi rãi thường đứng ngoài sân nghe thầy Hiền và lũ nhóc xì xồ tiếng Tàu tiếng Tây…   
\*   
Lớp học đang đi vào nề nếp, hơn một tháng sau, bác Nong đến chơi, ngập ngừng mãi bác mới nói thật với anh Hiền:   
“Cháu Tường nó học với chú thích lắm. Tối nào nó cũng chăm chú làm bài, hết toán lại văn, hết văn lại tiếng Pháp… Giá cháu nó học với chú lâu dài thì nó chóng giỏi. Nhưng chú thông cảm cho, nhà tôi nghèo quá không có gạo để theo…”   
“Không! Tôi đã nói chuyện các cháu nộp gạo nộp tiền gì đâu. Mà tôi cũng không có ý định bắt các cháu nộp. Hay là cháu nói dối cha mẹ để lấy tiền mua quà”.   
“Cháu nó không nói dối. Tôi biết chú thương các cháu mà mở lớp học, chứ chú cũng không đòi hỏi gì tiền gạo cho thầy. Nhưng về phía cha mẹ thì cũng phải nghĩ đến thầy chứ, chẳng lẽ công thầy dạy giỗ mà không có lễ cho thầy, tôi không nỡ”.   
“Bác đừng lo! Cứ cho cháu sang đây học cho vui. Bác đừng nghĩ đến quà cáp, lễ lạt, mất tình anh em. Thấy các cháu chăm học là tôi mừng…”   
Hôm sau không thấy cháu Tường sang học nữa. Rồi hôm sau, lại thêm một cháu bỏ học. Lớp học từ sáu cháu, còn lại bốn, rồi còn lại ba… Anh Hiền vẫn dạy. Nhưng không khí lớp học trở lên đuểnh đoảng. Bá lên chơi, thông báo cho anh Hiền biết: “Ông Nong là công an xã. Ông ấy thấy chú dạy tiếng Tây nên không cho thằng Tường đi học nữa”. “À, ra thế…”, anh Hiền thở dài.   
Không có một cuộc họp chính thức nào của các ông lãnh đạo xã và thôn cấm chỉ anh Hiền dạy tiếng Pháp hoặc cấm mở lớp dạy học. Nhưng người ta xì xào bàn tán rất nhiều về lớp học của anh. Sao thằng Pháp cai trị ta tám mươi năm, bây giờ lại dạy tiếng của nó? Sao ông Hiền đi đánh Pháp chín năm, bây giờ thắng nó rồi, lại đem tiếng của nó ra mà dạy? Ông Hiền dạy tiếng Pháp làm gì nhỉ, đào tạo bồi cho tây à? Đào tạo thông ngôn cho Tây à?…   
Người ta còn suy diễn ra lắm thứ lôi thôi. Sao ông Hiền lại treo trong lớp học một câu cổ hủ “Tiên học lễ hậu học văn”? Không những thế, ông ta còn treo ảnh ông Khổng Tử dưới ảnh Bác Hồ, phải treo ảnh các đồng chí Phạm Văn Đồng, Trường Chinh, Tôn Đức Thắng, Võ Nguyên Giáp… Treo ảnh cái thằng cha Khổng tử phong kiến cổ hủ ấy để bọn trẻ con học theo cái đạo phong kiến của hắn à?…   
Thật ra khi anh Hiền treo ảnh Khổng Tử không phải vì tôn sùng ông ta, anh có biết gì mấy về triết học đạo Khổng đâu. Khi viết mấy câu “Tiên học lễ hậu học văn” lên bảng, anh chưa hiểu đầy đủ nội dung giáo dục của nó. Chẳng qua anh muốn lớp học phải thật nghiêm túc như lớp học của các thầy đồ nho ngày xưa. Bản thân anh cũng muốn tự tạo cho mình phong độ một thầy đồ - dù là “thầy đồ tân thời”. Khốn nỗi, điều suy nghĩ của anh không hợp thời nữa, nên đã gây ra hiểu lầm đối với một số đảng viên,nhất là những đảng viên giữ vai trò lãnh đạo trong xã.   
Cả sáu học trò lần lượt bỏ học. Gian nhà trở lại hai tấm phản với hai chiếc ghế dài, ảnh ông Khổng Tử với câu “Tiên học lễ hậu học văn”, và một… thầy đồ tân thời mặt buồn rười rượi.   
Anh lục cục dọn dẹp lại nhà cửa. Hạ ảnh ông Khổng Tử, vò nát, vứt ra sân. Đem tấm bảng đen chắn chuồng lợn. Ghép lại hai tấm phản liền nhau, anh nằm tùm hum, tay chống cằm, tẩn mẩn xem những bức ảnh chụp với đồng đội hồi còn tại ngũ…

**Võ Văn Trực**

Cọng Rêu Dưới Đáy Ao

**Chương XII**

Mở hiệu thuốc bắc

Thua keo này anh lại bày keo khác. Mở lớp dạy học bị thất bại, anh lại nghĩ cách mở hiệu thuốc bắc.   
Chẳng lẽ sau chín năm chinh chiến, rời quân ngũ trở về quê lại không giúp ích gì cho gia đình? Ý định tham gia việc làng việc xóm giống như các viên chức trước đây hồi hưu, anh hoàn toàn từ bỏ! Thời buổi này khó khăn hơn.   
Mới làm một việc lăng nhăng là kẻ khẩu hiệu ở cổng xóm mà đã bị người này đâm ngang người kia đâm dọc. Không thể tìm ra một việc nào khác để làm cho yên thân thì các ông lãnh đạo định kiến về anh là “ phần tử bất mãn”, là một “đảng viên thoái hoá”, là một “quân nhân mất lập trường giai cấp”… Ông trưởng ban bình dân học vụ mời anh dạy một lớp. Anh lắc đầu từ chối. Ông gặp anh lần thứ hai, anh cũng lắc đầu từ chối. Ông nằn nì:   
“Đây là ý kiến của bà con học viên, chứ không phải ý kiến của riêng tôi. Học viên cứ giục tôi mời chú dạy.Chú nhận lời cho bà con vừa lòng”.   
“Nói thực lòng với bác là tôi muốn đem khả năng hèn mọn của mình đóng góp cho làng cho xã. Nhưng tôi thấy khó lắm. Vừa rồi tôi mở lớp dạy học trong nhà, các cháu đang hào hứng học thì người ta lại moi móc những điều tôi không ngờ tới. Cha mẹ không cho các cháu học với tôi nữa”.   
“À, cái việc đó… là lớp dạy riêng của chú. Với lại chú treo ảnh Khổng Tử cho nên người ta nghi ngờ. Còn đây là lớp bình dân của thôn, trong lớp học chỉ có treo ảnh của Bác Hồ. Chú chỉ việc đến dạy chữ thôi mà. Chú đừng lo”.   
“Nói thực tình với bác là tôi sợ lắm. Khi người ta đã thành kiến với tôi thì dù tôi làm việc gì ngay thẳng đến đâu người ta cũng bẻ cong được…”   
Anh hứng thú nghĩ ra việc mở hiệu thuốc bắc cho cha tôi vừa kê đơn vừa bốc thuốc. Việc làm này không những không động chạm đến ai, mà lại còn mang phúc đến cho thiên hạ. Anh tự vạch ra ý đồ lâu dài: hàng ngày anh vừa giúp cha làm thuốc vừa học nghề chạy chữa cho con bệnh, tiếp nối nghề cha .   
Đã khá lâu rồi, anh không ngồi nói chuyện lâu với tôi, hôm nay anh vui vẻ pha hai cốc cà phê, gọi tôi đến. Hai anh em ngồi trên tấm phản. Anh cuộn một điếu thuốc lá, châm lửa, rồi chậm rãi nói:   
“Đáng lẽ ngay sau khi phục viên, anh phải giúp cha mở một hiệu thuốc bắc. Bây giờ mới làm cũng chưa muộn. Trước kia, ông nội, rồi cha, làm nghề thầy lang, chỉ vì không có vốn mà quanh năm vác ô đi thăm người bệnh kê đơn, không mở đựơc hiệu thuốc. Ông đã vất vả đời cha cũng vất vả. Nay anh có tiền, sĩ quan phục quân viên được nhà nước cho một số tiền kha khá, đủ vốn để mở hiệu… Em thấy cho hợp lý không?”   
Nghe anh nói, tôi cũng vui lây:   
“Làm được thế thì hay quá. Nhưng anh làm gì có đủ tiền để mở một hiệu thuốc như hiệu thuốc ông Huấn , ông Sứ Lục?”   
“Anh có đủ chứ. Tất nhiên lúc đầu hiệu thuốc không thể đàng hoàng như hiệu thuốc ông Huấn ông Sứ Lục, nhưng sẽ gây dựng dần dần. Có hiệu thuốc, cha chỉ việc ở nhà, người bệnh đến tận nơi, cha thăm bệnh, kê đơn, rồi bốc thuốc luôn”.   
“Làm được thế thì hay quá. Bao giờ thì anh bắt đầu?”   
“Anh sẽ làm ngay trong tháng tới. Tiền có sẵn đây rồi…”   
Anh còn có ý định lâu dài là anh học cho được nghề làm thuốc của ông cha. Anh đã biết ít nhiều chữ Nho. Anh sẽ học thêm để nghiên cứu sách thuốc… Anh tính… sau này em cũng thế. Em có vốn văn hoá nhất định nào đó, em về nhà học nghề làm thuốc, vừa làm phúc cho thiên hạ vừa yên thân…   
“Làm được thế thì hay quá. Cha năm nay đã ngoài sáu mươi, gần hết đời. Suốt mấy chục năm cha chỉ làm một ông lang nghèo. Ông nội cũng thế…”   
Thuở sinh thời, ông tôi thường cắp chiếc ô đi bộ hàng ba, bốn chục cây số lên Đô Lương, vào Nghi Lộc để thăm và kê đơn cho người bệnh. Hễ có người đến mời, xa mấy ông cũng đi. ở vùng quê tôi, có một hiện tượng tâm lý hơi lạ: mỗi thầy lang chỉ ăn khách với một số làng nhất định. Thầy lang Tuệ quê ở Tràng Thân, nhưng người làng Tràng Thân và mấy làng quanh đó không bao giờ mời thầy, trong khi đó làng tôi hễ có ai đau ốm là xuống mời thầy lên thăm. Người làng tôi không hề nhờ ông tôi xem mạch kê đơn, trong khi đó nhiều làng ở Nghi Lộc, Đô Lương lại rất sùng bái ông. Cho lên ông luôn luôn phải đi xa. Thỉnh thoảng anh Hiền và tôi có đi theo ông. Lúc về, gia đình bệnh nhân có biếu ông một thứ gì, anh em tôi lại vác đi theo ông về tới tận nhà: cây cam Xã Đoài, lọ độc bình cổ, gộc cây hình con sư tử…   
Ông tôi qua đời, cha tôi nối nghiệp. Nhưng một thời gian dài, người ta sính dùng thuốc Tây, coi thường đông y. Các thầy lang hầu như thất nghiệp, thầy thuốc tây được trọng vọng. Ở xã tôi, có anh Huỳnh được cử đi học y tá, sau khi học xong, anh hành nghề rất phát đạt. Ai cảm cúm, ai ho gà, ai đau đầu sổ mũi, chỉ cần gặp anh mua mấy viên thuốc đem về uống là khỏi bệnh. Từ đó, người ta “mê tín” anh, mời anh chữa cả những bệnh trọng như thương hàn, cổ trướng… Cha tôi bỏ nghề, chồng sách thuốc do ông để lại cũng tiêu tan hết, chỉ còn dăm ba cuốn để quên trong đáy tráp.   
Loanh quanh thế nào đến bây giờ người ta lại sính dùng thuốc nam thuốc bắc. Các thầy lang lại được “lên ngôi”. Anh Hiền mở hiệu thuốc bắc là rất đúng lúc. Tôi chưa dám nói hết với anh về nỗi sung sướng của tôi, nhưng trong bụng khấp khởi mừng thầm. Nếu hiệu thuốc này phát đạt thì cha tôi đỡ khổ, mà anh Hiền cũng có hướng làm ăn tu chí, đỡ phải va chạm người này người kia, yên phận anh làm “một cọng rêu dưới đáy ao”.   
\*   
Cả tổng Thái Xá chỉ có vài ba hiệu thuốc bắc có uy tín. Ngay tại xóm Chợ Mới, thuộc làng Xuân Viên cạnh làng tôi, hai anh em ông Sứ Lục và ông Huấn cũng mở hiệu. Cụ Hàn Lương vốn quê ở Nam Định vào sinh cơ lập nghiệp ở đây bằng nghề thuốc đến nay đã ba đời. Ông Lương Lục và Lương Huấn là con cháu của cụ, nối nghiệp tiền nhân. Ông Thực làm giáo học, đến cuối đời, cũng trở về nghề thầy lang. Rồi con ông giáo Thực là anh Việt đi dạy học, nhận sổ hưu trí lập tức bắt tay làm thuốc… Như thế dòng họ Lương ít nhất cũng có bốn đời nối nhau làm nghề chữa bệnh cho thiên hạ.Tuy là dân ngụ cư, nhưng đựơc bà con quanh vùng coi trọng. Những người trực tiếp làm thầy lang, ai gặp cũng cúi đầu “chào thầy ạ”. Con của các thầy lang cũng được bà con gọi một cách riêng biệt: con trai thì gọi bằng “cậu”, con gái thì gọi bằng “cô”; chứ không xưng hô sờm sã như với người bản địa: anh Xă, anh Hoe, o Ba, o Tư…   
Trong những người họ Lương làm thuốc, ông Lục là người nối nghiệp cha từ nhỏ cho đến suốt đời, cho nên được mọi người tôn xưng là “Ông Sứ”. Sứ là một vị trong quân, thần, tá, sứ, dùng để điều hoà cho một phương thuốc nào đó. Sứ ở đây cũng bao hàm nghĩa vâng mệnh (trời) để ban phúc cho bàn dân. Ông Lục được tôn kính tới mức không ai gọi “ông Lục” mà gọi là “ông Sứ Lục”.   
Hiệu thuốc của ông mở ngay ở chợ Mới, cạnh trường tiểu học Thái Xá, khách ra vào tấp nập. Lúc rỗi rãi, các thầy lang thường đến chơi bàn bạc với ông về thuốc thang chữa bệnh. Các cụ đồ nho cũng thường lui tới đàm đạo việc đời việc đạo. Công việc chính của ông là bốc thuốc theo đơn chính của thầy lang. Nhưng có một số người bệnh tín nhiệm ông, đến nhờ ông vừa khám vừa bốc thuốc. Gia đình nào quá nghèo, ông cho chịu tiền, thậm chí ông không lấy tiền.   
Có dạo người ta đồn ở hiệu ông Sứ Lục có loại thuốc tiên do ông lão râu tóc bạc phơ mang từ miền núi xuống. Ai ngửi được hương vị của nó cũng cảm thấy người thanh thản. Ai đang có chuyện riêng bối rối gây ra đau đầu, mình mẩy khó chịu, chỉ đến ngồi ở hiệu thuốc của ông một chốc là khỏi. Cho nên nhà ông suốt ngày đêm khách rất đông. Khách ngồi chật trong nhà, ngồi tràn ra sân. Khách vây xung quanh, chỉ còn một khoảng nhỏ trên bộ phản, ông Sứ Lục khom lưng bận rộn bốc thuốc, xắt thuốc, nghiền thuốc.   
Hồi nhỏ, nhiều lần anh Hiền theo ông nội, theo cha ra chơi ở hiệu thuốc ông Sứ Lục, cung cách của ông đã in đậm vào tâm trí anh một vẻ đẹp thanh nhã. Ngôi nhà lá đơn sơ. Hàng chục ô gỗ đựng đầy ắp các vị thuốc. Cả gian nhà luôn luôn thơm thoảng hương vị nhẹ nhàng… Anh chưa bao giờ mảy may nghĩ rằng ông nội mình, cha mình có được một hiệu thuốc như thế. Thì giờ đây, khi ông nội đã qua đơì, cha đã ngoài sáu mươi tuổi, và anh đã ngoài ba mươi, anh hăm hở và tin tưởng lập được một hiệu thuốc bắc như hiệu thuốc của ông Sứ Lục.   
Khi anh thưa chuyện với cha về ý định này, cha tôi ngồi im hai giọt nước mắt từ từ chảy trên hai gò má nhăn nheo, một lát sau, nuốt tiếng nấc cha nói:   
“Làm gì có tiền”.   
“Con có đủ tiền để cha làm việc đó, vốn ít thì làm ít. Dần dần sẽ phát đạt mở mang thành hiệu thuốc lớn”.   
Thế là ngày nào cha tôi cũng hào hứng ra hỏi chuyện ông Sứ Lục, cha ngần ngại không dám hỏi thẳng ý của mình sợ ông giấu nghề, giữ nghề. Mãi đến ngày thứ ba cha mới ngập ngừng thưa chuyện… vừa nói cha vừa thăm dò thái độ ông. Thật bất ngờ, cha vừa dứt lời thì ông ngừng tay xắt thuốc, niềm vui hiện trên gương mặt:   
“Ông mở được hiệu thuốc thì vui lắm, tôi mừng cho ông, cố tổng Quyên nhà ta là thầy thuốc giỏi, bà con ở Đô Lương Nghi Lộc mời cố đi chữa bệnh quanh năm mà cố chẳng bao giờ được sung sướng, rồi đến ông theo nghề cố ông cũng chẳng mở mày mở mặt ra được, bây giờ ông vừa kê đơn vừa bốc thuốc thân ông được nhàn nhã đôi chút , ông cần gì tôi giúp … nhưng vốn liếng ông được bao nhiêu?”   
“Thằng Hiền phục viên, nhà nước cho một ít tiền, hắn bàn với tôi…”   
“Có anh Hiền giúp cả tiền, cả công sức hai cha con làm đỡ vất vả”.   
“Tôi chưa biết luồng lạch chạy nguồn thuốc ở đâu, ông chỉ bảo cho thì quý lắm”.   
“Việc đó thì ông đừng lo, tôi sẽ bảo người mang đến tận nhà ông đủ các vị thuốc quý. Tính ông thật thà không lươn lẹo, làm một thời gian thiên hạ xa gần sẽ đến chật nhà, ông lại quen biết nhiều thầy lang, các thầy sẽ chỉ đường cho con bệnh đến nhà ông, cả vùng này ai còn lạ gì ông Đoan làng Hậu Luật. Ông còn phân vân điều gì nữa không? Nếu lúc đầu gặp khó khăn, tôi sẽ cho ông vay thuốc, khi bốc thuốc cho người bệnh mà thiếu vị thì bảo cháu sang nhà tôi mà lấy”.   
“Quý hoá quá…”   
“Có một dạo người ta sính thuốc tây, theo thuốc tây cảm cúm nhức đầu, sổ mũi, thương hàn người ta thường mời y tá đến khám, hiệu thuốc tôi vắng khách lắm. Bây giờ người ta lại theo thuốc ta ông ạ ngày nào nhà tôi cũng có hơn chục con bệnh xa gần đến mua thuốc, ông mở hiệu thuốc là rất đúng lúc”.   
Cha tôi mừng lắm, tối hôm đó ăn cơm xong, cha gọi anh Hiền lên nhà trên, hai cha con ngồi bàn bạc tính toán công việc, mẹ tôi đi họp chi bộ về thấy còn đỏ dền bước vào góp chuyện, mẹ vui lắm. Suốt mấy năm nay anh Hiền lận đận quá. Mở được hiệu thuốc hai cha con cùng làm vừa vui cửa vui nhà, vừa có đồng ra đồng vào, mẹ đỡ khổ biết chừng nào. Mẹ vắt tà áo lau nước mắt.   
“Con trâu nhà ta vừa đẻ con nghé, đợi mấy tháng nữa bán con nghé góp thêm vốn mà mở hiệu”.   
“Mẹ không phải lo vốn, con đã có đủ tiền để cha sắm các thứ cần thiết ban đầu lại được cả ông Sứ Lục hùn tay vào, mọi việc thuận lợi cả mẹ ạ…”   
Anh Hiền thất thế trên con đường hoạt động xã hội, trên con đường binh nghiệp lại hoá ra hay. Mọi người trong gia đình nghĩ thầm như vậy. Trong luồng suy nghĩ đó có phần tự an ủi kiểu AQ nhưng cũng có phần chân thành. Ông Sứ Lục có một hiệu thuốc bắc tiếng tăm như thế đâu có phải hoàn toàn tự tay ông làm nên mà vốn liếng từ đời cụ Hàn Lương để lại: vốn liếng về kiến thức nghề y, vốn liếng về kinh nghiệm gia truyền. Còn gia đình nhà mình, mới lập nghiệp từ đời ông nội. Mà ông nội chẳng qua là lấy công làm lãi, lấy phúc đức làm lãi. Nghề nối dõi vẫn là nghề nông. Được dăm bảy sào ruộng, lo cày cấy để kiếm ra hạt lúa củ khoai. Tuy chẳng phong lưu gì, nhưng làm ruộng vẫn chắc ăn. Ba đời nay, chưa ai dám nghĩ đến việc bán ruộng để sắm sanh các thứ mở hiệu thuốc bắc. Bây giờ anh Hiền phục viên mang được một ít tiền về, dùng số tiền đó để mở hiệu thuốc, đất ruộng vẫn còn nguyên.   
Mở hiệu thuốc bắc! Điều không ai trong gia đình mơ tới, thì nay đã tới. Tôi phấp phỏng hình dung một viễn cảnh vừa đầm ấm vừa thanh nhã. Ngày ngày cha ngồi xếp bằng trên chiếu, xem mạch cho người bệnh, rồi mở tờ báo bốc từng vị thuốc bỏ vào, gói thang thuốc lại. Người bệnh cầm gói thuốc, cúi đầu chào. Mẹ tôi thì loay hoay nấu nước chè xanh, cầm gáo dừa múc ra từng bát, mời khách uống. Khách đông, từng người chờ cha tôi bắt mạch, kê đơn, bốc thuốc. Có cả những người khỏi bệnh, đến cảm ơn cha…   
Anh Hiền năng nổ lo tham mọi việc. Trước tiên anh thuê thợ mộc đóng chiếc tủ dẹt có nhiều ô để đựng thuốc bắc. Ra ông Sứ Lục nhờ chỉ dẫm mua dao cầu, thuyền tán để nghiền thuốc, dùng chày để giã thuốc. Mua chiếc ghế mới để cha ngồi bắt mạch cho người bệnh. Anh chú ý sắm từng cái nhỏ: nghiên mực tàu, bút lông để cha viết đơn thuốc. Mực tàu và bút lông rất khó mua, anh đến tận nhà mấy cụ đồ nho để xin cho kỳ đựơc. Cuối cùng anh thấy thiếu một cái ghế cho bệnh nhân ngồi khi giơ tay bắt mạch, anh lại kỳ cạch tìm gỗ và tự đóng…   
Anh lục lọi trong rương trong hòm, lôi ra những quyển sách chữ nho để tìm sách thuốc của ông còn sót lại. Giấy bản để lâu ngày từ tờ này dính sang tờ kia, gián gặm, con bọ đuôi dài bò lổm ngổm, anh dùng lông gà quét thật sạch, rồi đem phơi nắng… Cái thứ cũ rích này tưởng là vứt đi, sao lúc này anh thấy quý đến thế. Anh lật giở từng tờ, sáng đem ra phơi, chiều cất vào nhà, hôm sau lại phơi. Rồi anh xếp ngay ngắn ở góc phản nơi cha thường gồi để bắt mạch cho người bệnh.   
Tính toán tiền nong, anh thấy còn có thể mua được một cái xe đạp. Rất cần cái xe để chạy chợ. anh mua hẳn một chiếc xe Favorit mới tinh. Với chiếc xe đó,anh đi Cầu Bùng, Cầu Giát, Đô Lương, Thái Hoà để mua thuốc. Đường xe hàng trăm kilômét qua đèo qua truông,anh đạp xe đi phơi phới,không hề mệt nhọc.   
Ban đêm, nhà vắng, anh thắp ngọn đèn Hoa kì, học chữ Nho. Trước hết anh học thuộc lòng mặt chữ tất cả các vị thuốc. Rồi học rộng ra các loại sách Nho khác. Hồi nhỏ, anh có theo thầy Bộ Nga học được một ít, nay ôn lại và học thêm không đến nỗi vất vả lắm. Anh quyết tâm học để nghiên cứu sách thuốc và hành nghề thầy lang cho đến hết đời. Sưu tầm được bài thuốc mới, anh chép cẩn thận vào vở. Lân la học các cụ già để học lỏm cách chữa bệnh bằng thuốc nam: cố Cáy chữa bệnh dời leo, cố Phiệt chữa bệnh đau bụng, cố Trần Chư chữa bệnh rắn cắn, bà Luyên Đò chữa bệnh loét da…   
Ngày khai trương hiệu thuốc, tất cả mọi người trong gia đình tôi rất vui. Gọi là khai trương cho vẻ trang trọng, thực ra rất đơn giản. Mẹ tôi sắm cơi trầu, chén rượu nhạt để cho các cụ trò chuyện với nhau. Cố Tồn chui bờ rào vào cửa sau. Bác Xin vắt áo lên vai băng qua vườn… Sự hiện diện của ông Sứ Lục khiến cha tôi cảm động run chân bước ra sân đón.   
Sắm sửa xong mọi thứ, mẹ tôi lên xã họp. Cả nhà ra đồng làm việc. Các cố ngồi nhai trầu, uống rượu và vui chuyện tuổi già:   
“Hậu vận ông Đoan như thế là tốt rồi”.   
“Tôi tưởng chú Hiền lận đận lắm. Ai ngờ chú xoay sang cái nghề thuốc bắc này, ông Đoan được mát mặt, mà chú Hiền cũng đỡ tủi thân”.   
“Già nua như ông Đoan mà có được cái tủ thuốc bắc như thế này còn gì sướng bằng”.   
“Không có nghề gì nhân đức bằng nghề thầy thuốc. Cố Tổng Quyên ngày trước cắp ô đi theo con bệnh khắp xứ đông xứ đoài mới để được phúc cho con cháu sau này”.   
“Nói dại… Tôi nghĩ ông Đoan qua đời, chú Hiền thay ông làm thầy lang,trông coi tủ thuốc, còn sướng gấp vạn làm cái nghề cán bộ chạy ngược chạy xuôi, thức đêm thức hôm, được dăm ba đồng lương, còn bị người này mới ra người kia nói vào”.   
“Chúc mừng cho ông Đoan chú Hiền gặp vận may”.   
\*   
Phong trào hợp tác hoá nông nghiệp bắt đầu dấy lên một cách mạnh mẽ. Các thầy lang cũng được tổ chức vào “hợp tác xã thuốc bắc”. Trong xã chỉ có bốn người thực sự là thầy lang. Nhưng như vầy thì qua ít, không thành một tổ chức “có khí thế”, các ông lãnh đạo xã cố tìm cho được mười người. Một cái xã bé con con gồm ba làng, moi đâu cho đủ mười thầy thuốc? Đành phải ghi vào danh sách các ông bà biết nhì nhằng làm thuốc nam, thậm chí có cả bà không biết làm nghề gì, ngày ngày làm viên bột nghệ để bán cho những người đau bụng và lở ngoài da.   
Danh sách đã làm xong. Xã mời các vị lên họp.   
Đứng đầu sổ là ông Sứ Lục. Tiếp sau đó là mấy vị đã có tiếng tăm.   
Bác Cựu Dị con nhà Nho học, đựơc cụ thân sinh truyền cho một cách khám bệnh đặc biệt. Bác không cần đến tận nhà bệnh nhân để khám. Chỉ cần người nhà đem áo bệnh nhân tới. Bác thắp mấy nén hương khấn Thần linh, rồi cầm một nén khua trên chiếc áo. Thế là bác bốc thuốc. Nhiều người qua cơn hiểm nguy. Khách ở xa bốn năm chục cây số từ Yên Thành, Nghi Lộc cuốc bộ đến xén thuốc rất đông.   
Cố Thu, vừa Nho học vừa có ít nhiều Tây học. Cố nổi tiếng về các bệnh phụ sản. Các bà bị động thai hoặc hay sẩy thai, cố cắt cho dăm ba thang là khỏi. Có người lấy chồng gần chục năm không có con, cố cũng chữa đựơc. Phần đông các cô gái mới có mang lần đầu đều lấy thuốc của cố uống để dưỡng thai.   
Cha tôi chuyên chữa các bệnh về mắt. Nếu ai đau mắt đỏ, chỉ cần lấy một gói thuốc bột bé tí tẹo, vót trơn que tăm gạt một chút bằng chân ruồi tra vào mắt rồi đi ngủ. Chừng năm lần tra thuốc là mắt khỏi đau. Nếu ai bị bệnh đau mắt có mộng, cha dùng kim nhể sau lưng, nặn máu độc ra. Nếu ai quá nặng mới phải dùng thuốc uống… Ngoài việc chữa bệnh đau mắt, cha còn chữa đựơc cả bệnh thông thường khác.   
Ngoài bốn thầy lang “tứ hổ” này, toàn là những người chỉ biết vặt vãnh chữa bệnh bằng lá cây. Chẳng hạn ai bị bệnh giời đái, cố Cáy kiếm lá vào lúc chính ngọ, giã nát, cho đắp vào chỗ da loét. Cố Chắt Phiệt già lọm khọm, đi dọc đường làng hái đủ thứ lá, rồi sắc cho người bệnh uống…   
Như thế đó, động tác đầu tiên để tiến hành thành lập “hợp tác xã thuốc bắc”. Mấy thầy lang thực thụ đều lắc đầu, ngán ngẩm: “Tập thể hợp tác hoá như thế này thì làm ăn sao được hở trời!”   
Sau cuộc họp bàn về tổ chức “hợp tác xã thuốc bắc”, anh Hiền ở tịt trong nhà, chẳng muốn lân la trò chuyện với bà con hàng xóm. Hết ra sân lại ra vườn. Hết ra vườn lại vào ngắm hòn non bộ. Ngắm hòn non bộ rồi vào thắp hương lên bàn thờ. Thỉnh thoảng anh lại lẩm bẩm một mình: “Kỳ quặc! Kỳ quặc!” Ngược lại, cha không ngồi yên ở nhà một phút. Suốt ngày cha đội nón dứa, cầm quạt đến chơi nhà mấy ông bạn thầy lang, vừa là để trò chuyện cho khoây khoả vừa là để thăm dò.   
Đến nhà ông Sứ Lục. Khách vào mua thuốc rất đông. Ông không thể ngừng tay để nói chuyện vơi cha. Ông vừa làm việc vừa nói vài câu: “Hợp tác cách nào đây,hợp tác với những người chẳng biết nửa chữ… Để chờ xem thế nào rồi mình liệu… Các vị lãnh đạo bảo đúng thì ta nghe bảo sai thì ta không nghe… Để chờ xem binh tình ra sao…”   
Đến nhà bác Cựu Dị. Sau khi trao thuốc cho các người bệnh, bác mời cha uống nước. Gương mặt bác trắng trẻo, điềm tĩnh, miệng nhai trầu, chòm râu bác rung rung: “Thuốc là thuốc của Thánh hiền cho người trần gian. Đơn thuốc này cũng là đơn thuốc của Thánh hiền bảo người thầy thuốc viết lên tờ giấy. Có phải người trần làm ra vị thuốc đâu. Có phải là người trần tự viết ra đơn thuốc đâu. Thầy thuốc kiểu như mấy ông xã mời đến họp thì khắp cả làng cả xã này ai chả làm thầy thuốc được”.   
Đến nhà cố Thu. Thấy cha vào, cố vội choàng cái áo ba-đờ-xuy ra tận ngõ để tiếp. Cố vốn là con nhà Nho học, có tiếp xúc với các bậc Tây học, nên ít nhiều mang phong cách của Tây học. Khi cả tổng Thái Xá này chưa ai biết cái xe đạp hình thù ra sao, thì cố đã mua một cái xe thong dong đạp đi chơi bầu bạn. Thời đất nước còn tối tăm mù mịt, cố đã đi theo cộng sản. Người em trai lo sợ, can ngăn cố, cố trả lời: “Cái nghĩa tuỳ thời lớn vậy thay”. Tây bắt đựơc, đánh cố một trận rất đau rồi thả về. Cố lại ung dung ngồi xếp bằng trên sập gụ kê đơn, bốc thuốc và rít điếu bát. Người em trai sang chơi mỉa mai một câu gì đó, cố cười khà khà: “Cái nghĩa tuỳ vận lớn vậy thay…” Hồi ông nội tôi còn sống,cố thường vào hầu chuyện với một thái độ rất kính trọng. Sau khi ông qua đời, cố hay trao đổi chuyện thế sự với cha tôi. Lần này, thấy cha đến cố biết chắc chắn cha sẽ bàn chuyện “lập hợp tác xã thuốc bắc”, cố rít một hơi thuốc lào nhả khói bay tung toả rồi thỉnh thoảng nói: “cái nghĩa tuỳ thời lớn vận thay”.   
Mặc kệ mấy cụ lang bàn bạc, đàm đạo có ý choãi ra, cậy việc tổ chức “hợp tác xã thuốc bắc” vẫn phải xúc tiến một cách khẩn cấp hàng ngày các thầy lang tập trung tại nhà ông Sứ Lục để bắt mạch và kê đơn cho người bệnh có chấm công hẳn hoi ai vắng mặt ngày nào thì trừ điểm ngày ấy. Thế là cứ sáng dậy cha tôi phải ra nhà ông Sứ Lục ngồi nhưng tối về lác đác có bà con khám bệnh và xin thuốc, có hôm cha phải thức đến khuy mới hết khách, hình như các thầy lang khác cũng thế.   
Thấy kiểu làm ăn chân ngoài dài hơn chân trong của các ông lang, cán bộ xã tức lắm, cấp tốc họp “xã viên thầy lang” để kiểm điểm, riêng gia đình tôi trước kia cha cũng là đảng viên nhưng vì thấy lắm chuyện lôi thôi cha xin rút ra khỏi đảng. Mẹ là đảng viên năm 1946 đến nay, chi bộ họp góp ý gay gắt cho mẹ tôi “sao không giáo dục ông Đoan tham gia nghiêm chỉnh hợp tác xã”. Từ đó cứ tối đến mẹ không thắp đèn, người vào thưa bệnh thưa dần rồi vắng hẳn…   
Hiệu thuốc cha tôi khai trương chưa đầy hai tháng thì sập tiệm, bao nhiêu hy vọng thế là tiêu tan, cả nhà buồn như có tang, người buồn nhất là anh Hiền, thương hại anh cứ thất bại hết lần này đến lần khác. Mặt anh ỉu xìu như bánh đa ngâm nước, anh bực bội đến uất ức, nhưng sự phản ứng của anh càng mạnh thì càng lặn vào trong, anh không hề mở miệng một câu, chỉ đứng lên rồi ngồi xuống, đi ra rồi đi vào, đêm nằm thao thức, thỉnh thoảng anh lại thở dài. Khuya... lặng phắc… Làng xóm im lìm trong tiếng mưa rả rích đầu hồi nhà. Mưa rơi lộp độp trên tàu lá chuối, anh tung chăn ngồi dậy thắp nén hương nên bàn thờ khấn vái rồi quấn thuốc lá hút rồi lại trùm chăn nằm, tôi nghe rất rõ tiếng thở dài của anh tựa như tiếng giọt mưa trên hòn than đỏ…

**Võ Văn Trực**

Cọng Rêu Dưới Đáy Ao

**Chương XIII**

Mở hiệu may

Mơ ước mở hiệu thuốc bắc đã hình thành hiển hiện, bỗng chống tan biến như bọt bong bóng xà phòng. Chẳng lẽ ngồi khoanh tay? Làm gì đây bây giờ? Anh lục lọi tìm tòi trong tận cùng năng lực của mình có thể làm được gì nữa? Nhưng năng lực của cá nhân mình phải phù hợp với thời cuộc, cái khó là ở đó.   
Gia đình mình chỉ làm nông nghiệp thì không bao giờ no được đừng nói đến chuyện giàu có, triền miên từ đời này qua đời khác chỉ có hạt lúa củ khoai cho nên xong mùa cày cấy, gặt hái là dân Hậu Luật chạy tung toé khắp nơi để kiếm ăn, phải có một nghề khác để cha mẹ và gia đình đỡ khổ, làm nghề gì bây giờ? Nghề đục đá ở lèn Hai Vai thì mình không đủ sức mà thu nhập chẳng được bao nhiêu. Nghề lấy đá nung vôi cũng khá nặng nhọc vả lại nghề này phải một tập đoàn làm mà đã tập đoàn thì phải tập thể hoá, lập tác hoá… làm nghề gì bây giờ? Nên chăng làm nghề may.   
Làm nghề may? Một mình mình với cái máy khâu làm được chừng nào ăn chừng ấy chẳng ai đụng chạm đến, từ trước đến nay người ta toàn may bằng tay một cách thô vụng. Ông Hải là một thợ may chuyên nghiệp, thu nhập bằng nghề may cũng chẳng có máy móc gì, toàn dùng cái khéo léo của mình với hai bàn tay, một cái kim và một cuộn chỉ, ai muốn may quần áo cho trang nhã đều đến thuê ông Hải, mấy năm gần đây anh Lộc mua được chiếc máy khâu, anh Lộc là bạn cùng hoạt động với anh Hiền từ thời khởi nghĩa sau khi rời quân ngũ làm nghề thợ may, khách rất đông, nam nữ thanh niên không đến thuê ông Hải nữa mà cứ đem vải đến thuê anh Lộc. Hàng nhiều quá, lắm lúc may không xuể anh phải từ chối.   
Có lẽ làm nghề may là thuận lợi nhất… anh Hiền suy đi tính lại, trong gia đình phải có thêm nghề khác ngoài nghề nông, nghề đó là nghề thợ may. Anh đem ý địnhk này bàn với cha mẹ, mẹ lấy vạt áo chấm nước mắt:   
“Nghề gì rồi cũng hỏng, ai có máu mặt trội lên một chút là người ta cầm dao chặt cho bằng người khác, xã hội này không ai được giàu hơn ai. Mấy bà ở xóm chợ cứ chạy lên Nghĩa Đàn buôn nâu hơn người được dăm ba hào, người ta cũng bắt ở nhà làm nông nghiệp, các ông lãnh đạo nói phải triệt tận gốc bọn con buôn huống chi là con, người ta cứ nghi nghi ngờ ngờ có khi công an theo dõi con…”   
Anh Hiền chép miệng:   
“Cũng có thể quang gánh đi buôn bỏ ruộng bỏ vườn, người ta biết phải ở nhà để cày cấy, còn con ngồi một chỗ may quần áo cho bà con trong làng kiếm đồng tiền để nuôi sống mình thì có gì là sai. Người ta có nghi ngờ gì con cũng chẳng sợ, con không phạm luật nước, luật xã, luật làng…”   
Mẹ lắc đầu:   
“Hay là… mẹ nói thật với con, con quen biết nhiều bạn bè làm to, con xin trở lại làm việc cho nhà nước, ở nhà sẽ khổ mãi con ạ”.   
“Mẹ tưởng là làm nhà nước sung sướng lắm à? Con suy nghĩ chê chán con mới quyết định về nhà. Đằng nào cũng khổ, chẳng thà cùng chịu khổ với gia đình, với bà con làng xóm”.   
Từ nãy đến giờ cha ngồi im, anh quay sang hỏi:   
“Cha thấy thế nào?”   
“Tuỳ con…bây giờ cũng khó tính toán, sức con không làm được nông nghiệp, hay là con cứ mua một cái máy khâu, nếu khó làm ăn thì bán, chẳng mất đi đâu, cứ theo nhà cố Thu mà xử sự, “cái nghĩa tuỳ thời lớn vậy thay”!   
Thế là anh Hiền quyết định chuyển sang nghề may. Cái khó khăn đối với anh là vốn và tay nghề, bằng bất kỳ giá nào anh cũng vượt cho được hai cái khó này. Về vốn cần đủ tiền mua cái máy khâu và đồ nghề, còn để dành một số tiền chưa tiêu, bán chiếc xe đạp, bán thuốc bắc cho ông Sứ Lục, may mà tủ đựng thuốc loại nhỏ chẳng tốn hết bao nhiêu tiền. à rất cần một cái sập để cắt vải vóc quần áo của khách hàng. Cái sập đó chiều dài 1,65 mét, chiều ngang 1,4 mét, đủ diện tích để căng vải khi đo cắt quần áo…   
Anh tính toán nát óc để có đủ dụng cụ dùng ngay từ khi người khách đầu tiên đến gặp và trao tấm vải.   
Còn gì nữa nhỉ? Anh đi đi lại lại, bàn tay phải vỗ vỗ lên trán rồi ngồi xuống ghi ghi chép chép vào cuốn sổ tay: “một cái thước đo bằng gỗ, một cái thước bằng nhựa, một cái kéo to một cái kéo nhỏ, một hộp đựng kim chỉ, năm cục nến trắng…” Anh đứng dậy hối hả như định làm một việc gì bỗng đứng sững lại, cuộn điếu thuốc lá châm lửa hút, trán dâm dấp mồ hôi dường như đang dồn một quyết tâm ghê gớm để vào nghề, anh bặm môi rồi nói lẩm nhẩm: “không biết thì học cho biết! Sợ cóc gì!..”   
Anh quyết định táo bạo ra Hà Nội học may!   
Hồi đó Hà Nội còn có một hình ảnh xa vời đối với người Nghệ Tĩnh, đã mấy ai được đặt chân đến thủ đô. Nhiều thanh niên khao khát tới đó để xem Hồ Gươm, cầu Long Biên, Nhà hát Lớn, chùa Một Cột… thế mà anh Hiền dám làm một chuyến đi Hà Nội, không phải ra chơi vài ngày mà ở lại vài tháng để “tầm sư học đạo”. Từ chỗ không biết tí gì về nghề may, anh muốn trở thành một thợ may giỏi, may thành thạo trang phục tân thời, vừa ý với lứa tuổi thanh niên.   
Quyết định này xảy ra khi anh lục lọi sắp xếp lại chồng thư của đồng đội cũ. Ngày ở Việt Bắc mấy người bạn thân ghi địa chỉ quê hương cho nhau để sau chiến tranh đến thăm nhau, trong chồng thư có bức thư của anh Thái Bảo Tin đã giải ngũ hiện ở số nhà 35 Hàng Ngang. Thật là may mắn, anh sẽ ra đó ở với anh Thái, học đến khi giỏi mới trở về .   
Ra tới nơi, người nhà bảo anh Thái đã về quê Mỹ Hào để sửa mộ cho ông bà. Chị Báu vợ anh Thái nói: “Bác ở đây chơi với các cháu, chừng dăm hôm nữa, anh Thái sẽ lên”, đang khi nhớ bạn nhớ những kỷ niệm đồng đội anh hỏi đường về tận Mỹ Hào. Anh Thái vô cùng bất ngờ được gặp người bạn cũ ngay tại quê mình, nước mắt giàn dụa.   
“Tao tưởng mày đã vùi xương chốn Việt Bắc rồi! Trời ơi mày còn sống à Hiền ơi! Mày đang sống thật à? Mày về với tao thật à? Ai chỉ đường cho mày về với tao? Tao đinh ninh mày đã hy sinh rồi nhưng tao cứ viết thư, may mà tao còn giữ được địa chỉ mày ghi cho tao ở Nà Phạc. Tao viết bức thư vu vơ cho mày nhưng được gặp hai cụ, vợ con mày ai ngờ mày lại tìm về quê tao trước, trời xui đất khiến cho mày gặp tao hôm nay. Hiền ơi thế là tao với mày vẫn còn sống, còn được gặp nhau. Mày ở lại đây ra đắp mộ cho hai cụ tao, đi chơi với bà con tao dăm hôm rồi tao đưa mày về Hà Nội chơi cho thoả thích”.   
Anh Hiền xúc động quá không nói được câu nào nước mắt ướt đẫm hai gò má, lâu lắm rồi anh Hiền không khóc kể cả những lúc anh vấp phải điều không may tột cùng đau đớn ê chề và chán chường. Mọi cơn đau trước đây như cái roi sắt quất trong máu anh chứ không quất ngoài da thịt, anh không khóc bao giờ thế mà lúc này anh khóc, khóc nấc thành tiếng chỉ có nước mắt trào ra trào ra, trong lòng anh như gào lên từng trận liên hồi “Trời ơi! Thằng bạn vào sinh ra tử của tao ơi! Mày biết không những năm tháng vừa qua tao bị bao nhiêu nỗi bất hạnh quật tao ngã, tao vẫn cắn răng ngẩng đầu lên chỉ vì tao nghĩ đến mày, nghĩ đến đồng đội chỉ ăn lá rau rừng truy đuổi giặc giữa chiến khu Việt Bắc. Gặp được mày, tao như thằng chết đuối vớ được cọc, cái cọc bền vững biết chừng nào…”   
Tối hôm đó hai người bạn cũ, hai người đồng đội cũ cùng nằm một giường cùng đắp một chăn như hồi gian khổ cùng đắp chung một chăn trấn thủ giữa mùa đông biên giới rét ghê người.   
Mấy hôm sau anh Thái dẫn anh Hiền về số nhà 35 Hàng Ngang. Biết rõ ý định của bạn, anh Thái xắng xở lo toan tất cả mọi việc. Anh tìm người quen để dạy anh Hiền học may, chạy các cửa hàng mua sắm đồ nghề, xếp giường chiếu cho anh Hiền có chỗ nghỉ ngơi, anh Hiền chấp nhận tất cả mọi sự thu xếp với một tình cảm rất đỗi chân thành của bạn. Duy có nơi ăn chốn ở là anh hơi ngại, gian gác chật hẹp vợ con anh Thái nằm ở phía trong, anh Thái nằm ở góc phía ngoài có thêm một người nữa, anh Thái tháo giường buộc lại, đặt ra cầu thang trải chiếu vào góc phòng hai người cùng nằm. “Mấy năm màn trời chiếu đất may còn sống mà nằm với nhau ở đây, còn lo rộng với chật cái nỗi gì”. Anh Thái nói vậy…   
Và, ngày ngày chị Báu lo chu tất hai bữa ăn cho cả gia đình thêm người bạn của chồng nữa là bốn “chẳng qua là thêm bát thêm đũa có tốn kém gì đâu”. Chị Báu trò chuyện với anh Hiền: anh Thái nói với em nhiều về bác. Thương các anh quá, thời trai trẻ thì nhịn đói nhịn khát ngủ rừng ngủ núi, hoà bình rồi mà cũng chẳng được thảnh thơi gì cả, vạn bất đắc dĩ anh Thái mới mang vợ con lên đây ở chứ anh ấy và em chỉ muốn sống ở quê dễ chịu hơn. Em nhiều lần nói với anh ấy là các ông cán bộ địa phương nói gì kệ người ta đừng cãi lại, cãi với họ chỉ mang hoạ vào thân. Anh ấy nghe họ nói sai,không chịu được,nói lại một câu thì họ đập cho mười câu. Em cứ tưởng chỉ riêng nhà em phải lận đận, hoá ra bác cũng vậy. Thôi bác ạ, hoạt động xã hội như thế đủ rồi, bây giờ về vui thú với gia đình. Mừng cho bác là biết chọn nghề. Trong quê bác ít thợ may, bác học được nghề này, kiếm được đồng ra đồng vào nuôi các cháu học hành… Em chỉ ngại một điều… chỉ ngại… từ nhỏ đến giờ bác chưa hề biết may vá, đến cái tuổi này cứng tay cứng chân học khó vào. Bác cần gì cứ nói với nhà em.Thời buổi loạn lạc các anh còn cưu mang được nhau, huống hồ chi bây giờ…”   
Thấy vợ chồng anh Thái chăm lo tỉ mỉ cho mình, anh Hiền càng ra sức học. Ngày nào anh cũng đi miết, tối về, cháu Bình, con gái đầu của anh Thái mới hơn mười tuổi,đòi bác Hiền dạy tiếng Pháp. Hai bác cháu cứ xì xồ với nhau đến mười giờ. Cả nhà đi ngủ, anh Hiền vẫn thức, đem giấy báo và vải vụn tập cắt quần áo. Anh chú ý tập cắt những mốt trang phục tân thời. Nhiều đêm anh thức đến một, hai giờ sáng. Anh Thái trở mình thức dậy: “Hiền ơi, đi ngủ đi. Gần chín năm mày thức ở Việt Bắc chưa đủ à. Bây giờ phải vừa học vừa nghỉ ngơi chứ. Học một tháng không xong thì học hai tháng, hai tháng không xong thì ba tháng, bốn tháng. Tao nuôi mày đến khi học thành nghề tao mới cho về…” Chiều bạn, anh Hiền tắt đèn. Nhiều đêm, nằm thao thức, suy nghĩ lung tung. Tiếng ngáy của bạn sao giống tiếng ngáy những đêm nằm rừng. Có gì thảng thốt, anh ngồi dậy nhìn gương mặt bạn mờ mờ dưới ánh đèn ngoài đường phố rọi vào. Một thoáng lạnh, anh rùng mình, nước mắt ứa ra. Từ trong sâu thẳm tâm linh, loé lên một ý nghĩ vu vơ rồi chợt tắt: “Giá cuộc chiến tranh vẫn cứ kéo dài… được ở mãi với nhau…”   
Thấm thoát ngày tháng trôi qua, đã hai tháng rồi. Công việc học may đã tạm ổn. Cuộc chia tay bùi ngùi quá, tựa như năm nào hai người được phân bổ về hai đơn vị hành quân tới hai mặt trận khác nhau, mù mịt đường sá và mù mịt thời gian…   
\*   
Cả nhà vui mừng đón anh Hiền từ Hà Nội trở về. Ngoài chiếc máy khâu mới tinh và đồ nghề đầy đủ, anh còn mang theo mấy bộ quần áo để làm mẫu, một cuốn sách in hình tất cả các kiểu thời trang nam nữ.   
Anh Lộc sang ngay chiều hôm đó, cùng xúm tay xúm áo và sắp đồ đạc, rồi ngồi vào ghế đạp thử máy: “Máy chạy rất êm chú ạ. Chú tự đi mua hay ai chọn cho mà máy nhẹ thế… Có thể trong mấy ngày đầu sẽ trục trặc. Khi cần chú cứ ới một tiếng là tôi sang ngay. Dẫu sao tôi cũng quen việc hơn chú…” Anh Lộc bộc lộ niềm vui thực sự khi thấy anh Hiền chọn nghề may và mua được cái máy tốt. Có lẽ ngoài tình cảm bà con họ hàng, anh còn cảm thương người bạn cùng một lứa bên trời lận đận.   
Như là duyên số, hai anh tham gia đội tự vệ do bác Chắt Kế tổ chức hồi còn trong bóng tối, rồi hăm hở theo bác đi cắm cờ đỏ sao vàng khắp các làng trong huyện; bây giờ hai anh cùng chí thú với nghề may. Từ khi anh Hiền mang máy khâu và đò nghề từ Hà Nội về, hầu như hai anh ngày nào cũng gặp nhau, bày vẽ cho nhau. Một hôm anh Hiền sang nhà anh Lộc chơi, ngồi đạp thử cái máy của anh Lộc, thấy cái máy xộc xệch quá:   
“Máy này cũ qua rồi anh ạ, anh nên mua cái máy khác”.   
“Tôi làm gì có tiền mà mua máy mới. Trước khi vào Vệ quốc đoàn, tôi dùng cái máy này. Bây giờ về vườn tôi lại lôi cái máy này ra, lau dầu, chỉnh trang lại, dùng tạm. Còn mua máy mới, chú biết không, bán cả gia sản nhà tôi chưa chắc đã…”   
“Nhưng máy cũ quá, may thế này thì may mấy ngày mới được một cái áo một cái quần…”   
Anh Hiền bèn mạnh dạn bàn với anh Lộc:   
“Mỗi ngày anh sang tôi vài tiếng đồng hồ, dùng cái máy của tôi cũng được”.   
“Thế thì phiền chú quá”.   
“Chẳng phiền gì cả. Ngọt bùi cay đắng anh em phải chia xẻ cho nhau. Vả lại, tôi đâu có sức làm liên miên suốt cả ngày. Cũng có lúc tôi phải nghỉ. Lúc tôi nghỉ thì anh may. Vừa may vừa trò chuyện với nhau cho vui…”   
Thế là từ đó, ai đến nhà anh Lộc cắt may quần áo, anh đều mang sang may nhờ máy anh Hiền. Có nhiều chi tiết trong nghề mà anh Hiền chưa thật thông thạo thì anh Lộc lại hướng dẫn chi li. Anh chí tình, hết sức chí tình. Có hôm anh ngôì với anh Hiền suốt cả buổi để hướng dẫn từng động tác. Mẹ tôi nói: “Thằng Hiền khi nào cũng có quý nhân phù trợ”.   
Anh Hiền hưng phấn hẳn lên. Anh hướng dẫn cho chị đơm khuy, tra cúc, giao cho chị giữ chìa khoá tủ đựng quần áo đã may rồi để chị có thể chủ động trao hàng cho khách. Có hôm nhà vắng, anh ngồi may chị ngồi đơm khuy, không khí thanh bình như câu ca dao “bên anh đọc sách bên nàng quay tơ”. Dẫu chị là một người vợ quê mùa,anh cũng muốn gắn bó mình vào để củng cố tổ ấm gia đình, một tổ ấm như bao tổ ấm khác nơi thôn dã thanh bình.   
Thoạt đầu vào nghề, anh may một số đồ cho bà con họ hàng, láng giềng, không lấy tiền, và mãi sau này anh cũng không lấy tiền. Anh may cho cha mẹ mỗi người một áo lụa, may cho tôi một quần xanh một áo trắng để đến trường… Hàng ngày tôi mặc bộ quần áo ấy đi học, bạn bè khen đẹp.   
Người làng mang vải đến may ngày càng đông. Mấy đứa bạn cũng nhờ anh may mấy bộ quần áo giống như của tôi. Vô hình trung chúng tôi mặc đồng phục và làm quảng cáo cho anh. Quần xanh áo trắng trở thành cái mốt của học sinh. Nhiều lúc anh Lộc nhận được nhiều hàng quá, may không xuể, nói với khách hàn là “Đem sang cho chú Hiền may. Chú Hiền cũng may đẹp không kém gì tôi. Chú ấy học được ở Hà Nội nhiều kiểu quần áo mới mẻ hợp với thanh niên. Đây này, cái áo tôi đang mặc cũng do chú Hiền may”. Hoàn toàn anh Lộc không hề ganh tị nghề nghiệp như một số người thợ khác, trái lại còn “quảng cáo” cho anh Hiền. Thâm tâm của anh là muốn anh Hiền vào nghề một cách thuận lợi, thoải mái, bù cho những năm tháng lận đận. Anh nói với anh Hiền một câu có vẻ hài hước và thật lòng: “Nói cho đến cùng, cũng nhờ đi theo cách mạng mà chú học được nghề may. Chú ra Việt Bắc, rồi có bạn ở Hà Nội, nhờ bạn bè giúp đỡ tận tình, chú mới mua được cái máy tốt, mới học được nghề có bài bản”.   
Anh Hiền tự may cho mình một bộ com-lê và mặc trong những lễ cưới, những dịp đến chơi nhà bạn ở làng khác. Ai cũng khen là” bộ com-lê này kém gì Vinh, kém gì Hà Nội. Chú không nói chú may thì ai cũng tưởng chú mua ở Hà Nội mang về”.   
0 Đào và anh Phòng sắp tổ chức lễ thành hôn, đem vải đến nhờ anh Hiền may quần áo. Anh không lấy tiền. Hai anh chị cứ dúi tiền vào tay, anh Hiền nhất định không cầm: “đây là quà của anh tặng hai em”. Chiếc áo của cô dâu thì anh may cổ lá sen. Áo chú rể thì anh may cổ bẻ to hơn áo bình thường. Với hai chi tiết ấy bà con dự lễ cưới chăm chú ngắm và tấm tắc khen: “Đẹp không chê vào đâu được”.   
Anh Lộc cũng công nhận là “ Tay nghề của chú Hiền lên rất nhanh”. Khách đem vải đến may đồ tân thời, anh Lộc nói chân thành với họ là chú Hiền may đẹp hơn, “tôi chỉ thành thạo các món truyền thống”.   
Tin đồn lan truyền khắp làng, cả các làng xung quanh và trong một số công nhân, cán bộ làm ở huyện ở tỉnh. Hiệu may “Hưng Thịnh” tại thị trấn Ngã ba Diễn Châu rất ăn khách lâu nay. Không những cán bộ, công nhân, nhiều nam nữ thanh niên trong huyện đều đến đó may những bộ quần áo “ diện” nhất. Dần dần họ tìm đến anh Hiền để nhờ may. Một số cán bộ làm việc ở thành phố Vinh về công tác tại Diễn Châu cũng tìm tới anh Hiền để nhờ may com-lê.   
Càng ngày càng đông khách, anh ngồi bên bàn máy mỗi ngày tám tiếng, mười tiếng đồng hồ, có hôm tới mười hai tiếng. Nhất là vào dịp gần tết nguyên đán, anh làm việc tối mày tối mặt từ mờ sáng cho đến nửa đêm. Chiều ba mươi tết vẫn còn khách ngồi chờ lấy hàng.   
Hẳn đã “vào cầu” rồi! Địa điểm may trở nên chật chội. Nhà trên vẫn để nguyên cho cha tiếp bạn già và hương khói tổ tiên. Anh mở rộng nhà dưới, xây thêm một gian, chỉ dành riêng cho việc may và đóng thêm ghế cho khách ngồi. Một ngôi nhà trong xóm vắng bỗng chở lên rôn rịp khách ra khách vào. Kể cả những lúc không có khách đến may quần áo, ngôi nhà cũng đông đúc bà con láng giềng sang chơi, uống nước chè xanh, hút thuốc lào và bàn chuyện mùa màng. Trước khi họp làng họp xóm, người ta cũng rẽ vào tán chuyện linh tinh. Tiếng cười nói ồn ã hoà với tiếng máy khâu lách tách lách tách.   
\*   
Chủ nhiệm hợp tác xã báo cho anh biết: phải vào hợp tác xã! Ông gặp anh, vận động anh đến gần chục lần, anh vẫn lắc đầu:   
“Cả làng này chỉ có hai máy khâu thì tổ chức hợp tác xã làm sao được? Bác định tổ chức cả các bà khâu bằng tay à?”   
“Không phải thế chú ạ. Lãnh đạo Đảng uỷ và Uỷ ban đã rút kinh nghiệm việc tổ chức hợp tác xã các thầy thuốc. Lần này, xã không chủ trương lùa các ông thợ may vào hợp tác xã may, mà cho thợ may vào chung với hợp tác xã nông nghiệp.”   
“Thế là thành hợp tác xã hổ lốn!”   
“Sao chú lại nói là hổ lốn. Anh làm ruộng cứ làm ruộng. Anh may cứ may. Chú cứ việc ở nhà may, chẳng phải chân lấm tay bùn gì cả. Ban quản trị quy định cho chú nộp ngày công bằng tiền.”   
“Bác cứ nói tôi ở ngoài. Ban quản trị bảo tôi làm gì tôi cũng phục tùng”.   
“Chú mà ở ngoài thì ban quản trị điều khiển chú làm sao được! Nước có luật của nước. Làng có luật của làng. Hợp tác xã có luật của hợp tác xã. Hồi chú còn là người của Đảng, chú biết đấy, Đảng có điều lệ của Đảng, thì bây giờ hợp tác xã có điều lệ của hợp tác xã. Nghiêm minh lắm chú ạ. Có phải chuyện chơi bời đâu. Ta đang tiến lên xã hội chủ nghĩa, rồi tiến lên cộng sản chủ nghĩa, phải có đội có đoàn có tập thể mới làm ăn đựơc”.   
“Bác cho tôi ở ngoài. Cả nhà tôi đều vào hợp tác xã rồi, ăn ngày công của hợp tác xã chừng ấy người cũng đủ rồi”.   
“Sao chú lại quan niệm lạc hậu thế. Cả nhà chú tiến bộ mà một mình chú lạc hậu cũng gây ảnh hưởng chính trị xấu đến cả nhà, cả con cái chú sau này. Tiến lên xã hội chủ nghĩa thì phải dàn hàng ngang mà tiến, anh nào nhô lên trước là mắc bệnh tiền phong chủ nghĩa, anh nào tụt lại sau là mắc bệnh lạc hậu chủ nghĩa. Chú suy nghĩ kỹ rồi trả lời tôi một lần cuối cùng”.   
“Bác cho tôi ở ngoài…”   
Ông chủ nhiệm ra về từ lâu, anh vẫn ngồi im ở vị trí cũ. Không nhúc nhích. Không uống nứơc.Không hút thuốc, mặt đờ đẫn. Chẳng biết đường nào mà lần. Chẳng biết nẻo nào mà đi. Thời buổi khó làm ăn quá. Chẳng qua là cui đánh đục đục đánh răng. Trên ốp thì dưới cứ làm. Dưới làm sai thì dân phải chịu. Cuối cùng chỉ khổ dân… Ngực dồn lên một luồng khí khó chịu, anh nuốt khan, mà mi mắt đẫm ướt. Tự nhiên anh bật cười thành tiếng, câu nói của ông chủ nhiệm như là roi chua chát quất vào trí não: “Tiến lên xã hội chủ nghĩa thì phải dàn hàng ngang, anh nào nhô lên trước thì mắc bệnh tiền phong chủ nghĩa, anh nào tụt lại sau thì mắc bệnh lạc hậu chủ nghĩa”. Chẳng có sách vở nào như vầy, mà ông nào nói cũng giống nhau. Nghĩ cho đến cùng thì thương cho cả người thừa hành, nhất là anh thừa hành ở tầng dưới cùng. Anh ở tầng dưới cùng lại là bà con thân thuộc của mình. Bà con thân thuộc lại đang tâm tróc lã lẫn nhau. Nhân tâm li tán. Anh gục đầu xuống bàn, thở dài.   
Từ ngoài đường làng, vẳng vào tiếng trẻ mục đầu cưỡi trâu về chuồng:   
Trung ương bương ông bộ - Ông bộ chộ ông khu - Ông khu trù ông tỉnh - Ông tỉnh chỉnh ông huyện - Ông huyện chuyển ông xã - Ông xã nã ông xóm - Ông xóm tóm ông dân - Ông dân đánh trần mà chịu…   
Trời lại sắp tối rồi. Bữa cơm chiều miễn cưỡng. Mọi hôm, bữa cơm chiều vui vẻ cả nhà sum họp, hôm nay chẳng ai muốn trò chuyện. Mẹ dừng đũa, nhìn anh Hiền:   
“Chế độ này không ai được giàu đâu con ạ. Người ta sợ người giàu lại bóc lột người nghèo”.   
“Nào có giàu. Con không muốn làm giàu . Chỉ muốn kiếm đủ ăn. Con may giúp cho bà con làng xóm, những người nghèo con có lấy tiền đâu”…   
“Nhưng con cũng kiếm được tiền mà không chân lấm tay bùn. Có người bảo con là “ngồi mát ăn bát vàng”.   
Anh Hiền cảm thấy nghẹn ở cổ. Không thể nuốt được miếng cơm đang nhai dở, anh đứng dậy, bước ra vườn, nhổ miếng cơm, rồi vào giường nằm.   
Ngày hôm sau, ông chủ nhiệm đến báo cho anh Hiền: “Chú không vào hợp tác xã thì chú phải nộp thuế”. Thế à? Thuế gì mới được chứ? Mua một cái máy khâu vừa để giúp bà con vừa để kiếm ăn mà cũng thuế à? Thời gian gần đây, chính quyền xã tự ý đặt ra nhiều loại thuế vô lý. Lên núi Hai Vai chở một xe cút kít đá về quây chuồng lợn, họ cũng đánh thuế, gọi là “thuế mại lộ”. Lên rú Đan Trung hái một gánh củi về đun bếp, họ cũng đánh thuế, gọi là “thuế rừng”. Lên khe Nu lấy một gánh cát, họ cũng đánh thuế, gọi là “thuế cát”. Quãng đường số bảy qua Chợ Mới, từ xưa đến nay là nơi nghỉ ngơi của những người nghèo làm nghề buôn chè từ Đô Lương xuống, trở thành một cái chợ nhỏ của bà con các làng Thanh Lý, Xuân Viên, Vân Tập, Hậu Luật ra mua chè tươi. Mấy tháng nay họ lập một “trạm thuế” tại đó. Hễ có một xe chè nào dừng lại là “nhân viên thuế” ra thu thuế!!! Bao nhiêu thứ thuế vô lý ấy do chính quyền xã đặt ra, thì cái “thuế máy khâu” chẳng có gì là lạ!   
Cắn răng mà chịu. Nuốt giận mà chịu. Nhẫn nhục mà chịu. Nạng tre sao chống nổi trời! Nhân viên thuế của xã đến thu thuế, anh nộp. Nhưng tháng thứ hai, tháng thứ ba, tháng thứ tư, thuế cứ tăng dần. Anh chịu không nổi.   
“Đến thế này thì phải bỏ nghề mất!”, anh cau mày, nắm chặt bàn tay đấm xuống bàn. Và gian nhà chật chội bỗng trở nên mênh mông một sự im lặng bức bối.   
“Chẳng lẽ lại bỏ nghề? Mình ra công học bấy lâu…” Trằn trọc suốt một một đêm trắng, mặt bạc phếch vì buồn ngủ và vì lo nghĩ, suy tính. Phải tìm ra một con đường thoát vừa “hợp pháp” vừa đựơc việc cho mình. Trời không nghe đất thì đất phải nghe trời. Đảng đang khuyến khích dân đi xây dựng kinh tế mới ở miền núi, nhiều người đã bán nhà, đem cả vợ con lên lập làng mới ở xã Nghĩa Hưng, huyện Nghĩa Đàn. Huyện này thuộc địa phận Phủ Quỳ, từng nổi tiếng là ma thiêng nước độc: Phủ Quỳ đi có về không. Mồ xanh vợ để tang chồng là đây! Vài gia đình lên đó định cư, làm nhà đàng hoàng, rồi bỏ về. Trong bối cảnh như vậy, mình “xung phong” lên, dựng một cái lều nhỏ, mở một hiệu may khiêm tốn, chắc là không ai động chạm đến mình.   
Anh chưa kịp thổ lộ điều này vơí cha thì cha đã chờ anh thức dậy để nói :   
“Hiền này… Cha nói thật với con một điều… Từ khi con giải ngũ đến nay,làm cái gì cũng bị người ta cản trở. Con đã xoay xở đủ cách mà không xong. Đến việc mở hiệu may, con đã thu gom tất cả tài sản để mua sắm đồ nghề, ra Hà Nội học. Làm ăn đang khấm khá thì bị người ta chặn lại. Để đỡ uổng công con, cha nói thật, biếu mỗi ông lãnh đạo một ít tiền”.   
“Biếu tiền?…”   
“Phải biếu tiền chứ con. Ai mà chẳng biết con đụoc nhà nuoc cho một cục tiền trước khi về. Con chưa hề biếu ai một đồng nào cả. Thằng nào làm quan mà chẳng thích tiền, quan to ăn to quan nhỏ ăn nhỏ… Phải biếu con ạ, nhất là mấy ông chủ chốt, bí thư Đảng uỷ, bí thư chi bộ, chủ tịch xã, chủ nhiệm hợp tác xã. Con chịu khó nghe cha. Nếu con không dám cầm tiền đến nhà biếu, thì để cha làm việc đó”.   
“Biếu tiền?… Con muốn xoay cách khác. Xã đang kêu gọi dân đi khai hoang ở Nghĩa Đàn. Con định lên đó làm vài ba năm. Chắc là họ để cho mình yên. Lên đó chịu khổ một chút, nhưng khách hàng thì đông. Hai nông trường, ba nông trang, công nhân đông, bà con nông dân cũng đông. Hầu hết là thanh niên, thích ăn mặc kiểu tân thời. Thợ may lại hiếm. Chứ bây giờ cầm tiền đi biếu ông này bà nọ, nhục lắm…”   
“Chịu khổ một lúc còn hơn chịu khổ vài ba năm”.   
“Biếu tiền?… Biếu lần này họ lại vòi lần khác. Chi bằng chịu khổ mấy năm để được thảnh thơi”.   
\*   
Cuộc di chuyển này quả quá cực nhọc! Lỉnh kỉnh những máy khâu, hòm đựng đồ nghề, hộp kim chỉ, bì đựng vải vóc, va li đựng quần áo và tư trang. Các thứ đó đựơc chuyển xuống thị trấn Diễn Châu cách nhà sáu kilômét, rồi lên ô tô đi thị trấn Thái Hoà. Từ bến xe Thái Hoà, lại lích kích mang vác đồ đạc cuốc bộ tìm nhà trọ. Vã mồ hôi muối.   
May quá! May qua một đồng đội cũ gặp anh ở Thái Hoà, nhận ra anh và mời về nhà nghỉ ngơi. Người đồng đội này trước kia là đội viên của trung đội quân địa phương Diễn Châu do anh chỉ huy.   
“Có phải Chiến không?”   
“Đúng rồi em là Chiến, Chiến béo đây mà. Cả trung đội có hai Chiến, các bạn gọi Chiến kia là Chiến gầy, còn em là Chiến béo. Thủ trưởng nhớ ra chưa?”   
“Nhớ rồi…”   
“Sau khi thủ trưởng ra Việt Bắc mấy tháng, em được điều vào quân chính quy, chiến đấu ở vùng chiến trường Bình Trị Thiên. Đến cuối cuộc kháng chiến,em bị thương. Điều trị khỏi vết thương, em về nhà sản xuất nông nghiệp. Em mới đưa vợ con lên đây đựơc dăm tháng, tham gia phong trào khai hoang ấy mà… Thế thủ trưởng lên đây làm gì?”   
Thấy người chiến sĩ cũ của mình vồn vã và nhiệt tình, anh ứa nước mắt:   
“Mình cũng lên tham gia phong trào khai hoang”.   
“Thủ trưởng khai hoang ở đâu?”   
“Ở Nghĩa Thịnh”.   
“Nghĩa Thịnh xa lắm, heo hút lắm. Muốn lên đó phải qua nhiều đèo và ngồi đò qua một con sông. Thủ trưởng không đủ sức đâu. Khổ quá, hồi ấy thủ trưởng phi ngựa như bay mà bây giờ lại phải cuốc bộ thế này. Hay là… hay là… em nói thật, thủ trưởng cứ ở lại đây với em. Nhà em mới dựng bên sông Hiếu. Một cháu mới bảy tuổi. Nhà rộng lắm. Em dành cho thủ trưởng một gian. Chắc là thủ trưởng mang cái máy khâu này lên để may chứ gì. Nếu thế thì thủ trưởng đặt máy khâu ở nhà em cũng được. Thủ trưởng đồng ý chứ? Gớm, bất ngờ gặp thủ trưởng em mừng quá. Em nhớ như in dáng thủ trưởng phi ngựa như một chiến mã xông pha chiến trường…”   
Câu nói hồn nhiên của người chiến sĩ cũ bỗng nhiên đánh thức mạnh mẽ những kỷ niệm đồng đội trong anh. Anh quay mặt cầm mùi soa lau nước mắt…   
Anh suy nghĩ bâng quơ: hình như trời đất xui khiến anh, ban phát cho anh được những người tốt giúp đỡ khi gặp những điều bất trắc trên đường đời. Không phân vân, giữ ý, anh theo Chiến về nhà và ở lại đó mở hiệu may.   
Thị trấn Thái Hoà trước đây là huyện lị của Phủ Quỳ, nay là huyện lị Nghĩa Đàn. Đất nước bước vào kế hoạch năm năm lần thứ nhất, Thái Hoà như một cô gái đang tuổi dậy thì. Phố xá hăm hở mở ra giữa bốn bề đồi núi. Tuy còn tranh tre nứa lá nhưng trong mình nó như mang đầy sức sống, phơi phới và vô tư. Cửa hàng mậu dịch xây tường vôi, lợp ngói đỏ và con người ở đây tập làm quen với việc xếp hàng để mua diêm, chỉ, vải, theo ô phiếu.   
Xung quanh thị trấn mở ra mênh mông nông trường Đông Hiếu, Tây Hiếu. Cà phê và cam xum xuê trái ngọt. Nông trang “12 tháng 9” - mang tên ngày Xô Viết Nghệ Tĩnh - mở ra ở phía Tây Nam. Các trại khai hoang của dân từ miền xuôi lên ngổn ngang nhà cửa, chặt cây đổ ngả nghiêng. Những mảnh rừng xanh cố thủ được thay bằng những bãi sắn xanh um.   
Ngôi nhà của Chiến ở gần bờ sông Hiếu, hoa phượng nở đỏ bên sông. Những con thuyền hối hả sang ngang chở khách từ miền xuôi lên, từ miền ngược xuống. Hiệu may nhỏ bé của anh Hiền càng ngày càng đông khách. Ngày Chủ nhật, gái trai từ nông trường ra, từ nông trang vào, từ trại khai khoang và bản làng kéo nhau ra thị trấn chơi. Ngoài cửa hàng mậu dịch hai nơi đông người nhất là hiệu ảnh “Sông Hiếu” và hiệu may anh Hiền. Người làng Hậu Luật lên lập làng mới ở Nghĩa Hưng cũng kéo xuống chơi và may quần áo. Anh không ngờ ngay từ đầu khách hàng mang vải đến may lại đông đến thế, niềm vui thắp lên trong anh một điểm sáng nhỏ giữa vùng ánh sáng vừa mới hừng rạng đông giữa nơi núi non trùng điệp, nơi mà mấy đời cha ông mình lên làm thuê làm mướn để rồi lúc trở về mang theo bệnh cổ trướng và bệnh sốt rét vàng ệch da. Tuy xa gia đình, xa bố mẹ, vợ con nhưng anh Hiền thấy vui cái vui nhộn nhịp của vùng kinh tế mới tràn vào và cái vui thầm lặng của gia đình người chiến binh cũ đã cứu mạng anh. Tiếng đồn hiệu may ông Hiền phát đạt lan ra cả thị trấn Thái Hoà rồi lan xuống cả vùng quê Hậu Luật, một số cán bộ xã nói “Ông Hiền đi khai hoang mà như ông hoàng, bà con ta lên trên đó phát nương phất rẫy nhễ nhại mồ hôi suốt ngày, ông Hiền thì ngồi một chỗ, không phải một nắng hai sương, lại có người cơm bưng nước rót. Bất công quá!” Thế rồi lời qua tiếng lại trong một số cuộc trò chuyện tay đôi, tay ba của mấy đồng chí có trách nhiệm:   
“Lão ta lại nhoi lên được rồi!”   
“Tư tưởng bóc lột vẫn còn rất nặng trong đầu óc lão”.   
“Những phần tử bất mãn, thoái hoá như lão phải trừ cho tận gốc!”   
“Nhân dân phải ăn đói mặc rách để tiến lên chủ nghĩa xã hội, còn cái lão ấy thì cứ phởn phơ toạ hưởng!”   
Tâm lý đố kỵ nhỏ nhen của tiểu nông cộng với tư tưởng “húp cháo chung” của bệnh ấu trĩ tả khuynh, đã tạo ra cách nhìn kỳ quặc trong một số cán bộ lãnh đạo: anh Hiền lại bắt đầu bị dòm ngó, soi mói!   
Và một tấn bi kịch mới lại bắt đầu mở ra trước mặt anh!   
Tấn bi kịch đó khởi sự từ một buổi sáng bình thường như bao buổi sáng khác, khi anh nhân viên thuế của thị trấn bước vào:   
“Theo lệnh của cấp trên, từ nay bác phải đóng thuế”.   
“Sao lại bảo người đi khai hoang xây dựng vùng kinh tế mới được miễn thuế ba năm?”   
“Cháu chỉ làm theo lệnh của thủ trưởng cơ quan. Bác có ý kiến thắc mắc cứ đến gặp thủ trưởng cơ quan cháu”.   
Anh Hiền chắt lưỡi một tiếng, rồi ngừng ngay, pha cà phê mời cậu nhân viên thuế uống:   
“Ít ra thì cũng phải hai năm, bác mới lên sáu tháng đã thu thuế. Cháu về nói với ông thủ trưởng là ông đã làm sai quy định của nhà nước”.   
“Thôi thôi… bác đến nói. Cháu mà nói thì ông ấy mắng cháu như tát nước vào mặt”.   
Hai bác cháu ngồi trò chuyện thân mật:   
“Cháu học lớp mấy?”   
“Cháu tốt nghiệp lớp bảy. Nhà cháu nghèo lắm, không đủ ăn để học tiếp”.   
“Cháu làm ở đây có vui không?”   
“Chẳng có gì là vui bác ạ. Cháu làm gì không vừa ý là ông thủ trưởng chửi té tát. Cháu thấy nhiều người nộp thuế chậm ông ấy cũng chửi mất mặt. Phép vua thua lệ làng bác ạ. Theo cháu nghĩ là bác cứ nộp cho xong chuyện. Hay là bác biếu ông ấy vài bộ quần áo là ông ấy miễn thuế. Cháu nói thật đấy mà. Hàng tháng ông ấy giao cho cháu đi thu thuế, thu không được là ông ấy trừ lương. Cháu phải cúi đầu mà chịu… Cháu xin phép bác cháu không biết uống cà phê. Cháu còn phải đi…”   
Thấy cậu bé mới chừng mười tám tuổi, tình nết thật thà, xởi lởi, anh Hiền đưa tiền thuế, nếu không cậu ta sẽ bị trừ thưởng trừ lương.   
Và từng màn từng lớp của tấn bi kịch lại diễn ra đúng như lần trước: tháng thứ hai, tháng thứ ba, tháng thứ thứ tư, thuế tăng dần.   
Chịu sao nổi, trời ơi! Anh vò đầu bứt tóc, cau mặt, đi ra đi vào, hai bàn tay nắm chặt.   
Có lúc anh như người bị ma ám, bất thình lình đấm một cú thật mạnh. Đấm vào ai? Đấm vào không khí! Cái định kiến vô lý, cái định kiến bịa đặt, cái định kiến tưởng tượng “phần tử bất mãn”, “phần tử chống đối” như một mũi tên độc ác cứ truy đuổi anh đến tận cùng. Nếu đó là mũi tên có thật, mũi tên hiện thành hình thành dạng, anh có thể tìm cách cản lại. Đằng này, nó lại vô hình như một bóng ma, chờn vờn, ẩn hiện, và có thể bất thình lình nhập vào người anh. Mũi tên đó không rõ rệt là người này bắn ra hay người kia bắn ra, không bắt được quả tang là ai bắn. Ấy vậy mà mũi tên làm việc rất có hiệu quả, hiệu quả đến kỳ diệu!   
Nửa đêm nằm mê sảng, anh vùng dậy, kéo đứt cả dây màn, chạy lao ra sân, hét thất thanh “Xung phong!” Chiến đang ngủ say cũng bừng tỉnh dậy:   
“Thủ trưởng làm sao thế?”   
Vợ Chiến cũng hốt hoảng chạy ra:   
“Bác Hiền làm sao thế?”   
Sau một phút định thần, anh gượng cười:   
“Tớ nằm mê thấy đang tấn công lên đồi A1!”   
Những cơn mê sảng như thế đến với anh càng ngày càng nhiều hơn trong giấc ngủ, những cơn thảng thốt cũng thường đến với anh ngay trong lúc anh đang thức.   
“Anh phải về quê thôi em ạ”, anh nói với Chiến bằng một giọng buồn rầu, trầm trầm, và không có vẻ gì là quan trọng, như lẽ tất nhiên là “anh phải về quê thôi em ạ”.   
“Anh phải về quê thôi em ạ…”   
“Thủ trưởng đừng về. Em tính thủ trưởng cứ bốc cả gia đình lên đây cuốc xới cả đất đồi, trồng ngô trồng sắn, cũng tạm đủ sống. Em sẽ vào rừng lấy gỗ lấy nứa dựng cho thủ trưởng một ngôi nhà. Chẳng cần may vá nữa, thủ trưởng làm vườn, bác gái đi trồng ngô trồng sắn. Anh em ở cùng nhau cho vui, nhà em cũng quý thủ trưởng…”   
“Anh phải về quê thôi em ạ…”   
Nơi nương thân cuối cùng của anh là làng quê! Anh đã đi mọi phương trời, đã xoay đủ cách để sống, sống một cuộc sống bình thường như hàng triệu con người bình thường. Nhưng chạy trời không khỏi nắng. Vận hạn rủi ro đến tận cùng, rủi ro thì gửi nắm xương vào lòng đất quê hương. Nơi đó có sự đùm bọc của những người máu mủ, của bà con thân thuộc họ hàng, làng xóm. “Anh phải về quê thôi em ạ”…   
Anh về quê…

**Võ Văn Trực**

Cọng Rêu Dưới Đáy Ao

**Chương XIV**

Quẫn

Không hề bộc lộ một phản ứng gay gắt nào, anh đặt chiếc va ly đựng quần áo và tư trang xuống góc nhà, đặt cái bọc đựng vải vóc xuống góc nhà, đặt cái hộp đựng đồ nghề vào góc nhà. Rồi đứng nhìn các thứ đồ đạc ấy. Rồi bước ra hiên, rồi bước ra sân. Rồi đi ra vườn. Rồi lại quay vào nhà. Rồi lại đứng nhìn các thứ đồ đạc ấy. Chỉ nhìn thôi. Không suy nghĩ, không lo toan, không dự định.   
Mệt mỏi sắp xếp một vài thứ đồ dùng cần thiết, chợt thấy chiếc ba lô bị thủng, anh đặt dưới mũi kim, chồng mảnh vải lên rồi vá. Vá kiểu hai vai áo Vệ quốc đoàn hồi kháng chiến. Chân anh đạp máy chạy, và cái mũi kim cứ nhảy lên nhảy xuống đều đặn khâu những đường chỉ thành vòng tròn. Vòng tròn hẹp dần cho đến tận cùng vào tâm điểm, rồi đường chỉ lại mở rộng dần ra cho đến tận vòng ngoài cùng rồi đường chỉ lại hẹp dần cho đến tận cùng tâm điểm… Cứ như vậy, lặp đi lặp lại nhiều lần. Một miếng vá nhỏ bằng bàn tay mà anh khâu đến hàng tiếng đồng hồ, cho đến khi miếng vá dày cộm lên.   
“Chú Hiền lại mang máy về nhà may!” Bà con báo cho nhau biết như một tin thời sự nhất của thôn xóm. Lác đác vài ba người mang vải đến may áo may quần. Anh không nhận. Có người năn nỉ lần này lượt khác anh cũng không nhận. Vạn bất đấc dĩ anh mới may quần áo cưới cho một cặp gái trai nào đó sắp làm lễ thành hôn. Họ trả tiền anh nói “trả bao nhiêu cũng được”. Thỉnh thoảng anh nhận may cho một người trong họ tộc, không lấy tiền. Bà con lại tìm cách trả cho anh với lời lẽ khéo léo:   
“Cháu nó làm được cân nếp, đem biếu chú”.   
“Cha cháu vừa ở Phủ Quỳ, mang được hai chai mật ong bảo cháu mang biếu bác một chai”.   
“Nhà cháu về nghỉ phép đem theo một cân cà phê. Cháu không biết uống, chú lấy mà dùng”.   
Mỗi ngày chiếc máy khâu hoạt động chừng vài tiếng đồng hồ, mũi kim nhảy lên nhảy xuống đều đặn. Tiếng máy lách tách đều đều buồn tẻ.   
Thừa thãi thời gian, thừa thãi sức lực, thừa thãi trí tuệ, anh thường ra chơi ở quán cắt tóc của ông Phan, nghe người này người kia nói dăm ba câu chuyện vu vơ. Nhưng anh chỉ ngồi nghe như thế được chừng dăm hôm. Ngứa ngáy chân tay, ngứa ngáy đầu óc, anh lại nghĩ ra một việc gì đó để làm. Làm một việc gì không thu lại nhiều tiền, không mang tiếng là “giàu hơn người khác”.   
Sao mình lại không cắt tóc như ông Phan? Cắt vào buổi trưa, cắt vào buổi chiều, cắt vào buổi tối, mọi người nghỉ ngơi sau khi mệt mỏi cày cuốc ngoài đồng.   
Nghĩ ra việc là anh triển khai ngay, xuống ngã ba Diễn Châu, lên ô tô đò, vào Vinh mua dao kéo, tông đơ, lược, xà phòng, gương. Chẳng cần quảng cáo ầm ĩ, sẵn có ông thợ cắt tóc gần nhà là người làng rủ nhau đến. Trưa mùa hè đặt cái ghế dưới khóm tre đầu ngõ vừa cắt tóc hoặc xem cắt tóc vừa nói chuyện phiếm. Vui mà lại gọn việc, muốn để tóc dài thì anh lại để tóc dài, muốn để tóc ngắn lại để tóc ngắn, muốn húi cua thì lại húi cua. Con gái muốn sửa tóc mái cũng được, chiều tất mọi người. ông thợ này dễ tính lắm, chẳng phải là ông thợ muốn câu khách, mà cốt sao cho vui.   
“Ông Hiền cắt tóc đẹp ra phết! Chẳng kém gì ông Phan”, người làng bàn tán như vậy. Trời phú cho tư chất thông minh, học theo người khác rất nhanh. Anh lại dễ tính, ai đưa mấy hào cũng được, ai cắt chịu cũng được. Ai quên thì thôi, khóm tre đầu ngõ dân dần trở thành một tụ điểm để bà con đánh trâu ngồi nghỉ ngơi, hóng gió nồm và hả những cơn tức giận lặt vặt. Họ nói với nhau về ông chủ nhiệm này ăn hối lộ, ông chủ nhiệm kia bắt kế toán viết phiếu chi tiền để làm nhà, ông đội trưởng này cứ rình nhà ai có giỗ là vờ vào gọi đi họp để ngồi chén, ông đội trưởng kia gian lận ghi tăng công điểm công nợ. Rồi họ đọc những câu ca mỉa mai: “Mỗi người làm việc bằng hai để cho chủ nhiệm mua đài mua xe, mỗi người làm việc bằng ba để cho chủ tịch xây nhà xây sân…”   
Tiếng đồn lên đến tai Đảng uỷ và lên đến cả huyện: ông Hiền mở hiệu cắt tóc để làm nơi tụ tập cho cho bà con nói xấu chính quyền, nói xấu chế độ.   
Có người mách lại với anh. Anh lập tức dẹp ngay cái công việc cắt tóc. Lãnh đạo xã chưa kịp bàn biện pháp trừng trị thì anh đã tự “trừng trị” mình trước.   
Buổi trưa. Bình thường như những buổi trưa khác. Lục tục người kéo đến khóm tre bác Niệm phành phạch quạt mo. Chú Nhân vắt áo trên vai, chú Thọ đánh trần trùng trục… Có cả các bà: bà Nghi, bà Hao, bà Luyên, bà Nhuyên… mặc kệ các ông các bà nói chuyện trên trời dưới đất, anh Hiền phủi sạch ghế đẩu:   
“Nào, chú chắt Tồn, tôi ưu tiên cả buổi trưa này dành cho chú, cái đầu của chú phải đẹp nhất làng”.   
Chú chắt Tồn cởi cả áo, ngồi ngay ngắn. Anh cầm tông đơ húi một đường từ trước trán qua đỉnh đầu ra sau gáy, rồi lại húi một đường từ thái dương bên này qua đỉnh đầu sang thái dương bên kia tạo thành một hình chữ thập trắng hếu. Chú chắt Tồn giật nẩy mình: “anh cắt kiểu gì lạ thế”? Mọi người cũng trố mắt nhìn:   
“Ô! Kiểu đầu lạ quá!”   
“Một kiểu tóc độc đáo nhất thế giới!”   
“Kiểu đầu này là kiểu Mỹ hay kiểu Tây!”   
“A, đầu sư, đầu sư cụ!”   
Anh Hiền ngừng tay cười:   
“Tôi chọn cái đầu chú chắt Tồn để cắt tóc một lần cuối cùng. Sau cái đầu chú chắt Tồn, tôi bỏ nghề cắt tóc. Ba tháng sau, bốn tháng sau, năm tháng sau, chú mới phải đi cắt tóc. Chú giữ cái đầu trắng để làm kỷ niệm. Nào chú ngồi im để tôi cắt tiếp”.   
Anh cầm tông đơ húi sạch trơn cả cái đầu chú chắt Tồn y như đầu sư, rồi biếu luôn cả cái tông đơ. Việc đã rồi, chú chắt Tồn không hề tỏ ý tức giận, mà lại còn tỏ ý khoái chí: “mùa hè đầu trọc cũng mát”. Mới hôm qua, mới sáng nay, mới lúc nẫy cái đầu của chú vãn còn xanh tóc rẽ ngôi, bỗng chốc sạch trơn như củ chuối. Chú vác cái đầu trọc sang chơi nhà này nhà kia rồi đi họp đội, đi làm đồng, chú cũng vác cái đầu trọc ấy. “Đây là cái đầu cuối cùng trong nghề cắt tóc của anh Hiền. Cắt xong, anh ấy còn cho tôi cả tông đơ”, nghe chú nói, có người ngầm hiểu được cái éo le của tâm lý anh, chạnh lòng thương…   
Chiều hôm ấy, anh đem cho tất tần tật mọi dụng cụ cắt tóc: người thì cái kéo, người thì cái dao, người thì cái lược… rồi trải chiếu dưới gốc khế đầu hồi nhà, nằm thượt như một cái xác, đầu gối lên hòn gạch, anh muốn ngủ một giấc thật dài nhưng không ngủ được. Mấy đứa nhóc hàng xóm trèo lên cây duối xem anh ngủ như một người kỳ lạ. Chúng nó chạy về mách với bố mẹ: “Bác Hiền nhắm mắt ngủ mà mặt cứ nhăn nhúm lại, hai bàn tay nắm chặt, răng nghiến kèn kẹt, nước mắt chảy ra ròng ròng”.   
Mỗi ngày chiếc máy khâu hoạt động chừng vài tiếng đồng hồ, mũi kim nhảy lên nhảy xuống đều đều. Tiếng máy lách tách, đều đều buồn tẻ…   
Hôm nay anh may tấm áo bằng vải bạt cho bà Nhuyên mặc đi cấy vào mùa rét. Gọi là áo, nhưng không có ống tay, không có khuy chỉ là một tấm vải dày và rộng, vừa đủ che phía trước và phía sau, có lỗ ở giữa để chui đầu. Tấm vải bạt này anh đem từ Việt Bắc về, để quên trong đáy hòm, lục ra thấy cứt gián bám đầy, anh đem giặt và phơi nắng. Nhân bà Nhuyên mang mấy cái áo rách, nhờ anh rọc những mảnh lành, chắp lại chồng hai tầng may thành chiếc áo dày để mặc lúc ra đồng cấy lúa, anh chợt nhớ tới tấm vải bạt.   
“Bà cầm về cái mớ bùi nhùi này, tôi biếu bà một cái áo rét vừa ý bà”. Anh cắm cúi may. Đường kim chạy quanh mép vải, rồi chạy ngang chạy dọc, chạy lên chạy xuống. Niềm vui nho nhỏ, niềm vui tẩn mẩn trong người anh cứ hiện dần thành hàng chục, hàng trăm đường chỉ, làm cho tấm vải dày cộp như tấm mo nang…   
“Ông Hiền ở nhà không?”   
Nghe tiếng người bạn thân từ Yên Thành xuống, anh ngó đầu nhìn ra:   
“Vào đây!”   
Anh pha nước cho bạn uống, rồi ra sân nhìn cái xe đạp cọc cạch của bạn, lặng lẽ quay vào xách cái hộp gỗ dưới gầm giường.   
“Ông làm gì đấy?”   
“Tôi sửa cái xe đạp cho ông để ông đi cho nhẹ”.   
“Ờ hay nhỉ, bây giờ tôi mới biết ông Hiền chữa xe đạp”.   
Mấy tháng nay anh mua bộ đồ nghề chữa xe đạp. Chẳng cần ai hướng dẫn, cứ tò mò táy máy, bàn tay anh trở nên thành thạo. Cũng biết vá săm, cũng biết khâu mép lốp. Biết thay má phanh, riết dây phanh. Rồi cũng biết thay nan hoa và cân vành… Nghĩa là anh có thể mầy mò sửa chữa hầu hết các bộ phận của một chiếc xe.   
Trong làng hiện có hơn mười chiếc xe đạp, hai xe tương đối tốt của hai ông cán bộ. Còn lại toàn là xe tòng tọc dùng để đi buôn chè, chở cát, chở củ nâu, thậm chí còn dùng để chở đá bán cho các gia đình xây nhà. Sau mỗi chuyến thồ thế nào cũng có xe hỏng. Họ lại dắt xe đến nhờ anh chữa. Có người nhờ chữa xe là anh thích lắm, chắc chắn không phải thích vì được tiền, mà thích vì được làm việc, được nâng tay nghề. Một trường hợp nào bị hỏng phúc tạp, kỳ cạch chữa được là anh mừng ra mặt. Anh cưỡi lên xe, đạp một vòng quanh sân, có khi cao hứng đạp một vòng quanh làng, không có gì trục trặc là anh sung sướng trao xe cho khách: “Thử làm một chuyến thồ chè xanh từ Đô Lương về, nếu thấy tốt thì chú hãy đưa tiền”.   
Bạn bè vào chơi, trước hết anh xem cái xe đạp xem có hư hỏng gì, anh chữa xong mới ngồi nói chuyện. Trường hợp hỏng nhẹ thì không sao, nhưng có trường hợp xe quá cọc cạch, ngứa mắt không chịu được, anh sửa cho hoàn chỉnh: lắp pê-đan, thay chắn bùn, thay dây phanh, thậm chí thay may-ơ… Bạn trả tiền anh bảo “quà của tôi tặng ông”.   
Tình cờ anh bạn ở Yên Thành đi Vinh, định rẽ vào chơi với anh một chốc rồi đi tiếp. Không ngờ anh ngắm nghía cái xe rồi tháo tung để lau dầu mỡ mãi đến tận tối mới xong. Anh bạn đành phải ngủ lại, một sự tình cờ lại hoá may. Anh Hiền bắt bạn ngồi lên xe đạp một vòng quanh sân xem đã vừa ý chưa. “Hết ý ông ạ, nhẹ như cái xe mới toanh”.   
Lại một hôm khác có người bạn từ Quỳnh Lưu vào chơi, run rủi thế nào mà cái còi xe máy bị hỏng, anh tí toáy chữa rồi bóp thử, còi vẫn không kêu, lại tí toáy chữa toát mồ hôi.   
“Thôi Hiền ạ, chốc nữa tôi xuống ngã ba Diễn Châu, thợ họ chữa một chút là xong thôi mà”.   
“Tôi đã mó tay vào rồi thì phải làm kỳ được”.   
Và anh hì hục chữa tiếp, chữa cho đến khi còi phát ra tiếng kêu.   
Từ đó anh nảy ra ý sắm đầy đủ bộ đồ nghề sửa xe máy. Cả làng Hậu Luật chỉ mới có một chiếc xe máy của chú cu Xí. Mà cũng không mấy khi chú có ở nhà. Chú thường xuyên lên nông trường Tây Hiếu để tìm nguồn hàng, mỗi tháng ở nhà vài ngày, chẳng cần nhờ anh chữa xe. Vậy thì anh sắm đồ nghề để làm gì? Chẳng làm gì cả, chẳng có mục đích. Không có ai mang xe đến sửa thì anh lại xách bộ đồ nghề ra sân, ngồi một mình đập miếng sắt này, giũa tấm thép kia. Mỏi tay thì ngồi nghỉ tại chỗ, cuộn thuốc lá hút, rồi lại đập đập, mài mài, ngắm ngắm nghía nghía. Lắm lúc dường như hai cánh tay anh làm việc không phải do sự điều khiển của bộ óc, mà là do bản năng đòi hỏi được lao động.   
\*   
Mỗi ngày chiếc máy khâu hoạt động chừng vài tiếng đồng hồ, mũi kim nhảy lên nhảy xuống đêu đều, buồn tẻ. Tiếng máy lách tách đều đều buồn tẻ…   
Hôm nay anh xé bộ quần áo cũ hồi ở Việt Bắc để máy túi đựng sách cho cháu đi học. Quần áo đã sờn nhưng lọc ra từng mảnh để chắp lại thành cái túi thì còn tốt chán. Anh may thành hai ngăn: một ngăn để sách vở, một ngăn để bút mực, bút chì, thước, tẩy. Ngồi may mỏi lưng, anh lại chuyển sang việc khác: thổi lò rèn. Tuổi ấu thơ, anh học ở trường tiểu học Thái Xá. Cạnh trường là chợ Mới. Góc chợ có lò rèn của cố Nuôi, cứ trống điểm ra chơi là anh chạy vù ra lò rèn, mê mải xem thằng Nuôi thụt bễ và cố Nuôi ngồi gõ búa lên đe. Anh về đòi cha cho bỏ học để được đi thụt bễ như thằng Nuôi… một kỷ niệm vu vơ chợt đến với anh, và một ý định vu vơ cũng ùa đến ngay lúc đó: Mình thử mở lò rèn xem sao! Cái gì mà chẳng làm được, giờ lại đang thừa thì giờ, thừa sức lực. Một ý định chừng như ngộ nghĩnh và điên rồ, thế mà anh làm thật. Lấy đất sét ngoài ruộng để đắp lò, nhưng không làm được ống bễ, anh dùng quạt mo cau để quạt lửa. Mấy đứa bé đến chơi, thấy vui vui cũng cầm quạt để quạt than…   
Ở Hà Nội tôi nhận được bức thư của anh dặn tôi mua một cái quạt con cóc. Có phải dễ dàng mà mua được đâu, hàng hiếm, mậu dịch bán phân phối về từng cơ quan. Nghĩ thương anh, tôi chờ công đoàn cơ quan nhận hàng và nài bán cho tôi cái quạt con cóc giá 35 đồng rồi mang về tận nhà. Dạo đó làng lại vừa mới có điện, tuy điện phập phù lúc có lúc không nhưng cũng là dịp tốt để anh thể nghiệm dùng quạt điện thổi lò.   
Khởi đầu công việc, anh nhặt nhạnh tất cả dao cùn vứt lung tung ở xó nhà, góc bếp, gầm giường, rèn giũa lại. Thành công được cái dao đầu tiên, anh đưa cho mẹ thái rau lợn. Mẹ cầm con dao bật chợt nấc lên một tiếng, rồi gục mặt xuống đầu gối. “Tội nghiệp con quá, con làm hết việc này đến việc nọ mà chẳng nên cơm cháo gì. Thôi cũng được, con cứ làm luôn tay luôn chân còn hơn ngồi không, ngồi không người nó ì ra. Nghĩ ngợi lung tung sẽ sinh ra bệnh này bệnh nọ. Mẹ nẫu gan nậu ruột những tưởng nuôi con khôn lớn để nhờ vả con, ai ngờ… ai ngờ gần mười năm nay, cửa nhà lục đục, sa sút bắt đầu từ việc nó bỏ cơ quan nhà nước. Nó nhận ra lỗi lầm của nó, thế mà người ta cứ truy bức nó mãi. Chỉ mong sao nó làm được việc gì đó ổn định, đừng ai soi mói bắt bẻ nó, để mẹ sống yên tuổi già”.   
Mẹ cầm con dao anh trao mà chỉ thấy buồn, chẳng vui một chút nào. Nhưng anh, anh thấy vui thật sự. Mình tự làm ra sản phẩm để dùng sao không vui, mặc dầu niềm vui bột phát ấy có thể chỉ loé lên rồi tắt ngay.   
Làm xong con dao thứ nhất, anh lại làm con dao thứ hai, thứ ba. Anh ra sân nói vọng sang nhà bác Niệm: “Bác đem con dao cùn sang đây tôi rèn lại cho mà dùng”. Bác Niệm cầm sang con dao rựa. Anh Học Thảo, chú chắt Tồn, anh Học Phác cầm được con dao mót lúa lưỡi đã mòn vẹt đến quá nửa. Anh hì hục đập búa, rèn, giũa, mài. Cái quạt con cóc chạy vù vù thổi tung bụi than, khói bay mù mịt và bụi phủ đầy lên giường chiếu. Nóng quá anh đánh trần, mồ hôi chảy ròng ròng vết bụi, ánh lửa lò ánh lên da thịt anh gầy lép, chứ không căng phồng các bắp như cơ thể cố Nuôi cầm búa nện đe ở góc chợ Mới hồi trước. Không hiểu anh lao động mệt nhọc như thế để làm gì? Anh cũng không tự biết được mục đích việc làm của mình. Dường như anh làm để xả hơi, cũng có thể anh vung sức ra như một đứa trẻ hiếu động.   
“Bác Hiền ơi! Bác nung lại con dao cho em để băm củ chuối”.   
Nghe tiếng bà cụ Thọ, gương mặt anh tươi cười:   
“Bà đưa vào đây, tôi làm ngay bây giờ”.   
Anh nhìn con dao đã gỉ câm gỉ điếc từ đời nảo đời nào.   
“Được! Tôi làm lại được! Bà cứ về, lúc nào xong tôi sẽ cầm sang tận nhà”.   
Anh đổ thêm than vào lò. Cắm điện cho quạt chạy, nung đỏ lưỡi dao, cạo sạch gỉ rồi lại nung, rồi gõ búa, rồi nung, rồi gõ búa. Ngày thứ hai, ngày thứ ba, anh làm tiếp. Khi đã hình thành một lưỡi dao mới, không hiểu sao anh lại đập cho cả con dao ấy nhào lại một cục, rồi cầm búa đập dẹt ra và giũa thành một con dao mới. Ra thềm cuộn thuốc lá hút, anh nhìn theo làn khói có vẻ khoái chí. Hút hết điếu thứ nhất anh lại cuộn điếu thứ hai, hút hết điếu thứ hai anh lại cuộn điếu thứ ba. Trong người cảm thấy sảng khoái, anh vào lò, cầm con dao ngắm nghía, không hiểu tại sao anh lại đập cho cả lưỡi dao xoắn lại như một cái que, rồi cầm búa đập bẹp thành một lưỡi dao thuôn dài, sống dao dày thêm và gõ đều đều cho phía lưỡi thật mỏng và sắc…   
Niềm vui không mục đích ấy cũng lại tắt một cánh nhanh chóng như tàn thuốc lá. Lò nguội than. Đồ nghề nằm ngổn ngang, sắt vụn bừa bãi xung quanh cái lò bằng đất sét. Anh đứng nhìn chúng lộn xộn mệt mỏi như đống tàn binh thua trận, tất cả những đồ lề ấy được dồn vào một góc cùng với đồ nghề sửa xe máy và xe đạp, đủ loại, đủ cỡ: búa to, búa nhỏ, kìm to, kìm nhỏ, cờ-lê to, cờ-lê nhỏ, tua-nơ-vít to, tua-nơ-vít nhỏ…   
\*   
Mỗi ngày chiếc máy khâu hoạt động chừng vài tiếng đồng hồ, mũi kim nhảy lên nhảy xuống đều đều, buồn tẻ. Tiếng máy lách tách đều đều buồn tẻ…   
Nhưng rồi cái nhịp điệu buồn tẻ ấy cũng không còn nữa, anh bán máy khâu đi để sửa chữa nhà cửa.   
Tự tay anh đào một cái hố giữa vườn để nung vôi, rồi nhờ đứa cháu biết võ vẽ ít nhiều về nề, cùng với anh”mở công trường xây dựng”, kéo dài trong ba tháng. Khi đứa cháu bận việc đồng áng, anh lụi cụi làm một mình. Khi đứa cháu rỗi lại sang xây với anh. Hai bác cháu có vẻ ăn ý với nhau, đánh trần làm cật lực. Mẹ tôi không vừa ý về việc sửa nhà, nhưng thấy anh và đứa cháu làm vất vả, mẹ nấu nồi khoai lúc nửa buổi. Bác cháu nghỉ giải lao, ngồi ăn khoai và uống nước chè xanh.   
Mở đầu công việc, anh phá cái bệ thờ ở góc sân được xây từ thời ông nội để cúng trời. Vừa phá xong thì cha tôi bảo: “Nhờ cái bệ này mà nghề thuốc của ông được phát đạt, gia đình được thịnh vượng”. Anh không hề cãi lại một câu, lặng lẽ khuân gạch, khuân đá xây một cái bệ mới ngay tại vị trí cũ. Xây xong anh mua nải chuối, thắp hương khấn mời thần trời về ngự.   
Công việc tiếp theo là anh xây lại một bức tường thấp để ngăn cách sân với vườn. Đứa cháu lên Phủ Quỳ hái thuê cà phê nửa tháng, anh phải xây một mình. Ông cụ Thọ đến chơi, thỉnh thoảng lại hướng dẫn anh và cầm bay xây giúp. Quãng nào xây hỏng, anh giơ chân đạp đổ, rồi xây lại. Cần mẫn ngày này qua ngày khác cuối cùng bức tường thấp hình thành. Anh đứng ngắm thành quả lao động của mình, gật gật đầu nhìn bức tưòng rồi đưa mắt nhìn ra xung quanh như thể tìm kiếm một sự hoàn chỉnh vô vọng.   
Chưa vừa ý, anh xây thêm một đoạn tưòng phía bên trái để ngăn cách sân với chuồng trâu. Phía bên phải vốn trước đây có một bức tường để ngăn sân với vườn bác chắt Quý, anh đã phá đi cho thoáng đãng, nhưng hễ trời mưa to là đất vườn chảy sang, anh đành xây lại bức tường ấy nguyên như cũ.   
Mé ngoài sân phía trước, anh đào một cái giếng, không may gặp phải mạch nước mằn mặn chua chua, không dùng để nấu cơm, nấu thức ăn và uống được cũng chẳng sao, giếng này để giặt giũ, rửa ráy. Anh đào cái giếng khác ở sau nhà và xây thêm một cái bể cạn bên cạnh để dự trữ nước khi giếng bị khô mạch. Sát bến nước, anh xây phòng tắm nhỏ, lúc đầu phòng tắm mở cửa ở ngay bên giếng nơi đứng thả gầu xuống múc nước, mười hôm sau thấy bất tiện anh lại bịt cửa ấy và mở cửa khác lấp sau khóm cây.   
Đằng đẵng thời gian anh vung sức lực và trí não vào những việc loanh quanh luẩn quẩn, muốn dấn lên để những việc đó hữu ích, nhưng hữu ích làm sao được khi tâm trí anh đã quẫn mất rồi… à, anh nhìn cái đống rơm! Từ xửa từ xưa đến nay, người nông dân xây cây rơm ngay trên mặt đất, phần rơm dưới cũng bị mục nát, trâu bò không ăn được. Tại sao người ta không lót lớp đá trên đất rồi xây rơm lên? Như thế tiết kiệm được một ít rơm cho trâu bò ăn, một phát hiện mới của anh! Anh loay hoay khênh đá xếp thành một vòng tròn. Chuyển hòn đá sang bên này, chuyển hòn đá sang bên kia làm thế nào để các hòn đá khớp lại với nhau trên một đường kính chừng ba mét…

**Võ Văn Trực**

Cọng Rêu Dưới Đáy Ao

**Chương XV**

Bị khám nhà

   Dễ chừng anh đã hút đến năm, sáu điếu thuốc lá cuốn, hút hết điếu này cuốn điếu khác. Anh vừa hút vừa mê mẩn nghe hai cán bộ bộ đội nói chuyện với nhau, trong đó có một cậu tên là Thắng. Qua câu chuyện anh biết được hai cậu này ở quê huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ. Anh thấy trên cổ Thắng có một cái sẹo, nếu đúng cậu ta thuở nhỏ mang biệt danh là “Thắng sẹo” thì hồi kháng chiến chống Pháp anh đã từng đóng quân trong nhà. Anh vờ nói một tiếng vu vơ: “Thắng sẹo”. Thắng quay sang nhìn anh có vẻ tò mò: “Sao bác này lại biết mình là Thắng sẹo?” Anh mạnh dạn hỏi chuyện thì hoàn toàn đúng như anh dự đoán.   
  
“Thế bác là bác Hiền à?”   
“Vâng…”   
“Bác Hiền thật à? Sao cháu lại được gặp bác ở đây?”   
“Làng bác ở gần đây”.   
“Làng bác ở gần đây?”   
Anh chỉ tay:   
“Đấy… làng bác ở dưói chân núi Hai Vai. Hồi đóng quân trong nhà, bác vẫn thường kể cho cháu nghe sự tích ông thần Núi cháu có nhớ không, chính là núi này!”   
“Cháu nhớ rồi! Cháu nhớ rồi! Ai xui cho bác cháu mình lại được gặp nhau?”   
  
Cuộc gặp gỡ bất ngờ trong quán nước chè xanh bên đường số Bẩy hôm ấy đã trở thành” sự kiện” trong chuỗi ngày buồn tủi của anh, một “sự kiện” dẫn dắt anh đến một cuộc sống thoải mái hơn nhưng cũng mang anh đến với nỗi bất hạnh lớn.   
  
Cánh đây chừng mười lăm năm, Thắng mới mười một tuổi, đơn vị bộ đội đóng quân tại Hạ Hoàn, anh Hiền ở trong nhà Thắng. Tình quân dân thắm thiết, Thắng suốt ngày quấn quýt với các chú vệ quốc đoàn. Anh Hiền dạy hát, kể chuyện cổ tích cho Thắng nghe… Thế rồi anh Hiền cùng đơn vị ra chiến dịch. Gia đình Thắng không hy vọng có ngày anh trở lại. Thời buổi chinh chiến… Hai bác cháu gặp lại nhau tại quán nước hoàn toàn là một điều bất ngờ. Thắng thường rẽ vào nhà anh chơi, nhiều hôm ăn cơm và ngủ lại. Thắng không ngờ người đại đội trưởng năm ấy, đi giày chân chì, mặc áo bốn túi, mang súng lục, bây giờ lại sống khổ cực như thế này. Mỗi lần vào chơi, Thắng thường biếu anh một món quà có giá trị về vật chất: một cái chăn hoa, một cái màn tuyn, thậm chí cả tiền…   
  
Qua lại nhiều lần, Thắng đem lòng yêu mến cô con gái đầu của anh, tình cảm giữa bác cháu càng bền chặt hơn. Ngoài tình cảm đứa cháu với chú bộ đội năm xưa, còn cộng thêm tình cảm của bố vợ với con rể, Thắng chu cấp cho gia đình anh một số vật dụng cần thiết.   
  
Cuộc sống khốn khó của anh có lẽ dễ chịu hơn một chút, nhưng chỉ cần dễ chịu hơn một chút là anh đã cư xử rộng rãi với mọi người. Như một quán tính của phong cách thời kỳ tại ngũ, gặp bạn bè là anh moi đồng tiền cuối cùng trong túi để đãi nhau, bây giờ cũng vậy. Có một ít cà phê, ai đến anh cũng mời, kể cả những bác nông dân không biết uống cà phê. Có một chai mật ong, anh cũng mang cho người đau dạ dày, cho trẻ em sơ sinh đánh tưa lưỡi, cho phụ sản mất máu. Không có ai để cho thì anh gọi ông bạn láng giềng sang pha mật vào rượu cùng uống cho vui. Có một cân bột sắn dây, anh đổ tất tần tật vào nồi để nấu chè cả nhà cùng ăn, ăn không hết thì ai vào chơi anh cũng mời ăn một bát… Bá bắt được con lươn, mang đến cho anh để nấu ăn bữa tối, anh giữ kỳ được Bá ở lại cùng ăn, nể quá Bá đành nhận lời. Nhưng lúc ngồi vào mâm, anh rót rượu định vui với Bá vài chén, Bá chối đây đẩy: “Tôi có biết uống rượu đâu”. Anh đặt chén xuống, chạy sang gọi chú cu Thọ. Chú nghiện rượu, uống hết cả chai, anh chỉ uống hai lưng chén, nhưng anh cảm thấy vui lắm vì có người cùng “đối tửu” với mình.  
   
Do một thời gian dài đi đây đi đó, giao lưu nhiều với bạn bè, anh lấy cái vui của tình bằng hữu để làm một trong những điểm tựa của đời mình. Khi có tiền anh chi tiêu thoải mái cho đến hết thì thôi. Suốt mấy năm ở nhà, túng thiếu, sự giao lưu đó bị hạn chế, anh cảm thấy bức bối khó chịu như cái cống bị tắc, nay có được ít tiền anh lại buông ra, không có bạn hữu thì có bà con làng xóm. Cách chi tiêu đó hoàn toàn không phù hợp với tính cách của người làng tôi vốn tằn tiện từng đồng xu, từng hạt gạo. Một số cán bộ địa phương vào chơi được anh mời uống cốc cà phê, uống chén rượu, pha mật ong hoặc nhai kẹo mè xửng nhưng ra khỏi ngõ là thì thầm với người khác: “Cái lão Hiền này lấy tiền ở đâu ra mà ăn chơi sang như vậy”.   
  
Cái vòng đi luẩn quẩn của anh đã đến tột cùng luẩn quẩn. Chỉ trong chừng mười năm mà anh trải qua bao nhiêu nghề, làm bao nhiêu công việc khác nhau: cắt tóc, thợ xây, dậy học, viết khẩu hiệu, mở hiệu thuốc, sửa nhà… Có thời kỳ anh huy động toàn tâm toàn lực để trau dồi một nghề thật thành thạo là nghề thợ may, rồi cũng thất bại. Biết làm gì bây giờ? Khi đã đi đến cuối đường hầm của cái vòng luẩn quẩn, đầu óc anh chợt lóe lên tia sáng của lí trí, anh đã tìm được một công việc vừa nhàn nhã vừa thu được ít tiền, vừa có ích cho bà con địa phương. Gương mặt anh tươi tỉnh hẳn lên. Người có thể tin cẩn để anh trao đổi, bàn bạc là Bá.   
  
“Có lần tôi xuống Thịnh Mỹ chơi và dự một đám cưới thấy người ta dùng loa để hò hát, bà con rất thích và đến dự rất đông. Hỏi ra mới biết cái loa và bộ ăm-li là của người bạn thân của tôi. Ông bạn cho biết là bộ ăm-li ấy được dùng trong nhiều trường hợp, đám cưới nào cũng thuê. Đại hội Đảng bộ cũng thuê, đại hội xã viên cũng thuê, đội văn công xã cũng thuê trong các đêm biểu diễn… Tôi định mua một bộ ăm-li bác thấy có được không?”   
Bá hưởng ứng ngay lập tức:   
“Hay! Hay!”   
“Liệu có ai gây khó dễ gì không hả Bá?”   
“Chú nói buồn cười, chú làm một công việc có lợi cho cả làng, cả xã mà lại có người gây khó dễ. Với lại cả làng, cả xã này ai chẳng biết chú túng thiếu bây giờ chú sắm được bộ ăm-li người ta mừng cho chú.”   
Nghe Bá nói, anh Hiền càng yên tâm. Anh vào tận Vinh để tìm mua cho được một bộ ăm-li mang về. Chưa kịp nghỉ ngơi cơm nước gì anh đã bắc loa, mở ăm-li tiếng loa vang cả xóm. Mọi người kéo nhau đến đầy nhà đầy sân.   
“Chú Hiền có cái máy nói nghe rất to”.   
“Ông Hiền tài lắm chúng mày ơi! Cái máy của ông mở ra thì khắp xóm nghe được”.   
“Bác Hiền biết cắt tóc, biết máy may, bây giờ có cả máy nói chỉ cần ghé mồm vào nói nho nhỏ là cái máy phát ra hàng trăm người cùng nghe”.   
  
Tiếng đồn “ông Hiền có máy nói” loang ra khắp xóm, khắp làng, khắp xã. Chẳng hiểu là có lợi lộc gì không, có thu được đồng tiền, đồng nong nào không nhưng trước hết anh thấy vui. Anh vui với mọi người, mọi người cùng vui với anh, cái niềm vui ấy làm cho cuộc sống của anh bớt nặng nề. Anh mang bộ ăm-li đi thử trong một vài đám cưới. Người đến dự khá đông, chủ yếu là đến để xem “cái máy nói của ông Hiền”. Xúm quanh cái máy nói, ông Giản hát một bài dân ca, ông Định hát mấy câu vọng cổ, ông Việt lên giọng hát dăm câu tuồng trong vở “Thuý Văn Long”, ông Hoe Nghi gân cổ diễn lại vai Triệu Tử Long… Đám cưới kéo dài từ chập tối cho đến quá nửa đêm mọi người đã ra về, ông cu Đính vẫn rán ngồi thêm để thử lại giọng của mình có còn trong như hồi còn trai. Ông Đoàn Hệ vốn là con hát cũ đã bỏ nghề hơn ba chục năm không ngủ yên được, chạy tới ghé vào máy ôn lại mấy làn điệu trong vở chèo “Đặng Xuân”…   
  
Bà con lại càng đến chơi đông đúc ở nhà anh Hiền. Sắp đến Tết, Thắng biếu anh hai tút thuốc lá “Ba số”. Anh chẳng để dành cứ đặt giữa bàn ai đến cũng hút. Người này nói với người kia “Ông Hiền có thuốc lá Ba số từ nước Anh đưa sang ngon nhất thế giới”. Thuốc lá ngon nhất thế giới tội gì mà không đến hút một điếu cho khoái đời! Người này rủ người kia tới nhà ông Hiền để thưởng thức thuốc lá ngon nhất thế giới. Người đã quen hút thuốc lá đã đành, nhưng người chưa hề bao giờ ngậm điếu thuốc lá hoặc điếu thuốc lào cũng phì phèo một điếu ba số. Thậm chí có người cả đời chuyên rít ống điếu cũng xoè diêm châm lửa ngậm ba số. Điếu thuốc đang cháy dở, đặt xuống cầm ống điếu rít một hơi rồi lại ngậm ba số, rồi lại rít thuốc lào, rồi lại ngậm ba số, rồi lại rít thuốc lào, rồi lại ngậm ba số… Trong vòng dăm hôm là hai tút thuốc hết vèo.   
  
Chiều ba mươi tết Thắng về lại biếu bổ sung một tút nữa thế là anh Hiền vẫn có loại “thuốc lá ngon nhất thế giới” để tiếp tiếp khách trong ngày Tết. Bà con làng xóm chẳng tham lam gì điếu thuốc, nhưng tò mò muốn biết “thuốc lá ngon nhất thế giới” nó như thế nào, mùi vị nó ra làm sao, rít vào thì ngây ngất đến mức nào, kéo nhau đến chơi Tết. Anh Hiền pha cà phê mời họ nhấp một chút, rót rượu mời họ nhấp một chút. Tất cả đều nhạt nhẽo. Sự huyên truyền đánh lừa họ, cảm giác đánh lừa họ, họ thấy cái loại “thuốc lá ngon nhất thế giới” quả là tuyệt vời và hút một cách vô tư, mấy đồng chí cán bộ xã cũng đến chơi Tết và rít vài ba điếu cho vui, nhưng ra khỏi ngõ là thì thầm với nhau “cái lão Hiền lấy tiền ở đâu ra mà ăn chơi sang như vậy”. “Cái cậu Thắng hay lui tới nhà ông Hiền là bộ đội không quân thường xuyên đem xăng máy bay về cho ông Hiền để ông Hiền bán lấy tiền tiêu xài. Một lít xăng máy bay trị giá vài triệu đô la”. Tin tung ra thất thiệt, một đồn mười, mười đồn trăm, trăm đồn nghìn…   
  
Đùng đùng một buổi sáng mùa xuân năm 1984 anh Hiền bị khám nhà!   
  
Anh Hiền bị khám nhà!   
Anh Hiền bị khám nhà!   
  
Thành phần đội khám nhà bao gồm: trưởng công an huyện, trưởng công an xã, một đại diện đơn vị của Thắng. Chỉ dăm bẩy phút sau là tin đã truyền đi khắp làng Hậu Luật, rồi lan truyền sang các làng Vân Tập, Thanh Lý, Xuân Viên. Một tin thời sự hệ trọng và nóng hổi: anh Hiền trữ xăng máy bay bị khám nhà.   
  
Trữ xăng máy bay là tội nặng lắm, kho xăng máy bay của nhà nước có bộ đội tinh nhuệ đặc biệt bảo vệ suốt ngày suốt đêm, sao ông Hiền lại có. Thế mới biết là tay Hiền ghê gớm. Cái cậu Thắng ấy là bộ đội không quân, có lẽ cậu ta làm nhiệm vụ bảo vệ kho xăng. Nhưng cậu Thắng phải là chỉ huy đơn vị bảo vệ kho xăng thì mới lấy được xăng, chứ chiến sĩ trơn thì làm sao mà lấy được.   
  
Xăng máy bay là hàng quốc cấm, là mặt hàng tuyệt mật quân sự, tay Thắng dám liều mạng đánh cắp, gan thật! Loại xăng mà làm cho máy bay bay được trên trời đắt hơn vàng, nhà nước ta phải đem mấy cân vàng mới đổi được một cân xăng.   
  
Nghe nói quân đội ta tấn công vào Sài Gòn có phát hiện được kho xăng máy bay của Mỹ, một anh giải phóng quân thấy Nguyễn Văn Thiệu đang xoè bật lửa định đốt thì anh hô lên một tiếng rất to, Nguyễn Văn Thiệu nhảy lên máy bay trực thăng chuồn ra nước ngoài như chó cụp đuôi… Phen này thì chắc chắn ông Hiền phải ngồi tù mọt xương. Ông ta bị tù vì cái tội trữ xăng máy bay thì cả làng này không ai nhỏ một giọt nước mắt. Chẳng trách mấy lâu nay ông ta sống xa hoa, khi nào cũng có kẹo mè xửng, cà phê, rượu Tây, lại có tiền mua được bộ ăm-li, lại có cả loại thuốc lá ngon nhất thế giới…   
  
À, nghe nói cái kho xăng của thằng Mỹ ở Sài Gòn nằm sâu trong lòng đất mấy trăm mét chỉ có Bộ chính trị biết. Khi cần lấy xăng thì một đơn vị bộ đội đặc biệt cho vòi thọc sâu xuống rồi hút lên. Cho nên cái đám bộ đội đặc biệt ấy cũng không rõ đích xác cái kho xăng máy bay nằm ở chỗ nào. Đảng mình đưa người đến gác kho xăng là chọn kỹ lắm, xét lý lịch mấy đời, ba bốn cấp duyệt lý lịch, sao lại để lọt được vào cái tay Thắng. Tài giỏi như Liên Xô mà gián điệp Mỹ còn lọt vào được, huống hồ chi là ta…   
  
Đàn bà, đàn ông, cụ già, thanh niên, trẻ con đứng chật cả sân, đứng tràn ra cả ngoài ngõ, tràn ra cả đường làng. Họ xô nhau vào gần để được nhìn tận mắt cái xăng máy bay nó ra làm sao mà lại đưa được máy bay trên bầu trời. Ông trưởng công an xã tuýt còi liên tục, giơ hai tay nói dõng dạc:   
  
“Mời bà con lui ra để cơ quan nhà nước làm việc”!   
Khoảng chừng năm phút ông lại tuýt còi một lần, mặt đầy vẻ quan trọng:   
“Yêu cầu đồng bào không được đến gần để cơ quan nhà nước làm việc… Yêu cầu đồng bào không được hút thuốc, không được bỏ diêm, bỏ bật lửa trong túi. Mỗi người tự kiểm soát mình, người này kiểm soát người kia. Ai có diêm, có bật lửa thì ném xuống ao, chỉ sơ suất một li một tí là xăng máy bay bốc cháy, không những tiêu tan thành tro cái làng này, mà cả cái xã này, tổng này, huyện này… Yêu cầu đồng bào giữ trật tự để cơ quan nhà nước làm việc.   
Bà con lại chen chúc, tự nguyện lui ra một chút, họ vừa trố mắt nhìn”cơ quan nhà nước làm việc” vừa bàn tán:   
“Bác Hiền sao lại dại thế. Bác cũng đi làm cán bộ nhà nước, cũng chỉ huy quân đội sao lại dám cả gan trữ hàng quốc cấm trong nhà”.   
“Ông ta là phần tử bất mãn, phần tử chống đối cho nên ông ta trữ xăng máy bay là để chống đối chính quyền”.   
“Tôi thấy bác Hiền có bướng bỉnh gì đâu, có ngang ngạnh gì đâu, sao bác lại liều mạng thế”.   
“Lại khổ lây cả bác gái hiền lành, hiếu thảo…”   
“Khổ lây cả con gái”.   
“Ông Hiền mà bị tù lần này thì lý lịch chắc chắn năm đời sau chưa rửa được!”   
Thương vong linh ông Quyên, ông Đoan ăn ở đức độ, gia đình lại bị cái tai hoạ như thế này!   
“Số trời cả! Ông cụ chuyên làm nghề trị bệnh cứu người, đến đời này thì đứt mạch…”   
“Tôi nghe nói mộ cố tổng Quyên để sai hướng, ông Đoan đã nhờ thầy địa lý xem hướng, xoay lại ngôi mộ”.   
“Nhưng mà khi có phong trào rời mồ mả, tập trung mồ mả, mất tiệt cả mộ cụ kỵ, ông bà…”   
“Tập trung mồ mả là tập trung cả cái làng này, sao không có ai bị tai hoạ, mà chỉ có ông Hiền bị khám nhà!”   
“Mỗi người bị tai hoạ một kiểu khác nhau. Ông Hối bị tai nạn tàu hoả, ông Lộc bị giải ngũ thì ôm lại cái máy khâu rỉ, nay ốm mai ốm. Ông Huân thì bị cái tai hoạ “Quốc dân Đảng” phải ngồi tù.   
“Cả cái làng này thì đói rạc rày. Mấy năm nay con cháu chẳng đứa nào được học đại học…”   
“Còn bác Chắt Kế nữa, khổ thân bác…”   
  
Vô hình trung cuộc khám nhà anh Hiền trở thành một cuộc họp tổng kết những vấn đề tâm linh của làng xóm. Cuối cùng người ta toàn bàn nhiều nhất về bác chắt Kế. Thương bác, khổ thân bác, vì nước vì dân vào tù ra đầy, đến khi giành được chính quyền thì bác triệt để duy vật, thực hiện đời sống mới ra lệnh phá hết đình chùa miếu mạo, cho nên gia đình bác bị thần thánh, tổ tiên trừng phạt nặng. Một đoàn con không có ai mở mày mở mặt ra được. Anh con cả thành đạt nhất, làm giám đốc ngân hàng Nghệ An thì bị chết bệnh…   
  
Tiếng xì xào bàn tán trao đổi râm ran khắp trong sân ngoài ngõ, chuyển chủ đề khám nhà sang chủ đề tâm linh. Ông công an huyện huýt một hồi còi dài, chói tai: “Bà con giữ trật tự để cơ quan Nhà nước làm việc”.   
  
Im lặng được một lát thì cô em gái tôi xồng xộc từ ngoài ngõ chạy vào. Cô lấy chồng sang Hà Trang, nghe tin anh Hiền bị khám nhà, ba chân bốn cẳng chạy về. Cách đây một tháng, cô có gửi anh Hiền cất giữ một chỉ vàng, vì nhà cô ở gần đường quốc lộ, sợ bị mất cắp… Cô rẽ đám người, khóc lóc thảm thiết, vô tận nhà để tìm cho được chỉ vàng. Nhưng ông công an ngăn lại, cô ngồi bệt xuống đất, gào thét : “Chỉ vàng ấy là của tôi, không phải của anh Hiền, tôi van các ông Nhà nước cho tôi xin. Gia sản nhà tôi có chỉ vàng là quý nhất. Mất chỉ vàng thì tôi không biết lấy gì mà sống…”.   
  
Chị cả tôi lấy chồng ở Đông Én, tất ta tất tưởi chân nam đá chân chiêu, chạy qua cánh đồng về tới nhà thì mặt tái mét như người mất máu, đầu tóc xoã xượi, áo xộc xệch. Chị xộc vào cửa, quỳ xuống, chắp tay lạy: “Tôi van xin các ông chức trách nhà nước, thằng Hiền có tội tình chi mà các ông khám nhà khám cửa ông bà cha mẹ tôi để lại. Tôi van xin các ông cán bộ cấp trên soi xét cho thấu đáo, cậu Hiền có phản dân phản nước thì các ông bắt, nhưng cậu ấy có phản ai đâu có làm hại ai đâu”.   
  
Ông công an xã giữ chị lại ở cửa, rồi nắm tay chị kéo ra: “Bà không phải lo. Chúng tôi làm việc công minh chính trực theo pháp luật nhà nước”. Hình như ông ta nhìn thấy thân hình tiều tụy của chị, mủi lòng thương, không nỡ quát mắng, không nỡ kéo mạnh tay, lúc đầu gọi là “bà” sau gọi là “chị” xưng “em”: “Em có làm gì quá tay đâu chị. Em chỉ làm theo lệnh của cấp trên”. Chị ngồi bệt ngay ở cửa. Thân hình đã gầy gò, bây giờ càng gầy gò. Hai bàn tay chị ôm mặt vuốt nước mắt. Nhiều người nhìn chị, cũng khóc theo…   
  
Ba người đàn bà xấp xỉ gần bằng tuổi chị vào ngồi cạnh . Chị đưa mắt mệt mỏi nhìn: “Các em ạ…” - “Em là đội viên của chị đây mà” - “Em cũng là đội viên của chị đây mà”… Đây là những bạn gái cùng lứa tuổi, đã từng đi hát phường vải với nhau trong những đêm trăng. Hồi chuẩn bị khởi nghĩa cướp chính quyền, bác Chắt Kế có tổ chức một trung đội nữ tự vệ do chị Đoan - tên của chị cả tôi - làm trung đội trưởng. Có nhiều đêm, trung đội nữ tự vệ họp ở nhà tôi và ngủ lại ở nhà tôi. Các chị thương nhau, gắn bó với nhau đến bây giờ…   
  
“Ba em dìu chị vào trong nhà…”. Chị định thắp hương lên bàn thờ thì ông công an huyện giật tay chị: “Cấm lửa! Cấm lửa! Cấm lửa !” Chị và ba người bạn kia cùng chắp tay vái, không có hương khói gì cả.   
  
Ba gian nhà này tuy nhỏ hẹp, nhưng nó đã chứng kiến bao nhiêu biến cố lịch sử của cái làng nhỏ hẹp này. Suốt chín năm kháng chiến chống Pháp, ba gian nhà luôn luôn được sử dụng như nhà công cộng: trụ sở uỷ ban xã, trụ sở huyện đội, trụ sở của ban chỉ huy các đơn vị vệ quốc đoàn đóng trong làng, nơi hội họp và là nơi ngủ tập trung của tự vệ, nơi mở lớp bình dân học vụ, một thời kỳ dài phải đục tường đục cột để thưng cót làm kho chứa thóc thuế nông nghiệp… Cán bộ huyện, cán bộ tỉnh về làng về xã hoặc qua lại trên đường đi công tác thường nghỉ lại nhà tôi. Mẹ và chị Hiền lo toan chu đáo nơi ăn chốn ngủ. Nhiều hôm chị Đoan phải từ nhà chồng về giúp mẹ nấu nướng. Cán bộ hồi ấy rất xuề xoà, ăn uống dễ dãi: có cơm ăn cơm, có khoai ăn khoai, có sắn ăn sắn, thịt, cá, rau, cà, mắm muối ăn tất. Có hôm chị phải luộc khoai trong nồi to rồi đổ ra rổ, hơi khói bốc lên thơm ngọt, các anh cán bộ ngồi xúm xít quanh rổ khoai, vui lắm. Vừa ăn vừa kể chuyện quân ta thắng lớn ngoài mặt trận…   
  
Các chị vái xong, cùng ngồi trước bàn thờ… Ba gian nhà bây giờ như thế này ư? Các ông chức trách nhà nước lôi ra tanh bành đồ đạc: giường chiếu, chăn màn, quần áo, nồi niêu… Ba gian nhà đã từng cưu mang cách mạng, đùng một cái, trở thành đối tượng nghi ngờ để cách mạng khám xét.   
  
Bà con nhốn nháo ngoài sân, từ nãy đến giờ không chú ý theo dõi mấy ông chức trách nhà nước mà chăm chắm nhìn mấy chị ôm nhau khóc. Chị Đoan bỗng gào lên: “Nhà này là nhà của tổ tiên, ông bà, cha mẹ tôi, cầu xin các ông chức trách đừng lục soát tanh bành nữa”. Ông công an huyện trừng mắt: “Bà giữ trật tự để chúng tôi làm việc”. Ông cầm cái loa ném ra sân kêu xoang xoảng. Bà con lại nhốn nháo hút mắt vào đó:   
“Đã thấy xăng máy bay chưa?”   
“Cho tôi vào nhìn xăng máy bay một chút”.   
“Xăng máy bay có nhiều không?”   
“Đã tìm thấy đâu mà nhiều với ít”.   
“Có vũ khí quốc cấm không?”   
“Làm cóc gì có vũ khí quốc cấm”.   
“Thế thì khám làm cái đ. gì!”   
“Ôi giời ơi, chuyện người lớn mà như chuyện trẻ con”.   
“Ôi giời ơi, chuyện nhà nước mà như chuyện các bà láng giềng đổ vạ cho nhau”.   
“Xuỵt… xuỵt… xuỵt… Đừng có bẻm mồm bẻm mép mà mang vạ vào thân, tù mọt gông!”   
“Việc nhà nước để các ông chức trách làm, ta tham gia vào làm gì. Việc gì kệ người ta!”   
Vòng người đứng lộn xộn, xô nhau, hỏi nhau, cãi nhau, rối rít tít mù. Hàng trăm cặp mắt đăm đắm nhìn theo ông bộ đội và ông công an khuân đồ đạc và lật dở từng thứ. Các ông khám rất kỹ: giũ tung màn, giũ tung chăn, giũ tung quần áo, giũ tung giường chiếu…   
“Làm gì có xăng trong vải vóc mà khám kỹ thế?”   
“Người ta khám xem có đồ quốc cấm không!”   
“Tinh vi lắm các bà ơi, bọn phản động còn đóng xăng máy bay thành từng cục nhỏ để cất giấu vào chỗ kín”.   
“Im đi! Im mà theo dõi!”   
Tiếng người cứ rì rầm bàn cãi nhau từ trong sân ra ngõ, ra đường làng, rồi từ đường làng vào ngõ, vào sân.   
Anh Hiền ngồi im thin thít ở góc nhà, không nói năng, không phản ứng, không tuân theo, không cưỡng lại, như một vật vô tri cùng với những vật vô tri khác: bàn, ghế, giường, tủ… Gần hai tiếng đồng hồ rồi, anh cứ ngồi bất động như vậy. Anh công an xã đi qua, anh hỏi:   
“Tôi hút thuốc được không?”   
“Nhỡ ra bốc cháy thì sao?”   
“Làm gì có xăng mà bốc cháy”.   
“Anh cứ khum tay lại mà hút, đừng cho hai ông kia thấy…”   
Thời gian khám nhà đã kéo dài đến ba tiếng, rồi bốn tiếng đồng hồ. Anh bộ đội và hai anh công an có vẻ thất vọng: Không tìm thấy xăng máy bay thì bẽ mặt lắm! Anh bộ đội ghé vào tai anh trưởng công an huyện thì thầm một điều gì đó. Trưởng công an huyện lôi ra tám hộp sơn đặt giữa sân, vờ nói một câu bâng quơ, cốt để cho mọi người xung quanh nghe: “Sơn là vật liệu xây dựng, thuộc loại hàng quốc cấm”. Anh bộ đội giơ cao cái loa to: “Loại loa to này cũng thuộc hàng quốc cấm. Ai cho phép tư nhân dùng loại loa to này”.   
  
Anh trưởng công an xã tỏ vẻ khó chịu, nói lẩm bẩm một mình: “Làm ăn như cái con c… Mặt mũi nào mà nhìn nhau nữa”.   
Vở bi hài kịch đã “thắt nút” và bây giờ phải “mở nút”. “Mở nút” cách nào đây? Bà con đến xem kịch, hồi hộp chờ đợi để được nhìn thấy xăng máy bay, nhưng không tìm được xăng máy bay, lại đến lúc hồi hộp chờ đợi ba vị chức trách nhà nước “mở nút” cho chính họ. Họ không cần biểu diễn cho khán giả xem, vì khán giả tự đến chứ họ có mời đâu. Nhưng họ cũng cần phải làm một động tác nào đó để chứng tỏ họ đúng. Ba vị chụm đầu lại, nói cho nhau nghe, nhưng lại cố nói to để bà con nghe:   
“Sơn là thuộc mặt hàng nhà nước quản lý”.   
“Loa cỡ to cũng vậy, do nhà nước quản lý”.   
“Nhà nước quản lý tức là hàng quốc cấm”.   
“Hàng quốc cấm mà tư nhân tàng trữ là phạm pháp”.   
“Lập biên bản đi!”   
  
Anh bộ đội đọc như đọc chính tả. Trưởng công an huyện ghi như cậu học trò ghi theo lời thầy giáo. Còn trưởng công an xã thì cứ đứng ngẩn tò te. Biên bản lập xong, họ gọi anh Hiền đến ký. Anh chẳng cần đọc kỹ, chẳng cần xem qua, cầm bút ký xoẹt một chữ, như thể một ngôn ngữ động tác chứa đầy tâm trạng bất lực: mình có vạch cái sai của họ thì họ vẫn dùng quyền lực để làm nhục mình!   
  
Anh bộ đội bảo trưởng công an huyện, trưởng công an huyện bảo trưởng công an xã, trưởng công an xã ngồi úp mặt bó lại tám hộp sơn, cái loa cùng một đống chăn màn quần áo lếch thếch vác ra khỏi ngõ và đưa xuống huyện. Bà con nhìn theo, ngơ ngác:   
“Có thế thôi à?”   
“Xăng máy bay đâu?”   
“Làm cóc gì có xăng máy bay”.   
“Không có xăng máy bay thì khám làm đ. gì!”   
“Tịch thu chăn màn quần áo để làm cái đ. gì!”   
“Khổ cái ông Hiền! Cái số khổ là cứ bị tai nạn liên tục!”   
  
                                            \* \* \*   
Trong vòng một tháng sau khi xảy ra vụ tai biến, một số bà con ở quê ra Hà Nội, đến cơ quan tôi, kể lại rất tỉ mỉ về diễn biến của nó. Hầu hết đều tường thuật một cách khách quan sự việc. Người có trình độ văn hoá thì vừa tường thuật vừa phân tích.   
Nghe nói có vài người vừa ghen ăn ghét ở vừa có định kiến sâu sắc với anh Hiền, bàn với nhau, bố trí chặt chẽ, dựng lên vở bi hài kịch này. Họ dò hỏi được địa chỉ đơn vị của Thắng, viết một bức thư gửi ra đơn vị tố cáo Thắng đem vũ khí cho anh Hiền bán để ăn tiêu xả láng. Đơn vị cử người về gặp công an huyện, rồi cùng công an xã, tổ chức khám nhà, bất chấp pháp luật!   
Thời gian khám kéo dài đến bốn, năm tiếng đồng hồ, không hề tìm thấy một chút xăng máy bay nào, một thứ vũ khí nào. Họ bẽ mặt, đành bó một cục chăn màn quần áo mang xuống trụ sở công an huyện cùng với tám hộp sơn và một cái loa. May mà lúc đó anh Hiền đã mang bộ ăm-li đi chữa, nếu không thì họ cũng cuỗm tất!!!   
Anh bộ đội sau khi đã “hoàn thành nhiệm vụ”, nhẹ nhàng trở về đơn vị ở tận tít xa ngoài Bắc. Công an xã cũng đã “hoàn thành nhiệm vụ” làm theo sự chỉ đạo của cấp trên. Phần hậu quả, công an huyện gánh tất! Hậu quả ở đây cũng chẳng có gì nặng nề, vì nếu mình làm sai chẳng có ai trị được mình, chẳng có ai bỏ tù mình. Gia đình ông Hiền kiện? Nếu có kiện thì cũng hơi phiền một chút thôi, chẳng sao! Cái hậu quả phiền toái nhất là đống đồ dùng của ông Hiền mang về trụ sở, xử lý ra sao? Trưởng công an huyện bây giờ mới biết mình dại dột . Dại dột đi khám nhà công dân theo cái lệnh vu vơ của một ông bộ đội ở đâu đâu về. Nhưng dại dột hơn là sau khi khám không tìm thấy xăng máy bay, không tìm thấy vũ khí thì thôi, đằng này mình lại làm theo cái lệnh vu vơ của ông bộ đội là ôm chăn màn quần áo của ông Hiền về trụ sở. Ông bộ đội đã nhẹ cánh xa bay. Ông công an xã thì làm theo lệnh của mình, chẳng chịu trách nhiệm gì cả. Chỉ còn lại mình! Chỉ còn lại mình! Xử lý cái đống đồ dùng của ông Hiền ra sao bây giờ?   
May quá, đứa em gái của anh Hiền lù lù xuống huyện. Không phải nó xuống để kiện cáo gì. Cũng không phải xuống để xin mang đồ đạc về. Nó nhũn nhặn xin công an được mang chăn màn quần áo ra phơi nắng, vì dạo này khí trời ẩm, nếu để trong góc nhà lâu ngày sẽ bị mục. Phơi chừng hai tiếng đồng hồ, nó ngồi góc sân để canh giữ, rồi xếp lại gọn gàng, mang vào góc phòng trụ sở. Công an trưởng hơi có vẻ thất vọng. Cứ tưởng là nó phơi xong sẽ xin mang về nhà thì lấy cớ đó để cho nó mang về, mình còn được chút tiếng là “thương người”. Ai ngờ nó lại sợ sệt, ngoan ngoãn mang vào trụ sở rồi cúi đầu “cháu chào bác” và run rẩy bước ra khỏi cửa.   
  
Người làng gặp tôi, kể chuyện xong, đều khuyên tôi một ý giống nhau. Tôi nên về để giải quyết việc đó cho dứt điểm. Trời rét, bố con anh Hiền không có chăn đắp. Vùng ta nhiều muỗi, không có màn thì khó ngủ lắm. “Tuỳ chú, chú ở Hà Nội gần mặt trời, hiểu rõ luật pháp, hiểu rõ ý đồ Trung ương, chú nên về giải quyết thế nào cho nó xong. Tội nghiệp bố con ông Hiền lắm…”   
  
Tôi nghĩ bụng, đây là chuyện rủi ro của gia đình mình. Thời buổi này còn lắm chuyện oan trái gấp vạn lần. Luật pháp không rõ ràng. Nếu có một ít văn bản luật pháp, thì dân cũng chẳng hiểu luật là gì, mà viên chức của nhà nước, kể cả người làm việc ngay trong ngành luật pháp cũng chẳng hiểu luật pháp nó ra làm sao. Nếu mình bới to ra chuyện này, chắc chắn chẳng đi đến đâu, mà mình thì mất sức, mất của, mất thì giờ.   
  
Bà con làng xóm tìm đến gặp tôi, kể chuyện cho tôi nghe, rồi khuyên bảo tôi. Tôi cảm thấy chán, ê chề. Tôi ngồi im, nghiến chặt hai hàm răng, nuốt nước bọt khan. Vừa giận vừa thương anh. Sao anh sửa nhà sửa cửa, đào giếng làm gì? Sao được đồng tiền nào anh cũng vung ra, mời người này người nọ uống cà phê, hút thuốc lá Ba số để những người đầu óc hẹp hòi họ hiểu nhầm anh, hoặc cố tình hiểu nhầm anh… Nhưng thương anh thì nhiều hơn. Thương anh mà đành bó tay nhìn cuộc đời anh cứ tuột dần tuột dần, rồi còn tuột xuống nữa. Không biết sẽ tuột đến cái vực sâu thăm thẳm nào, anh ơi!   
  
Tôi vốn không muốn xáp mặt với những chuyện lôi thôi, rắc rối, nhất là những chuyện rắc rối đó lại xảy ra trong bối cảnh xã hội hiện thời. Nhưng đây là chuyện của người anh ruột mình, người anh ruột luôn luôn gặp những điều bất hạnh, chẳng lẽ mình vô tình quay mặt?   
Tôi về quê. Tôi phải về quê…   
                                          \* \* \*   
Tôi xuống ô tô khách ở ngã ba Diễn Châu lúc bốn giờ chiều. Ngã ba cách làng sáu ki lô mét. Theo thói quen, đợi trời tối hẳn tôi mới về làng, vì về lúc còn sáng tôi cảm thấy sợ. Sợ nhìn thấy cảnh quê tiêu điều, đền chùa miếu mạo đã bị tàn phá, cổ thụ đã bị triệt hạ. Nay lại thêm một cái sợ nữa: nhìn thấy cửa nhà tan hoang sau cơn tai biến.   
Không theo quốc lộ số Bảy, rẽ con đường chính vào làng, mà tôi tạt ngang cánh đồng lúa, mấp mô qua các bờ ruộng. Bước vào nhà, thấy dáng người anh tiều tuỵ ngồi một mình bên ngọn đèn. Anh nhận ra tôi ngay, nhưng không vồn vã, chỉ hỏi một câu, giọng trầm trầm vừa đủ tôi nghe:   
“Xí đã về à… Ăn cơm chưa?”   
“Em ăn rồi”.   
Anh pha trà. Hai anh em ngồi uống nước. Im lặng một lát, anh nói:   
“Vừa rồi xảy ra chuyện buồn cười…”   
Rồi anh im lặng. Tôi cũng im lặng. Người tôi buồn buồn tê tê. Cha mất rồi. mẹ mất rồi. Chị và em gái lấy chồng xa. Tôi không ngờ gia cảnh đến nông nỗi này. Xót xa cho thân phận của anh.   
“Ngày mai em xuống công an huyện nói họ trả đồ đạc cho anh. Không có chăn màn, đêm rét không ngủ được”.   
Tự nhiên trong người tôi có một luồng hơi nôn nao dồn từ bụng lên ngực rồi đọng cứng lại ở cổ. Một tháng nay anh không có chăn đắp. Nỗi cơ hàn đến thế này ư? Ai gây ra thảm cảnh này? Biết hỏi ai bây giờ? Biết kêu ai bây giờ?   
“Em ạ, chính những người vào khám nhà mình cũng tự biết họ sai. Dân cũng biết họ sai. Nhưng không ai dám nói ra. Nếu mình có kêu ca, kiện tụng thì họ cũng trơ ra, có khi mình mang thêm vạ vào thân. Khối người còn phải chịu oan gấp vạn mình… Mai em xuống huyện, nói nhẹ nhàng với ông trưởng công an, đừng căng thẳng với ông ta…”   
Đầu tôi nặng chìch chịch như một khối sắt đè xuống hai vai, nhồi nặn vào trong đó lẫn lộn giận, thương, bực tức, căm ghét, tự mình cũng chẳng biết giận ai, thương ai, bực tức ai, căm ghét ai.   
Tôi cuốc bộ xuống huyện vào một buổi chiều. Đến trụ sở công an thì gặp ngay ông thủ trưởng. Tôi giới thiệu là người nhà của anh Hiền làng Hậu Luật. Đứng ngay ở cửa, ông hỏi một câu lạnh tanh:   
“Anh gặp có việc gì?”   
“Tôi muốn gặp đồng chí mười phút”.   
Ông ngồi xuống ghế và chỉ vào cái ghế đối diện:   
“Anh ngồi đây!”   
Ông ngồi bên kia bàn. Và bên này là tôi, mặc bộ quần áo xanh cũ kỹ đã bạc màu, chân đi đôi dép cao su. Chắc hẳn ông nhìn tôi với ý nghĩ: anh chàng này làm công nhân ở đâu về! Trên bàn có một bộ ấm chén và hộp chè, nhưng ông ta không pha chè mời khách, mà cứ vòng tay đặt lên bàn, gương mặt khô khan:   
“Có việc gì anh trình bày đi!”   
Tất cả những cử chỉ bất nhã của ông không hề gợi trong tôi một chút khó chịu. Người tôi đã chai sạn bởi nhiều cuộc tiếp xúc với những nhà chức trách như thế này. Hơn nữa, cuộc tiếp xúc đang diễn ra nhằm mục đích tối cao là “được việc” cho anh Hiền, cho gia đình mình: xin lại đồ đạc mang về!   
“Thưa đồng chí, việc khám nhà anh Hiền vừa rồi, tôi e rằng không đúng luật pháp nhà nước”.   
Ông đốp lại ngay với lời lẽ nặng nề:   
“Chúng tôi không làm điều gì sai pháp luật. Chúng tôi là những người thực hiện pháp luật nhà nước, sao anh lại bảo chúng tôi làm không đúng luật pháp nhà nước. Anh nói năng phải tôn trọng chúng tôi, tôn trọng cơ quan luật pháp của nhà nước chứ!”   
Tôi chột dạ, biết mình đã nhỡ lời nói một câu chạm đến lòng tự ái nghề nghiệp của ông ta: “Tôi e rằng không đúng pháp luật nhà nước”. Tôi hạ mình:   
“Xin lỗi đồng chí. Tôi nói điều gì hơi quá, đồng chí thứ lỗi cho…”   
Tôi từ từ thò tay vào túi ngực, rút thẻ nhà báo, lễ phép đặt trước mặt ông. Ông không cầm nhưng đầu hơi cúi xuống, đôi mắt chăm chú đọc những dòng chữ trên tấm thẻ. Ông làm ra vẻ tự nhiên, nâng ấm chè rót và “ờ” một tiếng làm ra vẻ mình quên pha chè mời khách. Ông đứng dậy đổ bã chè, xóc ấm, pha ấm trà mới, rồi rót ra tách. Ông chỉ rót ra chiếc tách trước mặt tôi, chứ không rót ra cái tách trước mặt ông:   
“Mời đồng chí uống nước!”   
Tôi để ý, từ khi bắt đầu tiếp xúc, ông gọi tôi bằng “anh”, bây giờ ông chuyển một cách đột ngột,   
gọi tôi bằng “đồng chí”. Tôi càng nhũn nhặn hơn, vòng tay đặt trên bàn nói từ tốn:   
“Đồng chí làm việc cho Đảng, cho Chính phủ. Tôi cũng làm việc cho Đảng cho chính phủ. Trong quá trình làm việc, đồng chí có những cái đúng có những cái sai. Tôi cũng có những cái đúng cái sai, chẳng có ai hoàn hảo được. Việc khám nhà anh Hiền vừa rồi là sai hoàn toàn. Nếu tôi không thiện chí, tôi sẽ viết bài “Một vụ khám nhà phi pháp” in báo Nhân Dân, đồng thời tôi sang Bộ nội vụ trình bày sự việc này. Chắc chắn đồng chí không ngồi yên được ở đây. Nhưng tôi nghĩ đồng chí với tôi là đồng hương, phải giữ tình nghĩa với nhau, nếu đồng chí bị ngồi tù thì tôi cũng chẳng sung sướng gì. Cho nên tôi gặp để trao đổi với đồng chí…”   
“Nói thật với đồng chí là tôi rất bị động trong việc này… Tôi… Tôi…”   
“Tôi hiểu rồi. Đồng chí hoàn toàn không chủ động một chút nào trong việc khám xét nhà anh Hiền”.   
“Bây giờ tôi trở thành người hứng chịu cái của nợ này. Chăn màn, đồ dùng của ông Hiền cứ chất một đống ở góc cơ quan. Trời lại ẩm, thỉnh thoảng con cháu nó xuống phơi, rồi lại chất vào đó. Chẳng lẽ cứ kéo dài mãi thế này?”   
Tôi đỡ lời, mở cho ông một lối thoát, mà tôi cũng được việc:   
“Đồng chí cho anh Hiền mang về đống đồ dùng đó cho nó xong”.   
Ông trưởng công an gật gật đầu. Tôi đứng dậy chào, bắt tay ông, rồi “cảm ơn”… Tôi bước ra đến cổng trụ sở, ông chạy theo :   
“Hay là đồng chí nói với con cháu ngày mai xuống nhận về tất cả các thứ này…”   
“Xin cảm ơn đồng chí!”   
Ngày mai. Đứa con gái anh Hiền xuống trụ sở công an huyện mang về các thứ đã bị tịch thu. Còn tôi, trở lại cơ quan.   
Một tuần sau, có người làng ra Hà Nội, đến toà soạn tờ báo tôi công tác, báo tin cho tôi biết: Công an huyện còn giữ lại một cái loa, họ bảo cái loa này là loại loa to, tư nhân không được dùng, mà chỉ Nhà nước sử dụng trong các cuộc mít tinh và trong các cuộc đại hội long trọng!!!   
Kỳ quặc! Kỳ quặc! Tôi tức điên người. Nhưng rồi tôi tự ghìm được… Nghĩ cho đến cùng, chẳng phải công an huyện tham lam muốn chiếm cái loa, mà có thể do họ kém hiểu biết hoặc do sĩ diện. Tôi bình tĩnh cầm bút viết bức thư cho ông trưởng công an huyện với lời lẽ nhã nhặn, đại ý:   
*Nhà nước ta không hề có một văn bản nào quy định kích thước các loại loa cho tư nhân dùng, Đảng dùng, Chính quyền dùng. Nếu đồng chí có dịp ra Hà Nội, tôi sẽ dẫn đến các hiệu giải khát để đồng chí xem họ dùng những chiếc loa rất to. Nếu không ra được Hà Nội, đồng chí vào Vinh, đến các hiệu giải khát, cũng thấy rõ điều đó. Tốt nhất là đồng chí nên trả lại anh Hiền cái loa cang sớm càng tốt…*  
Ít lâu sau, tôi nhận được tin mừng, anh Hiền viết bức thư vắn tắt một dòng: “Công an huyện đã trả cái loa”!   
    
Thế là tai qua nạn khỏi!

**Võ Văn Trực**

Cọng Rêu Dưới Đáy Ao

**Chương XVI**

Chuỗi ngày đói khổ

Cuộc đời anh như cái tháp cổ lung linh vàng son mơ mộng, bị phủ mờ rêu phong, xói lở, nứt nẻ bởi nghìn cơn bão táp. Đến trận khám nhà do “thằng bán tơ” vu oan, thì cái tháp ấy bị bóc hết da thịt, chỉ còn trở lại bộ khung xương cô độc giữa thời gian mịt mù bụi cát.   
  
Anh sống triền miên trong đói khổ…   
  
Đâu chỉ riêng anh chịu số phận hẩm hiu ấy, mà còn tất cả bạn bè cùng lứa tuổi với anh. Anh Lộc, võ sĩ lừng danh đất Diễn Châu, từng biểu diễn những đường gươm chói loà trước hàng ngàn người trong các cuộc mít tinh sau Cách mạng tháng Tám, rút cục chỉ là anh thợ may quèn nơi xóm nhỏ. Anh vừa cắn răng chịu đựng cơn đau của cơ thể vừa đạp bàn máy để kiếm đồng tiền cho vợ đi chợ chiều…   
  
Anh Hối, tên ghi trong giấy khai sinh sau ngày cướp chính quyền là Võ Sĩ Hối, đã từng làm thư ký đầu tiên của Uỷ ban kháng chiến hành chính xã, đã từng xông pha nơi chiến trường Bình Trị Thiên, nay chỉ còn nắm xương. Không phải nắm xương “nhất xanh cỏ nhì đỏ ngực” đượm vẻ kiêu căng yêng hùng, mà là nắm xương tàn rụi ở góc phố thanh bình. Năm 1979, con tàu từ Lào Cai về Hà Nội, lúc sắp vào ga Hàng Cỏ thì đâm phải một con tàu khác. Tàu đổ. Mấy chục người bị thiệt mạng. Anh Hối cũng bị tan xương trong vụ đổ tàu năm ấy.   
  
Còn anh Huân? Anh Võ Quang Huân ấy mà! Xin phiền bạn đọc dở lại chương II của cuốn truyện này. Trong đó, có một đoạn tôi ghi việc anh Huân và anh Hiền bàn bạc nên đặt tên khai sinh của mình thế nào cho phù hợp với thời cuộc: “Thôi, hay nhất là Võ Quang. Quang là Sáng. Dân làng đi theo con đường sáng của Cách mạng. Em cũng đi theo con đường sáng của Cách mạng… Sau một lúc bàn bạc, hai anh lấy tên mình là Võ Quang Huân, Võ Quang Hiền…” Hiện giờ anh Huân sống ra sao? Có một dạo anh đang làm đội trưởng Đội cải cách ruộng đất, bị quy là “đảng viên Quốc dân đảng”, phải ngồi tù hai tháng. Ra tù, anh về nhà sống vất va vất vưởng với tâm trạng của một kẻ chán đời. Mặc chiếc áo rách toạc lưng, đi cày ngoài đồng, sang nhà hàng xóm chơi. Rồi đau ốm, gầy gò. Bị thấp khớp nặng. Chưa đến sáu mươi tuổi đã phải chống chiếc gậy đi lọm khọm như cụ già tám mươi. Không có nghề gì khác ngoài nghề “chính trị” và nghề nông. “Nghề chính trị” thì đã bị thất sủng. Nghề nông thì cần sức khoẻ, mà sức khoẻ cũng đã suy sụp. Sống dựa vào vợ con được chừng nào hay chừng ấy. Con gái đi lấy chồng xa. Chị Huân cắn răng chịu đựng, tần tảo ngày đêm, tằn tiện từng hào. Cảnh nhà sa sút nhanh chóng. Nhiều hôm vét không ra hạt gạo, mang rá sang hàng xóm vay.   
  
Dân làng bảo Lộc, Hối, Huân, Hiền là “bộ tứ trụ” của chính quyền thôn trong buổi đầu cách mạng thành công. Đến nay, cả bộ tứ ấy đều mục ruỗng một cách thảm hại. Ai cũng bảo bốn ông này nghe theo lệnh bác Chắt Kế, đầu tiên phá huỷ đền chùa miếu mạo, chặt phá cổ thụ, cho nên bị thần linh và tổ tiên trừng phạt.   
Lớp đàn em bắt chước các anh, tiếp tục phá nốt các nhà thờ họ, và đào mồ mả một cách bừa bãi để tập trung lên nghĩa trang xã. Bùng là bí thư chi đoàn, đã bày ra cái trò chơi thật là quái đản: những ngôi mộ mà gia chủ đi vắng, chưa kịp về, cứ đào lên tất tần tật, bỏ chung hài cốt vào một tấm ni lông, mang lên nghĩa địa chôn chung… Về sau, Bùng đau ốm, chạy bao nhiêu thầy thuốc cũng không khỏi. Có đêm, Bùng nằm mê thấy hàng chục, hàng trăm bóng ma vây quanh, gào thét, đòi trả lại hình hài. ác mộng đến trong giấc ngủ càng ngày càng dày, Bùng bắt đầu trở thành ngớ ngẩn. Có những buổi trưa, đang đùa vui với bạn bè giữa đồng, Bùng mệt quá, nằm ngủ thiu thiu, bỗng hét toáng lên một tiếng, mắt đỏ ngầu, chạy thục mạng, vừa chạy vừa la: “Chúng nó đuổi bắt tao. Chúng mày ơi, cứu tao với, chúng nó bắt tao…” Bạn bè chạy theo nhưng không thể nào đuổi kịp. Bùng chạy rất nhanh, băng qua bờ ruộng mấp mô mà không vấp ngã. Những cơn hoảng loạn như thế ngày càng nhiều, Bùng bị bệnh tâm thần. Từ một thanh niên khoẻ mạnh, vạm vỡ, cơ thể Bùng trở lên tiều tuỵ. Suốt ngày Bùng đi lang thang ngoài đường, thất tha thất thểu ra đồng rồi vào làng, lên nghĩa trang rồi xuống bến đò Oan. Những lúc Bùng đi về phía bến đò Oan, bạn bè đi theo để đề phòng Bùng nhảy xuống sông. Trông thật thảm hại, quần áo xộc xà xộc xệch, dái luôn luôn bỏ ngoài quần…   
  
Ông Cao Xuân Khuê, huyện đội trưởng đầu tiên của Diễn Châu, đã bị bắn trong cải cách ruộng đất .   
  
“Con hùm xám đường số bốn” - tướng Đặng Văn Việt, một hình ảnh tráng sĩ đầy hấp dẫn đối với anh Hiền, học sinh trường Nguyễn Xuân Ôn và thanh niên trong toàn huyện toàn tỉnh hồi đầu kháng chiến chống Pháp, đã mờ đi rất nhanh. Ông nội của tướng Việt là Đặng Văn Thuỵ, từ một người thợ rèn nghèo khổ, đã dùi mài kinh sử, đậu hoàng giáp năm 1904 cùng một khoa mới Trần Qu?y Cáp, Huỳnh Thúc Kháng, tạo lập dòng họ quý tộc có học vấn ở Nho Lâm. Trong cải cách ruộng đất, gia đình bị quy là đại địa chủ quan lại, ông Việt bị ra khỏi quân đội, làm cục trưởng cục vật tư. Những năm nghỉ hưu, ông lâm vào tình cảnh túng thiếu, kiếm tiền bằng cách sáng nào cũng đưa bánh rán đến các hàng nước dọc hè phố Hà Nội với chiếc xe đạp cọc cạch, hai bánh xe vấn dày khít dây cao su… Mấy lần ra Hà Nội, anh Hiền cố tìm gặp để được chiêm ngưỡng “con hùm xám” lừng danh ấy, nhưng không thể nào tìm được.   
  
Cả làng Hậu Luật chẳng mấy ai được dư dật, nhiều gia đình ăn bữa trước chạy bữa sau. Nghề phụ không có. Cắm cây mạ xuống đồng như đánh bạc với trời. Thảm cảnh lại diễn ra giống như hồi trước cách mạng tháng Tám. Nhiều người rủ nhau lên Phủ Quỳ làm thuê, đào khoai mài. Nhiều người ở nhà, rỗi rãi chân tay, tụ họp từng đám, đánh đề đánh bạc… Người ta đua nhau đi xem tướng, đi bói toán. Mấy ông thầy bói đã bị cấm tiệt hành nghề, nay lại có đất sống. Ngày nào cũng có người xúm xít quanh thầy bói ở chợ, ở nhà riêng. Ai cũng được thầy phán: hoặc là mất mồ mả tổ tiên, hoặc là mất mồ bà cô, hoặc là mất mộ cụ Tổ năm đời, hoặc là con cháu bội bạc không chịu hương khói thờ cúng… Biết làm sao bây giờ? Mồ mả thì đã chôn chung vào khu tập thể nghĩa trang, lẫn lộn, lung tung, chồng chất lên nhau, làm thế nào mà tìm được? Muốn hương khói thờ cúng thì thờ cúng ở đâu? Đình phá rồi. Đền phá rồi. Chùa phá rồi. Các nhà thờ họ cũng phá rồi. Các công trình tín ngưỡng được các bậc tiền nhân xây dựng qua sáu trăm năm, bị phá sạch, lấy tiền đâu mà xây lại? Kiếm cái ăn hàng ngày đã bạc mắt, nói chi đến việc xây dựng đền đài, nhà thờ. Bội bạc với thần thánh, Tổ tiên, con cháu đành phải chịu vận hạn…   
                                          \* \* \*   
Tuy nghèo đói, nhưng không khí cách mạng vẫn hừng hực như từ trước, đến nay vẫn hừng hực. Chiến dịch “Tiếng trống Xô viết” mở ra. Tiếng trống vang dội làng xóm, gợi lại khí thế xung thiên những năm Xô viết Nghệ Tĩnh 1930-1931. Toàn dân lại cuồn cuộn lao vào cuộc đấu tranh quyết liệt với thiên nhiên. Người ta trưng lên những khẩu hiệu với từ ngữ sắc nhọn đâm vào thần kinh con người:   
  
*Trời làm mất bắt đất đền!*  
*Vắt đất ra nước thay trời làm mưa*  
*Dốc ngược dòng sông để nước lên đồng, trói tay thần hạn!*  
*Treo nước lên ngọn cây!*  
*Mo cơm, quả cà với tấm lòng cộng sản, đi làm thuỷ lợi!*  
  
Những ban mai chưa tỏ mặt người, tiếng trống đã ầm vang, cờ đỏ đã rợp đồng, phô phang khí thế xung thiên. Không ai có thể bình tâm mà ngồi yên được. Bụng đói meo, vẫn phải tất tưởi chạy ra đồng, hoà nhập với tiếng trống với cờ đỏ với quần chúng cách mạng. Đảng đề cao kỷ luật sắt, đảng viên đi trước làng nước theo sau, thanh niên dẫn đầu cán bộ gương mẫu!   
  
Anh Cu Lộc, bí thư chi bộ, chỉ vì một buổi sáng, tiếng trống đã nổi lên, ra chậm dăm bảy phút, bị Đảng uỷ tuyên bố cách chức ngay tại trận!   
  
Đã nghèo khổ cơm gạo thì phải lấy cái giàu có tinh thần để tấn công vào nghèo khổ. Tấn công và tấn công. Bất chấp tất cả. Bất chấp quy luật thiên nhiên. Bất chấp phong tục truyền thống. Bất chấp quy luật tâm lý con người. Triệt để giương cao tinh thần cách mạng, tấn công và tấn công!   
  
Mấy trăm năm nay, xung quanh làng có sáu cái giếng: giếng Đình, giếng Trước, giếng Triều, giếng Đồng, giếng Cây Đa, giếng Xóm Trang. Chi bộ Đảng làng Hậu Luật ra nghị quyết: chỉ để lại giếng Đình, còn năm giếng kia lấp bằng - thực hiện kế hoạch “cải tạo đồng ruộng theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa”. Thế là trống nổi lên, cờ đỏ giương lên, dân làng vác cuốc vác thuổng xông ra chỉ trong vài ngày là lấp xong.   
  
Mặt giếng bình yên hàng mấy thế kỷ, bỗng ầm ầm nổi sóng. Những cọng rêu nằm yên dưới đáy giếng hàng mấy thế kỷ, bỗng lay động, xơ xác, và bị vùi xuống chín tầng đất sâu.   
  
Trong làng có chừng ba chục cái ao, trên mười bảy xứ đồng có gần một trăm cái đìa. Chi bộ Đảng làng Hậu Luật ra quyết nghị: lấp tuốt tuồn tuột. Triệt để xoá bỏ tàn dư manh mún cá thể, tư hữu, “cải tạo đồng ruộng theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa”.   
  
Sau khi giếng, ao, đìa đã bị lấp, không may gặp kỳ hạn hán, đồng điền khô kiệt nước. Biết lấy nước đâu để uống và tưới hoa màu? Người ta chen nhau đi gánh nước ở giếng Đình. Hạn chế tối đa việc lấy nước tưới hoa màu.   
  
Thì ra bây giờ chi bộ mới nhận ra lời khuyên của mấy cụ đồ nho và mấy cụ lão nông là đúng: không nên lấp giếng và lấp ao, đìa! Có phải thời đại này mới làm thuỷ lợi đâu. Qua nhiều thế hệ, ông cha ta đã từng làm thuỷ lợi. Trải qua kinh nghiệm canh tác, giữa đồng nước trũng người ta đắp những công đất để phân dòng nước chảy khi có lũ: cồn Hà, cồn Cưa, cồn Dã Cá, cồn Tuôn, cồn Hạc. Tất cả các cồn đã bị phá để “cải tạo đồng ruộng theo hướng sản xuất lớn…”, nước lũ tha hồ tung hoành cuốn trôi lúa má… May mà còn lại cồn Hà, vì cồn này được dùng làm nghĩa địa, nếu không thì cũng bị san phẳng. Giếng đào từ xưa, đã được các cụ dò xem mạch ngầm, dẫu gặp mùa đại hạn nước giếng vẫn còn… Hệ thống ao và đìa cũng để trữ nước và làm nơi ẩn náu cho tôm cá khi mặt đồng đã khô nẻ… Bây giờ hạn hán, không còn nước đìa để tưới lúa, lúa chết khô; và tôm cá cũng chết khô.   
  
Bao nhiêu công trình thuỷ lợi được tích góp từ kinh nghiệm và công sức của tiền nhân bị phá tan hoang để “cải tạo đồng ruộng”. Cái thành tựu mới chưa thấy, chỉ thấy hạn hán và mất mùa. Qua mùa hạn hán đến mùa mưa, chỉ một đêm mưa ròng rã, sáng dậy đã thấy nước ngập trắng băng đồng dưới đồng trên. Làng trở thành hòn đảo. Đói kém. Cơn đói kéo dài như một thứ bệnh mãn tính. Cứ tưởng cách mạng thành công thì không còn đói kém nữa, không còn thiếu cơm gạo nữa. Ai ngờ nạn giáp hạt ngày ba tháng tám quay trở lại quật vào từng gia đình, quật vào từng số phận người nông dân.   
  
Anh Hiền cũng chịu chung cơn đói với bà con làng xóm. Lại cộng thêm cái bệnh đau dạ dày hành hạ. Lắm đêm anh nằm vật vã, cố nghiến chặt hai hàm răng để không bật ra tiếng rên, nhưng không thể chịu được, tiếng rên phải bật ra. Tiếng rên thảm thiết vọng sang các gia đình láng giềng. Bà con không nỡ nằm yên, chạy sang, đỏ đèn, chăm sóc cùng với vợ con anh. Người thì cho uống nước mắm để dành lâu năm. Người thì cho uống mật ong. Người thì cho chút thuốc phiện lấy ở Phủ Quỳ. Có người chạy xuống bệnh viện Diễn Châu báo cho y sĩ Phù, anh Phù đem lên cho mấy lọ ca- vét và mấy lọ viên nghệ…   
  
Bệnh sốt rét từ hồi ở Việt Bắc tái phát. Người anh vàng vọt, gày gò, chân tay khẳng khiu như que củi, hai hàng xương sườn trơ ra, giống như bộ xương trong sách giáo khoa. Chưa đến sáu mươi tuổi mà trông anh như ông cụ tám mươi, râu ria xồm xoàm, da mặt nhăn nheo, mắt hoắm sâu. Sức khoẻ anh suy sụp một cách nghiêm trọng. Thỉnh thoảng chị Hiền nấu cho anh bát cháo lều phều mấy sợi thịt, anh ăn phều phào đến hàng tiếng đồng hồ mới hết.   
  
Đói, sốt rét, đau dạ dày quật anh ngày này qua ngày khác, năm này qua năm khác. Chân tay run. Đi ra đi vào phải chống gậy… Bá, tổ trưởng tổ thông tin, đến chơi, nói đùa: “Trông cho chú chóng phục hồi sức khoẻ để tham gia công tác thông tin. Chú viết khẩu hiệu đẹp nhất làng…”. Anh Hiền nhìn Bá, gượng cười, nụ cười héo hắt nở trên hai làn môi bạc như hai chiếc lá khô. Gò má Bá lăn giọt nước mắt… Dạo này Bá hay lên chơi với anh Hiền. Hai người rủ rỉ trò chuyện với nhau, thỉnh thoảng Bá lại xoa bụng, xoa lưng, xoa chân tay cho anh. Mỗi lần đi làm đồng về, Bá lại mang lên hoặc con cá tràu, hoặc con cá trê, hoặc mấy con lươn. Biết khẩu vị của anh, chị Hiền nấu những món dân dã: dấm cá trê với khế chua, cá tràu kho mặn, cháo lươn… Nhìn anh ăn ngon lành, Bá cảm thấy vui: “Thức ăn có sẵn ngoài đồng, chú ăn hết tôi lại bắt về cho chú ăn”.   
  
Đêm nào Bá cũng ngồi với anh đến khuya. Tuy còn ít tuổi nhưng Bá thuộc chi trên, nên anh Hiền gọi Bá bằng “anh”:   
  
“Anh ngồi với tôi là tôi thấy khoẻ người…”   
  
Hai anh em chẳng biết nói chuyện gì, chỉ nhìn nhau cũng vui lắm rồi. Hễ Bá đứng dậy định ra về thì anh níu tay: “Ngồi thêm với tôi một ít nữa…”. Bà con làng xóm nói đùa: “Ông Bá là thầy thuốc chữa bệnh cho ông Hiền”.   
  
Những lúc vắng Bá, anh thấy trống trải ghê gớm và cơn đau dạ dày lại hành hạ anh nhiều hơn.   
Nửa đêm mùa đông, cơn đau nổi lên dữ dội. Sợ phiền luỵ đến người nhà và bà con láng giềng, anh nằm úp sấp lên giường, hai tay ôm chặt lấy chăn, nghiến hàm răng. Nhưng cơn đau càng lâu càng hoành hành, không thể nào chịu được, anh thốt ra một tiếng kêu rồi kèm theo tiếng rên kéo dài. Chị Hiền hốt hoảng chạy ra. Mấy đứa con chạy ra. Bà con hàng xóm chạy sang. Mặt anh tái mét, hai mắt lờ đờ nhìn mọi người. Gian phòng nhốn nháo:   
  
“Ông làm sao thế?”   
“Cha ơi!”   
“Chú Hiền thủng dạ dày rồi!”   
“Chú Hiền thủng dạ dày rồi!”   
“Mang lên bệnh viện cấp cứu ngay!”   
  
Mọi người rối rít lấy võng, lấy cáng, bế anh nằm vào võng. Hai chú thanh niên khoẻ mạnh ghé vai khiêng. Năm, sáu người chạy theo. Chị Hiền và hai đứa con cũng chạy theo. Có người ôm theo cái chăn. có người ôm theo bọc quần áo của anh Hiền… Tình làng nghĩa xóm như bát nước đầy, tối lửa tắt đèn có nhau…   
  
May quá, vừa đến bệnh viện thì gặp y sĩ Phù. Chẳng phải bà con họ hàng, chẳng phải láng giềng, anh Phù quê ở tận làng Xuân Sơn cách làng Hậu Luật đến năm cây số. Hai anh quen nhau trong những trận dân quân diễn tập hồi mới cách mạng tháng Tám. Có một lần anh Hiền là “quân bên ta” bắt được anh Phù là “quân bên địch”. Phù nói: “Mi là thằng Hiền ở Hậu Luật chứ gì! Mi có biết ta không?” Anh Hiền cười: “Mi là thằng Phù ở Xuân Sơn”. Phù bỗ bã: “Tao đói bụng lắm. Chạy rạc cẳng từ sáng đến giờ, chưa có miếng gì vào bụng, mi cho quân bên địch ăn một chút gì để có sức mà tiếp tục đánh nhau”. Dạo đó là sau tết Nguyên đán, anh Hiền còn giữ nửa cái bánh tét, bèn đem ra, “quân bên ta” và “quân bên địch” ngồi ăn ngon lành. Anh Phù nhớ mãi kỷ niệm ấy. Những ngày anh Hiền đau ốm, anh Phù thường qua lại chăm sóc và cho thuốc men… Bây giờ gặp nhau đột ngột trong trường hợp anh Hiền bị cấp cứu, Phù trực tiếp đưa vào phòng khám. Tuy bằng cấp của Phù mới chỉ là y sĩ, nhưng đã vào nghề lâu năm, đã mổ mấy ca dạ dày, cho nên chẩn đoán bệnh chính xác: “Anh Hiền không thủng dạ dày”. Mẹ con chị Hiền và bà con đi theo mừng rỡ. Phù giữ anh lại bệnh viện mấy ngày để truyền máu và theo dõi bệnh tình. Biết anh túng thiếu, Phù đưa cho anh hai hộp sữa, ba lọ ca vét, một chai mật ong, tiễn anh ra đến cổng bệnh viện…   
  
Nghe tin anh Hiền ốm, tôi về thăm. Vừa vào đến ngõ thì thấy Bá đi ra. Gặp tôi, Bá xoắn xuýt nắm tay tôi: “Chú Hiền đau nặng lắm. Sau khi cấp cứu ở bệnh viện về, bệnh có đỡ, nhưng còn gay lắm. Mi về thật đúng lúc…” Tôi nắm tay Bá, chân bước run run… Anh ngồi co ro trên giường, nhìn tôi từ từ bước vào.   
  
“ Em đã về…”   
“Anh…”   
  
Không nén được, nước mắt tôi trào ra. Lạnh quá. Cửa nhà lạnh quá. Cha mất rồi. Mẹ mất rồi. Anh là con trai trưởng, cái cột trụ của gia đình. Cái cột trụ đã mục ruỗng, không còn đủ sức để chống đỡ gian nhà đã quá cũ kỹ. Một thời khang trang, một thời ấm cúng, một thời oanh liệt… Tất cả trở thành dĩ vãng. Chỉ còn lại anh ngồi đây, ốm o xo rụi. Tiếng muỗi vo ve. Bên cạnh giường là bát cháo nguội lạnh với vài ba mẩu thuốc lá sâu kèn. Nắng hoàng hôn nhuộm vàng ệch hòn sơn giả trước sân.   
  
Tình cảnh bi đát. Đến gạo còn không đủ ăn, nói gì đến đường, sữa, thịt nạc để bồi dưỡng. Bạn bè qua lại thăm hỏi có đưa cho anh một ít tiền. Anh em thân thuộc lúc thì đưa cho anh lon gạo ngon, lúc thì cân nếp, lúc thì mấy lạng thịt nạc. Nhưng ai cũng nghèo túng, moi đâu ra gạo, thịt để cung cấp mãi cho anh. Nhìn nhau, thương nhau, cũng đành quay mặt…   
  
Tôi nhìn anh mà không dám nhìn lâu.Tôi cảm thấy có lỗi với anh, có lỗi với cha mẹ, có lỗi với gia đình. Tại sao hồi đó tôi không thẳng thắn nói cho anh biết ýý nghĩ “vui thú điền viên” sau chín năm chinh chiến là một ý nghĩ lỗi thời. Để đến bây giờ, nông nỗi này. Đồng lương của tôi phải tằn tiện may ra mới đủ nuôi hai cháu ăn học, làm sao gửi về thường xuyên được. Lực bất tòng tâm, thương anh mà đành phải bó tay. Tôi rút điếu thuốc lá, châm lửa cho anh hút, phải bật đến nhát thứ ba lửa mới xoè ra. Nhìn anh ngậm điếu thuốc đầu lọc một cách sung sướng mà thương anh quá, tôi đưa anh cả bao, rồi rút ví đưa anh năm chục ngàn đồng. Anh quay mặt vào tường khóc như một đứa trẻ. Tôi cũng trào nước mắt…   
                                           \* \* \*   
Tình làng nghĩa xóm vẫn ấm áp như xưa, vẫn thương nhau hạt muối cắn đôi. Nhưng do cách quản lý xã hội suốt hàng chục năm nay, không khí thôn mạc luôn luôn căng thẳng, người này nhìn người kia bằng con mắt “cảnh giác”, hoặc tạo ra sự xa cách giả tạo. Một chính sách từ đâu ban ra, không có văn bản, nhưng Đảng uỷ và Uỷ ban xã lại thi hành rất nghiêm chỉnh: gia đình nào không vào hợp tác xã thì con cái không được thi vào đại học!   
Cháu Thanh, con anh Hoe Phác, học rất giỏi, sau khi tốt nghiệp cấp ba, Uỷ ban không cho giấy để thi đại học chỉ vì cha mẹ “làm ăn cá lẻ”. Hai đứa con gái anh Hiền, cháu Thảo và cháu Thu cũng vậy, học xong cấp ba không được thi vào bất kỳ trường nào, dẫu là trường chuyên nghiệp trung cấp. Chạy ngược chạy xuôi xin xỏ mãi các cấp lãnh đạo trả lời rằng: Muốn học nghề để thoát ly, phải kinh qua thời gian rèn luyện ở chiến trường. Thế là cháu Thảo tình nguyện đi Thanh niên xung phong, cháu Thu gia nhập quân Giải phóng.   
  
Hai cháu đi rồi, nhà cửa đã vắng vẻ càng thêm vắng vẻ. ở nhà chỉ còn anh Hiền và chị Hiền. Kinh tế lại quá eo hẹp. Lắm chuyện lôi thôi xảy ra. Vợ chồng ăn riêng, chồng một nồi, vợ một niêu, người nào người nấy tự thổi cơm. Chán chường đến tột cùng chán chường.   
  
Lác đác những năm sau, hai cặp vợ chồng già khác, cũng lục đục, chồng một nồi, vợ một niêu. Đáng chú ý là ba cặp vợ chồng này cùng anh em thúc bá trong một chi họ Võ, ở quây quần với nhau. Bi kịch của một cặp vợ chồng đã gây tai tiếng khắp làng khắp xóm. Nhưng cái bi kịch đó lại loang ra đến hai đến ba, thì người ta giật mình đặt câu hỏi: Tại sao? Tại sao?   
  
Ba bà vợ lén lút mang cơm đùm cơm nắm đi bói ở ba nơi khác nhau. Ba thầy bói đều nói: Tại vì chôn hài cốt của bà cô vào khu mộ của chi họ này, cho nên mới xảy ra chuyện phân li giữa các cặp vợ chồng đã ăn ở hoà thuận với nhau trên năm chục năm trời.   
  
Bà cô đó là ai? Đó là bà Võ Thị Chương lấy chồng về xóm Bến Kiềng, xã Nho Lâm. Sau khi chồng qua đời, bà đem con về Hậu Luật nương tựa nhờ các cậu các mợ. Lúc bà mất, một số cụ già bảo “Nhất giặc Ngô, nhì bà cô bên chồng”. Từ xưa đến nay, con gái đã xuất giá không được chôn chung với khu mộ anh em bên ngoại. Nếu chôn chung thì người dưới âm phủ ở không yên, người trên trần thế cũng gây sự xích mích nhau. Ngưòi ta cho đó là chuyện mê tín dị đoan. Thời đại mới mà còn tin vào những điều xằng bậy, thiên hạ cười thối óc! Các cụ còn khuyên thêm: “Nếu muốn táng chung bà cô vào khu mộ bên ngoại thì phải làm lễ xin phép tổ tiên”. Nhưng người ta vẫn phớt lờ. Chẳng lễ bái gì hết. Làm gì có thần thánh. Còn xương cốt tổ tiên thì đã tan thành đất, còn biết gì nữa mà xin phép!   
  
Chuyện đã nhỡ rồi, biết làm sao bây giờ? Một người đi bói, có thể không tin. Nhưng ba người tìm đến ba thầy bói ở ba nơi khác nhau, không tin sao được. Đành phải chuyển mộ bà Chương đi nơi khác. Đau đớn thay, biết mộ ở đâu mà chuyển! Hồi tập trung mồ mả, chi đoàn thanh niên đào một cái rãnh dài, ghép sít sìn sịt các tiểu liền nhau, rồi đắp đất thành một cái mộ chung dài như bờ ruộng. Cái bờ ấy mỗi năm một dài thêm, không ai có thể nhớ được chính xác mộ bà Chương nằm ở vị trí nào. Anh em trong chi họ Võ chạy ngược chạy xuôi khắp nơi, tìm đến thầy cúng này, thầy bói kia, nhà ngoại cảm nọ, mà vẫn không được.   
  
Ba cặp vợ chồng già ấy cũng tự nỗ lực để hàn gắn tình cảm. Mỗi lần xích lại gần nhau một chút, thì như có sức mạnh vô hình nào đẩy ra. Thử cố gắng cùng ngồi ăn cơm vài bữa, không dám nhìn nhau, cơm nuốt không ngon. Lợi dụng lúc có khách đến nhà, hai vợ chồng gượng gạo cùng tiếp, nhưng chỉ được một lát là vợ hoặc chồng vờ bận việc phải bỏ đi nơi khác.   
  
Tình cảm u uất cứ kéo dài lê thê như mưa dầm mùa đông. Chị Hiền tần tảo hơn muời năm trời một nắng hai sương, nuôi bố mẹ chồng, nuôi em chồng ăn học. Chồng đi xa biền biệt. Tưởng là ngày chồng trở về quê vui thú điền viên, nào ngờ không những không vui mà còn tan nát hơn. Chị im lặng, nhẫn nhục, vừa tham gia Hội đồng nhân dân, vừa chăm con trâu, cấy lúa trồng khoai và ráng hết sức mình để vun đắp gia đình. Chị giận anh, thương anh và thương cho thân phận mình quá hẩm hiu. Chị lên Sơn La trông con cho cậu em. Nhớ nhà quá, thương anh quá, chị lại trở về. Nhìn anh ốm o, gầy guộc, vét trong bồ không còn hột thóc, chị ngồi vào góc bếp, gục mặt xuống đầu gối, nước mắt ướt đầm…   
  
Cảnh chồng một nồi, vợ một niêu vẫn tiếp tục kéo dài. Ngán ngẩm đến tận cùng ngán ngẩm. Lắm lúc người chị tê dại tưởng chừng như mất hết mọi cảm giác. Ra đồng làm việc, chị cố trò chuyện với chị em cho khuây khoả mà không khuây khoả được. Buổi tối rảnh rỗi, chị sang hàng xóm chơi cho vơi nỗi buồn mà không vơi được. Rút cục chị vẫn phải âm thầm trong ngôi nhà của mình, chịu đựng cơn đau dai dẳng như dao cùn cứa vào da thịt.   
  
Khuya. Đi họp về. Chị nằm trằn trọc không ngủ được. Thương số phận mình long đong. Chợt một tình thương khác, một tình thương vị tha lớn lao như dòng thác xối vào cái vực thẳm của tâm hồn chị - dòng thác vừa lạnh buốt vừa nóng ấm: thương chồng! Chị rón rén đi từng bước rất nhẹ ra nhà trên… Trời ơi! Chồng chị nằm đó. Chồng chị nằm còng queo quay mặt vào tường, tiếng thở nghe rõ từng nhịp. Chị quay xuống bếp nấu nồi cháo, xé nhỏ từng sợi thịt nạc trộn lẫn vào, ra vườn hái lá tía tô băm vụn rồi rắc lên bát cháo. Ngập ngừng một lát, chị gọi đứa con gái lớn: “Thảo ơi! Thảo ơi! Con đem bát cháo này cho cha ăn. Cha có hỏi ai nấu, thì nói là con nấu, đừng nói mẹ nấu...” Chị lại nằm thao thức trên giường, lắng nghe từng động tác con gái bưng cháo ra cho cha, rồi lắng nghe tiếng động chồng ngồi dậy bưng bát cháo, múc từng thìa ăn ngon lành…

**Võ Văn Trực**

Cọng Rêu Dưới Đáy Ao

**Chương XVII**

Dư âm

“Không làm được cây đại thụ chống chọi cùng phong ba thì xin làm cọng rêu dưới đáy ao để được yên thân’’. Anh nghĩ rằng cọng rêu đó còn có ý nghĩa tích cực đối với bản thân, với gia đình và với cộng đồng làng xóm. Cho nên, bên cạnh cọng rêu, anh giữ gìn một cách nâng niu và trân trọng tất cả những kỷ vật của một quãng đời rất đẹp: cuốn sổ ảnh các lãnh tụ cách mạng, cuốn an-bum riêng của anh, chiếc ca Điện Biên Phủ, huy hiệu chiến sĩ Điện Biên Phủ, lý lịch quân nhân…   
  
Khi cái cọng rêu đã bị xô đẩy xơ xác thì các kỷ vật cũng không còn lý do để tồn tại.   
  
Các kỷ vật ấy là dư âm của một bài ca hùng tráng. Thời gian trôi qua, anh muốn giữ lại trong lòng mình dư âm của bài ca ấy. Nhưng trong thực tế dữ dằn, khắc nghiệt, dư âm ấy bị tắt dần tắt dần cho đến lúc tiêu tan hoàn toàn.   
  
Trong buổi bình minh của chế độ mới, anh ra công sưu tầm ảnh các vị lãnh tụ cộng sản trong nước và quốc tế, dán riêng vào một cuốn sổ. Mỗi lần cho ai xem, anh tự giở ra, người đó chỉ được xem bằng mắt, không được sờ tay vào… Anh vẫn cất giữ trong ngăn kéo cuốn sổ đó. Thỉnh thoảng có ai đến chơi, anh bận việc, không thể ngồi trò chuyện được, anh lại đưa cuốn sổ ảnh cho họ xem. Đến người thứ tư, thứ năm, thì anh để hẳn cuốn sổ trên bàn, mọi người xem một cách tự do, thoải mái. Tiến đến một bước nữa: ai thích ảnh nào cứ tự nhiên bóc ra và đem về. ảnh mỗi ngày một thưa dần trong cuốn sổ. Cuối cùng còn tấm ảnh 4x6 Xta-lin đứng trước tấm bản đồ quân sự, tôi vội vàng bóc ra và giữ làm kỷ niệm riêng của tôi. Tấm ảnh ấy, gần bốn mươi năm rồi, tôi vẫn giữ.   
  
Cuốn an-bum riêng của anh có nhiều ảnh anh chụp với bạn bè, đồng đội từ hồi đầu cách mạng cho đến thời cải cách ruộng đất. Có những tấm ảnh anh chụp với gia đình bần cố nông. Có nhiều ảnh của bà con họ hàng, làng xóm và nhiều anh chụp riêng với tôi… Lẫn trong chồng sách cũ có cuốn an-bum đó, tôi lục ra thì thấy nhiều ảnh đã ẩm mốc loang lổ. Tôi lau lại từng tấm ảnh, phơi nắng, rồi gói lại cẩn thận. Nhờ đó, tôi có ảnh chân dung cha mẹ, anh chị em trong gia đình cách đây ba, bốn chục năm. Những ảnh bà con, họ hàng, làng xóm, tôi đem chụp lại, phóng to, rồi biếu lại từng người. Tất cả ảnh của anh hồi chiến tranh và hồi cải cách ruộng đất, tôi đều nhờ thợ ảnh tô sửa lại, chụp lại, ép nhựa, cất vào một cái hộp. Dẫu sao đây cũng là kỷ niệm của một người anh…   
  
Tất cả những giấy tờ linh tinh khác như lý lịch quân nhân, thẻ phục viên, giấy khen, bằng huân chương đều đã mục nát cùng với mớ giấy lộn. Trong đó, tôi tiếc nhất là cuốn nhật ký của anh hồi kháng chiến. Nội dung của nó không có giá trị gì lắm. Nhưng nó là kỷ vật thiêng liêng với những dòng chữ rất đẹp của anh - xen vào giữa những dòng tiếng việt là những câu tiếng Pháp. Gáy sách đã mục hoàn toàn. Còn nguyên từng tờ giấy. Tôi nhẹ nhàng gỡ ra và nâng lên thì tờ nào cũng vụn nát. Người tôi thừ ra, đờ đẫn, xót xa, nhức buốt. Nhìn những vụn giấy tan trên mười đầu ngón tay, tôi rùng mình thương cuộc đời anh cũng đang vụn nát…   
  
Còn chiếc ca “Chiến sĩ Điện Biên Phủ’’? Ngày mới bước chân về nhà vui thú điền viên, anh đã bọc giấy cất vào hòm. Sau đó anh đem ra dùng, bỏ lăn lóc trong bếp. Tôi nhặt lên, lau chùi lại, để vào góc tủ. Ông cậu đến chơi, đem ca ra uống nước, anh cho luôn. Tôi thấy tiếc, mua một cái ca nhôm cầm lên cho cậu để lấy cái ca Điện Biên Phủ về. Nhưng cậu đã đánh mất!   
  
Huy hiệu “Chiến sĩ Điện Biên Phủ’’ cũng không còn nữa! Sau nhiều biến động của xã hội và gia đình, chiếc huy hiệu quý báu ấy cũng phiêu bạt đi đường nào. Nắng mùa hè oi bức, tôi đánh trần lục lọi khắp mọi ngóc ngách hòm tủ để tìm cho kỳ được. Chẳng lẽ cả quãng đời oanh liệt của anh không giữ lại được cái gì ư? ít ra là cai huy hiệu “Chiến sĩ Điện Biên Phủ’’: con cháu nhìn vào biết được một thời kỳ rực rỡ của ông cha, biết được trong gia đình mình, gia tộc mình có một người con đã đóng góp vào chiến công lừng lẫy ấy… Biết tôi đang tìm gì, anh trở mình mệt mỏi, chống tay ngồi dậy, cuộn điếu thuốc lá sâu kèn, uể oải châm lửa: “Lần đầu khám nhà, họ lục lọi tanh bành, chẳng hiểu cái huy hiệu ấy rơi mất đâu…’’   
  
Mất tất cả rồi! Mất tất cả rồi! Gian nhà hẹp bỗng như ruỗng ra và rộng tênh, không còn lưu lại một chút gì ấm áp của một thời đã qua. Tôi lững thững đi ra cổng làng, mong được nhìn lại cây phượng, nơi anh đã theo bác Chắt Kế và bạn bè cắm ngọn cờ đỏ sao vàng đầu tiên ở vùng nam Diễn Châu. Vừa đi tôi vừa nảy ra ý định: bàn với chi bộ huy động thanh niên lấy đất bùn ao đắp quanh gốc cây phượng, rồi xây một vòng gạch xung quanh bồn. Phải giữ lại cây phượng này để làm chứng tích của một cuộc Cách mạng long trời lở đất… Nhưng ra đến nơi không thấy cây phượng đâu cả. Tôi vào chơi nhà cố Lưu ở cạnh đó, cố cho biết: “Cây phượng già quá rồi, nó chết được vài ba tháng thì bác Chắt Kế cũng chết’’. Thế là mất sạch, hết sạch! Trong làng có mười ba cây cổ thụ, có cây đến ba trăm năm, năm trăm năm, người ta đã chặt mười hai cây ngay sau ngày cướp chính quyền. Còn lại một cây phượng, cây phượng chết già…   
                                    \* \* \*   
Thấy cảnh gia đình và họ tộc điêu đứng kéo dài, hồi còn sống cha tôi nhờ thầy địa lý xoay lại hướng ngôi mộ của ông nội táng ở Đồng Cống, khi đó chưa tập trung mồ mả. Cha già yếu, không trực tiếp làm việc này. Anh Hiền đứng ra xắng xở lo toan. Chẳng hiểu anh có tin vào việc động mồ động mả hay không, chỉ thấy anh ngoan ngoãn làm theo lời cha. Có thể anh muốn cho cha yên lòng. Có thể anh tin thật, tin là có một thế giới vô hình song song tồn tại với thế giới hữu hình, thế giới vô hình hoặc phù trợ hoặc tác hại thế giới hữu hình. Chiều tối hôm trước, anh mời các bác các chú sang nhà ăn cơm và bàn chuyện ngày mai xoay hướng mộ cho ông nội.   
  
Sáng hôm sau gà gáy canh tư, cả nhà thức dậy. Bà con đến đông đủ. Mọi người thắp đèn đốt đuốc đi ra đồng. Đêm mùa đông sương giá lạnh gai da thịt. Tôi vừa đi theo dòng người vừa thầm khấn: “Ông ơi! Ông sống khôn chết thiêng, ông phù hộ cho con cháu được bình yên. Con cháu có làm điều gì sơ suất, ông xá lỗi…”   
  
Đồng Cống nằm bên cạnh sông Bùng, phả hơi nước lên, sương trắng dày đặc. ánh đuốc sáng nhạt nhoà. Mồ mả nhấp nhô. Đom đóm chập chờn như ma trơi. Gió tạt vào những khóm cây bầu xua động lá lao xao. Tôi có cảm giác như đang đứng giữa thế giới âm phủ.   
  
Cuốc bổ, thuổng đào, ngôi mộ bị san phẳng dần, rồi sâu hõm xuống. Tôi chăm chú theo dõi và bụng cứ khấn thầm: “Ông ơi! Con cháu của ông đang đứng quanh ông đây mà. Mấy năm nay cửa nhà sa sút, không giữ được gia thế như hồi ông còn sống. Cháu xin lỗi ông. Cầu mong ông ban phúc cho gia đình ta được êm ấm…” Anh Sửu Phúc lật nắp tiểu sành, hộp tiểu khô ráo, xương cốt ông hiện ra dưới ánh lửa khi mờ khi ảo. Thế là trong khoảnh khắc, trong gang tấc, thế giới bên này đã gặp thế giới bên kia. Tôi nhìn lại ông, mơ hồ hình dung một người ông gần nửa thế kỷ trước: râu tóc bạc phơ, cắp chiếc ô đi thăm bệnh cho thiên hạ khắp xứ Đông xứ Đoài. Sự hình dung ấy cứ đầy đặn dần như nhà nặn tượng đắp thạch cao để tạo dựng một nhân vật cổ xưa. Anh Hiền quỳ thụp xuống, chắp tay vái chân thành. Chưa bao giờ anh thể hiện cử chỉ tín ngưỡng bộc lộ hết tấm lòng thành kính của mình như thế. Có thể trong tâm linh anh đang dấy lên nỗi day dứt, ân hận về sự tính toán sai lầm của mình trên đường đời. Có thể anh thật lòng cầu xin, van lơn ông nội, van lơn các bậc tiền nhân ban phát cho mình một cuộc sống bình yên như rong rêu dưới đáy ao.   
  
Anh Sửu Phúc, một bậc đàn anh trong họ: “Chú Hiền lui ra để tôi sắp lại hài cốt cho ông…” Đầu ông nghiêng về một bên. Sao mặt ông lại quay về phía Đông Bắc? Có lẽ ông đang chờ đợi cụ Thuỷ tổ Vũ Hồn ở tận Hải Dương một điều gì đó. “Nào, soi đuốc vào đây để mọi người nhìn cho rõ…” Hơn chục bó đuốc chụm vào. Hơn chục cái đầu người chụm vào. Im lặng… Im lặng đến tột cùng im lặng… Im lặng mênh mông… Nghe rõ tiếng lửa cháy lách tách trên từng bó đuốc…   
  
Nghe nhắc đến tên ông Vũ Hồn, người tôi run lên như có một luồng máu từ thượng cổ dội về và len vào từng vi ty huyết quản. Cháu con làng Hậu Luật ai mà chẳng biết sự tích vị thuỷ tổ của mình. Đầu tiên, cụ lập nghiệp ở làng Châm Thượng, tổng Nam Sách tỉnh Hải Dưong từ thế kỷ thứ tám. Đến thế kỷ mười lăm, hậu duệ của cụ là ông Võ Phúc Sơn cùng với con là ông Võ Chính Đạo mang khăn gói vào phía nam và lập nên làng Hậu Luật. Nơi đây, thế đất cường thịnh, phía đông là biển cả, phía tây là núi Hai Vai. Dân cư làm ăn sung túc, đời nào cũng có người đậu đạt. Thế mà, bây giờ… Tôi cảm thấy mình có lỗi lớn với tổ tiên.   
  
Trong giây phút thiêng liêng này, không ai nói với ai một câu. Dường như từng người đang lặng lẽ lắng nghe từng giọt máu, từng lời khuyên của tiền nhân nhỏ xuống hồn mình. Anh Hiền đăm đắm nhìn hai bàn tay anh Sửu Phúc xếp lại từng cái xương của ông nội. Người anh oằn xuống, tôi ngỡ như anh đang sắp sửa nằm nhoài xuống để ôm lấy bộ hài cốt của ông nội. Anh Hoe Thảo, anh Hoe Phác đứng hai bên giơ tay giữ anh lại…   
  
Sau lần xoay hướng mộ ông nội, không những gia đình tôi, mà cả chi họ, các chi họ khác và cả dân làng Hậu Luật đều chờ đợi, chờ đợi một sự thay đổi… Một tháng, rồi sáu tháng, rồi một năm, rồi hai năm, gia đình vẫn nguyên trạng như thế. Làng xóm vẫn nguyên trạng như thế. Từ các cụ già đến thanh niên đều cho rằng chỉ xoay hướng mộ ông nội tôi thôi không ăn thua gì! Làng đã bị tàn phá từ cái gốc. Cái gốc không dựng lại được, mà chỉ sửa một chút cái ngọn thì chẳng động thấu đến thần thánh, tổ tiên.   
  
Anh Hiền vẫn chờ đợi. Mặc dầu sự chờ đợi ấy rất mơ hồ, nhưng ít ra, anh vẫn còn hi vọng. Chút hi vọng le lói đó níu anh vào cuộc sống - dẫu là cuộc sống phẳng lặng và buồn tẻ. Nhưng nào có được sống phẳng lặng và buồn tẻ mà càng ngày càng dữ dội hơn, nghiệt ngã hơn.   
  
Bơi giữa dòng nước xoáy, anh gồng hết sức mình để nhoi lên. Mỗi lần nhoi lên lại bị sóng dìm xuống sâu hơn. Anh lại cố nhoi lên và lại bị sóng dìm xuống sâu hơn nữa… Cứ như thế cho đến lúc toàn thân anh bã bời như tấm giẻ rách. Ngày ngày anh thắp hương cầu khấn một sự phù trợ của sức mạnh Siêu Nhiên. Nhưng Siêu Nhiên không mảy may ban phát cho anh một điềm lành. Anh buông xuôi tất cả! Bàn thờ lạnh nhang khói. Ngày giỗ, ngày tết, anh cũng không thắp hương. Mọi giác quan trên người anh như đã tê dại cả. Anh tồn tại như cái bóng mờ nhạt, không buồn, không vui, không ghét, không thương, không duy tâm, không duy vật…   
                                        \* \* \*   
Bệnh sốt rét và dạ dày hoành hành, phá huỷ cơ thể anh một cách tồi tệ. Anh nằm mê lịm trêng giường hàng tháng trời, mỗi ngày nuốt được dăm thìa cháo. Tiếng thở của anh nghe nặng nề như người gánh nặng vượt dốc cao. Anh vẫn còn muốn vượt dốc. Liệu có qua được cái dốc này không? Qua được, nhưng bên kia dốc là thăm thẳm hư vô…   
  
Năm tháng nhọc nhằn đã bóp gương mặt đôn hậu của anh trở thành nhăn nhó, méo mó, dúm dó.   
  
Nhà bên cạnh mở đài, vọng sang những bài hát kỷ niệm ngày toàn quốc kháng chiến.   
  
*Đoàn vệ quốc quân một lần ra đi… ra đi ra đi bảo toàn sông núi… ra đi ra đi thà chết chớ lui…*   
  
Người anh một thoáng rung lên. Đôi mắt anh mở to, chớp sáng.

**Võ Văn Trực**

Cọng Rêu Dưới Đáy Ao

**Chương XVIII**

Lễ tang

     Anh mất, người đau đớn nhất là chị Hiền. Chị khóc vật vã. Nỗi bất hạnh của cuộc đời anh đã kéo theo cuộc đời chị cùng bất hạnh. Ròng rã suốt mấy chục năm trời chị ngậm tủi nuốt sầu, trọn đạo làm dâu, trọn nghĩa làm vợ. Tuổi trẻ, chị không biết tình yêu là gì. Vào tuổi ba mươi, khói lửa chiến tranh tắt, chị toan nắm được hạnh phúc, nhưng rồi hạnh phúc lại tuột khỏi bàn tay chị. Chị khổ vì chồng. Không chịu đựng được, chị bỏ nhà lên Sơn La trông cháu. Thương chồng, chị lại trở về. Rồi chị lại ra Hải Phòng ở với con gái, trông cháu ngoại. Đến khi nghe tin chồng ốm nặng, chị lại trở về. Một khát khao bình thường của người phụ nữ là được chăm sóc chồng mà chị cũng không đạt được. Những ngày cuối đời anh, chị mới thực sự được gần gũi chồng, lo lắng thuốc men và cơm cháo cho chồng.   
  
Chị quên tất cả, quên mọi điều bất hạnh xô ập tới gia đình trong mấy chục năm trời, quên những cơn dằn vặt do anh gây ra. Trước mặt chị là chồng, một người chồng lăn lóc trên giường bệnh. Chị phải ân cần nâng niu, an ủi. Chị có quyền được nâng niu, an ủi. Ròng rã mấy tháng trời chị không rời anh. Đêm nào chị cũng thức. Nhiều đêm chị thức trắng. Một tiếng ho, một tiếng thở không bìmh thường, một cái trở mình của anh, đều làm chị giật thót. Ngọn đèn hiu hiu thâu canh. Chị thức cùng ngọn đèn, cùng tiếng muỗi vo ve và tiếng thạch sùng chắt lưỡi như ngày nào chị mới sinh cháu. Chị thương con chừng nào thì chị thương chồng dường ấy. Nát ruột nát gan vì nỗi bất hạnh chồng mang đến chính là tình thương rất đỗi có trách nhiệm với gia đình. Chị không quay lưng, mà chị luôn luôn sẵn sàng đối mặt với mọi rắc rối của chồng con với một nghị lực mạnh mẽ mà thầm lặng của người phụ nữ Việt Nam…   
  
Chính nhờ thái độ ấy, nghị lực ấy, mà đến phút chót của đời mình, trước khi hắt ra hơi thở cuối cùng, anh gọi chị, anh gọi tên chị, anh gọi “Bà ơi! Bà ơi!” Anh gọi “Bà” là để thay lời cho những đứa cháu - những giọt máu chảy trường tồn trong huyết thống của gia tộc, của dòng họ. Con chim sắp chết thì tiếng kêu thương, con người sắp chết thì lời nói thật. Tiếng gọi “Bà ơi! Bà ơi!” là lời nói thật chứa đựng bao nhiêu nỗi niềm ăn năn, hối hận, chứa đựng bao nhiêu nỗi niềm chua xót, ngọt ngào, hờn giận, thương yêu của cả một đời của anh đối với chị.   
  
Chị hốt hoảng nắm chặt bàn tay anh. Mười ngón tay anh run rẩy nắm lấy bàn tay chị. Ôi đằng đẵng một quãng đời chồng vợ dài gần năm mươi năm, đến phút này đây, đến phút chót này đây, chị mới được chồng nắm chặt tay mình và chị mới biết được bàn tay chồng ấm lạnh như thế nào.   
  
Gục đầu lên người anh, chị khóc nấc lên, vật vã kêu gào. Mọi ngưòi kéo chị ra nơi khác mà chị cứ tưởng là đang ôm lấy anh, tiếng khóc thét lên như nghìn mũi dao đâm ngang đâm dọc vào cơ thể chị…   
  
                                        \* \* \*   
Đồng đội anh đâu rồi?   
Đồng đội anh đâu rồi?   
Đồng đội anh đâu rồi? Không có ai ở đây trong giờ phút này để vĩnh biệt anh!   
  
Chặng đường gần mười năm anh sống với đồng đội, với bạn bè chiến đấu là những năm tháng vui nhất, sôi nổi nhất, đẹp đẽ nhất và có ý nghĩa nhất trong cả cuộc đời sáu mươi lăm năm của anh. Ăn đói, mặc rét, nằm rừng, hồi hộp chờ đợi giờ xuất kích, xông vào đồn giặc. Gặp nhau dọc đường, dù vội mấy cũng dừng lại dăm ba phút, trao cho nhau điếu thuốc lá. Lúc anh giải ngũ về nhà, thiếu thốn, bạn bè qua lại, cho anh bao thuốc, cân chè, cân cà phê hoặc một ít tiền.   
  
Tôi còn nhớ có lần đi bộ với anh vào Vinh. Đến Quán Hành thì trời đã xâm xẩm tối, bỗng gặp người bạn đi ngược chiều trở ra. Hai anh ôm nhau khóc:   
  
“Tao tưởng mày đã hy sinh ở chiến trường Bình Trị Thiên”.   
“Tao cũng đinh ninh là mày đã vùi xác ở Việt Bắc”.   
  
Tối hôm đó, hai anh ngủ lại quán bên đường. Gọi là quán, nhưng chỉ là túp lều gianh của một gia đình nông dân che tạm để bán nước và bán cơm sau ngày hoà bình lập lại. Đêm nào bà chủ cũng về trong xóm. Hai anh em xin bà cho được ở lại quán một đêm. Bà ái ngại vì chỉ có một cái giường con ọp ẹp, bèn mời hai anh vào nhà nghỉ ngơi. Hai anh từ chối. Thế là bà vội chạy về nhà, mang thêm thức ăn. Rồi hai anh tự nấu nướng, mua rượu, cùng ăn bũa cơm ngon lành trong cái quán lụp xụp… Đêm ngắn ngủi, dường như hai anh thức đến gần sáng, rủ rỉ trò chuyện…   
  
Lúc này, tôi nhớ lắm, nhớ vợ chồng anh Thái ở số nhà 35 Hàng Ngang, Hà Nội, đã tận tình giúp đỡ ròng rã hai tháng trời để anh học may. Tôi cũng nhớ tới vợ chồng anh Chiến ở thị trấn Thái Hoà, miền núi Nghệ An đã vồn vã cưu mang khi anh vừa đặt chân đến vùng kinh tế mới. Giá các anh chị biết anh Hiền mất thì thế nào cũng đến dự lễ tang. Không hiểu trong giấc ngủ, các anh chị có mộng thấy anh Hiền về chào và cảm ơn một lần cuối cùng?...   
  
Còn đông đảo những người bạn khác, những đồng đội khác, xa cách nơi phương trời nào? Chiến tranh thì đoàn tụ. Hoà bình thì phải chia phôi. Chiến tranh thì được sống với cộng đồng biết thương yêu nhau. Hoà bình thì phải sống giữa một tập thể mà ngày ngày ghen ghét nhau, đố kỵ nhau, moi móc nhau. Thật là oái oăm. Tôi khát khao trong giờ phút vĩnh biệt thiêng liêng này, có các anh sum vầy, cúi đầu quanh thi hài anh. Dẫu mọi giác quan của anh đã chết rồi, nhưng linh hồn vẫn phiêu diêu nơi trần thế để nhận lấy chút ấm áp cuối cùng của tình đồng đội.   
  
Bạn bè anh trong làng cùng tham gia kéo cờ ngày khởi nghĩa, đâu cả rồi? Anh Lộc đã chết bệnh. Anh Hối đã chết trong một tai nạn đổ tàu hoả… Còn ai nữa? Còn đây, anh Huân…   
  
“Thằng Hiền chết rồi à?”, đang nằm mệt lịm trên giường, nghe có người báo tin, anh Huân giật mình ngồi dậy.   
  
“Thằng Hiền chết rồi!...”, anh khóc hu hu như một đứa trẻ. Thằng bạn thân thiết cuối cùng đã ra đi. Thằng bạn hoạt động hăng hái một thời đã ra đi, thằng bạn cuối cùng…   
  
Anh chống gậy lập cập bước ra ngõ. Bệnh thấp khớp hành hạ bao nhiêu năm trời, anh chỉ lê bước quẩn quanh trong nhà. Nhưng hôm nay, anh phải đi để “nhìn mặt nó trước khi vĩnh viễn xa nó”. Bóng anh xiêu vẹo trên đường làng. Cố Hoe từ trong sân nhìn ra, sợ anh ngã, vội chạy tới dìu anh. Vừa đi, anh vừa khóc, Cố Hoe cũng rơm rớm nước mắt.   
  
Không ra được nghĩa địa. Gắng gượng lắm anh chỉ đi theo sau quan tài đến đầu ngõ, rồi quỵ xuống ngồi co ro, hai tay ôm chặt đầu. Mấy người tới đỡ anh dậy, anh lắc đầu. Qua cơn chóng mặt, anh vẫn ngồi đó, nhìn theo cỗ quan tài với đôi mắt mỏi mệt và buồn rười rượi… Một thời nhiệt huyết là thế, một thời hào hoa là thế, một thời sum vầy bè bạn là thế, mà nay chỉ mình anh tiễn đưa người bạn chí cốt về bên kia thế giới …   
  
Cuối đông. Mưa dầm. Rét tê tái. Nghĩa địa Cồn Rộng lởm chởm những mộ cũ mộ mới. Cỏ vàng úa. Gió bấc rít lên từng hồi làm động những hố huyệt đen sền sệt mà người ta vừa đào lên để cải táng. Mấy tấm gỗ mục còn đầy âm khí nằm chơ chỏng như cửa nhà người nghèo vứt lại trước lúc di cư.   
  
Bao nhiêu thế hệ tiền nhân đã nằm xuống đây, như một nơi tạm nghỉ của cõi âm, để rồi linh hồn lại theo hài cốt đi đến nghĩa trang vĩnh cửu.  
   
Trước kia, người ta trồng một cây đa trên cồn đất cao ngay giữa nghĩa địa với ý niệm bóng mát che hồn người đã khuất. Rễ bủa ra chằng chịt néo chặt thân gỗ và vòm lá to lớn vào lòng đất. Bà con làng xóm kể cho nhau nghe nhiều chuyện li kì về gốc đa này. Ma họp làng, cãi nhau om sòm. Ma ngồi ăn cơm trưa lúc nghỉ tay gặt lúa. Đêm mùa hè, ma mắc võng trên cành đa để hóng mát. Sự hiện diện của cây đa làm tăng thêm vẻ tôn kính của người sống đối với người chết… Nhưng cây đa này đã bị chặt và bị đào tận gốc ngay từ hồi 1945. Vắng bóng đa, nghĩa địa trống hoang trống huếch. Những chuyện đồn về ma quỷ, thần thánh không còn nữa, trẻ con tha hồ cho trâu bò vào húc đổ mồ mả. Thậm chí, có lần hai thằng bé sinh sự gây gổ, đã nhổ cả mộ chí lên để ném nhau. Sự tàn phá về văn hoá đã dẫn đến sự độc ác của con người ngay từ buổi thiếu thời.   
  
Anh Hiền lại nằm xuống đây, giữa nghĩa địa hoang trống không bóng cây che. Số phận hẩm hiu truy đuổi anh đến cùng, anh chịu chung số phận với bao người thân khác.   
  
Bà con chen chúc đứng xung quanh, tiễn đưa một con người mà nửa cuối cuộc đời là bất hạnh. Ai cũng lo sự bất hạnh sẽ lần lượt đến với mình, vì sự trừng phạt của Thần Thánh, Tổ Tiên. Chuyện đau lòng cũ đã lùi xa gần nửa thế kỷ, đáng nhẽ ra Thần Thánh,Tổ Tiên đã nguôi cơn giận. Nhưng sự tàn phá ngày ấy quá nặng nề, đến nỗi không còn một chút bóng dáng của nền văn hoá mà ông cha đã dày công vun đắp sáu trăm năm qua - từ khi ông tỉ tổ Võ Phúc Sơn và Võ Chính Đạo mang khăn gói từ ngoài bắc vào khai sơn phá thạch, chiêu dân lập ấp. Không còn gì nữa! Không còn đến cả một ngôi mộ cổ. Không còn đến cả một cái bàn thờ để con cháu sum vầy, nhang khói thờ phụng. Chẳng hiểu nỗi đau này còn di căn đến mấy thế hệ nữa?   
  
Trước mặt bà con là một chiếc áo quan đang từ từ hạ xuống. Trong áo quan là một con người đã từng chịu đựng bao nỗi buồn đau quá sức mình, để rồi đến lúc nhắm mắt buông tay thầm nhắn gửi lại những ý nghĩ nhân tình: “Ai rồi cũng phải chết. Mỗi người chỉ được sống trên mảnh đất này một thời gian rất ngắn. Vậy thì lúc sống hãy giành thì giờ để yêu thương nhau, đừng sinh sự hiềm khích nhau”.   
  
Anh Hiền ơi, hàng trăm người cư trú ở cái làng này, chiều nay, cùng chung ý nghĩ với anh. Không phải đến bây giờ mà suốt mấy thế kỷ nay, bà con vẫn nghĩ như thế. Lúc anh đang sống, gặp hoạn nạn, bà con cưu mang đùm bọc anh. Tình làng nghĩa xóm luôn luôn như bát nước đầy. Ngay cả khi gặp cơn tai biến bị khám nhà, người ta vẫn không nghĩ xấu về anh. Nhiều người biết mình bị lừa nhưng ai chẳng ai dám nói ra, vì sợ thế lực.   
  
Nói cho cùng, những người chấp chính phạm sai lầm. Họ vừa là thủ phạm vừa là nạn nhân. Họ phục thiện nhanh chóng. Đủ mặt tất cả những con người ấy trong buổi vĩnh biệt thê lương này: đồng chí trưởng công an xã tham gia vụ khám nhà, đồng chí bí thư Đảng uỷ và bí thư chi bộ khởi xướng việc thi hành kỷ luật anh, và có cả “thằng bán tơ” đã từng vu oan cho anh. Họ cũng buồn rũ rượi khi tiễn biệt người đồng hương đồng tộc. Họ cũng cầm nắm đất ném xuống huyệt, cũng cắm nén hương lên mộ, để chứng tỏ họ không ghét bỏ gì anh, họ là người cùng huyết thống với anh.   
  
Tôi đặt lên ngôi mộ tấm ảnh của anh - không phải tấm ảnh gày gò của ông lão sáu mươi, mà là tấm ảnh người thanh niên cường tráng những năm tháng hào hùng ở Việt Bắc: mặc áo trấn thủ, đội mũ lưới đính quân hiệu. Hàng trăm cặp mắt chăm chắm nhìn vào tấm ảnh, chợt thức dậy trong tiền thức của họ những kỷ niệm về anh và về làng xóm thuở Cách mạng sơ khai. Nhiều người cúi đầu lau nước mắt. Thằng Bá vừa cắm nén hương vừa buột miệng thốt ra câu đồng dao:   
Nhông nhông ngựa ông đã về…  
Yên Hoà, đông xuân 1996 - 1997   
Sửa lại tại Hậu Luật - Yên Hoà, thu 2006.

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.  
Nguồn: http://vnthuquan.net  
Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.  
  
Nguồn: Nhà xuất bản Hội Nhà văn và Công ty Văn hoá & Truyền thông Võ Thị, 2007 - Talawas  
Được bạn: Ct.Ly đưa lên  
vào ngày: 26 tháng 7 năm 2007